



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015

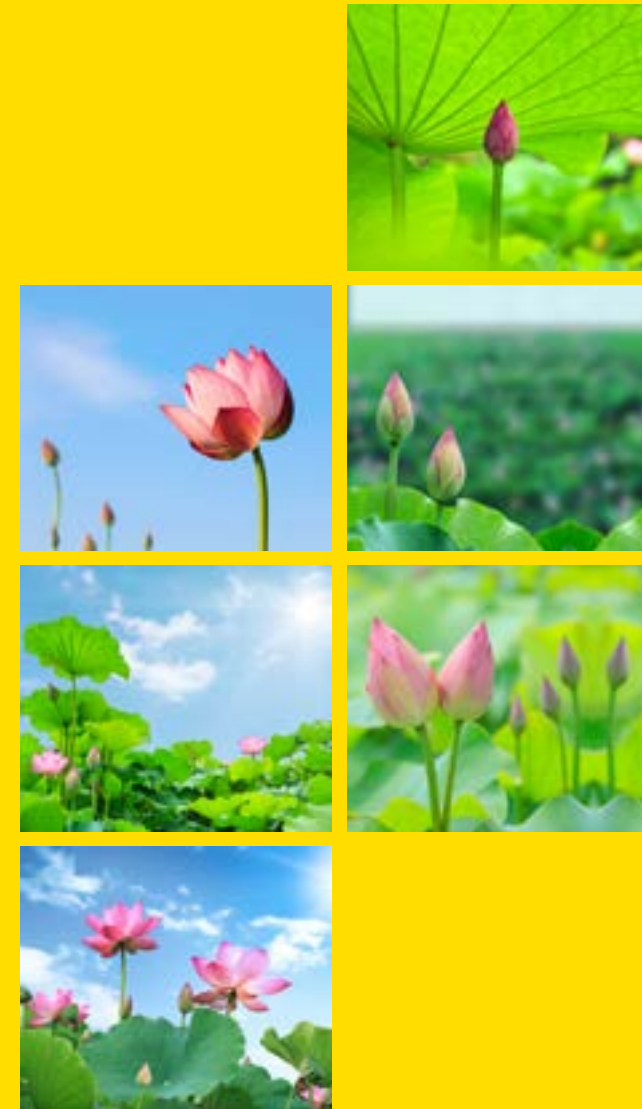


VƯỢT MỐC **1 TRIỆU** TẤN/NĂM

SEN CHẤT LƯỢNG Vàng



NỘI DUNG



04	VĂN HÓA 10 CHỮ T	>
05	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi – Triết lý kinh doanh	
06	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
10	GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN	>
12	Con số và sự kiện nổi bật niên độ tài chính 2014 – 2015	
14	Lịch sử hình thành và phát triển	
17	Mô hình Tập đoàn Hoa Sen	
18	Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Hoa Sen	
20	Năng lực sản xuất	
22	Danh mục sản phẩm	
26	5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi	
38	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	>
40	Giới thiệu Hội đồng Quản trị	
44	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
52	Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	
56	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
66	Giới thiệu Ban Kiểm soát	
67	Báo cáo của Ban Kiểm soát	
68	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	>
70	Quản trị doanh nghiệp	
82	Quản trị rủi ro	
84	Chính sách nguồn nhân lực	
90	Thông tin cổ phần	
94	Giới thiệu chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	
96	Giới thiệu các công ty con	
108	Hệ thống chi nhánh	
114	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	>
126	Phụ lục ảnh: Hướng đến Cộng đồng	
136	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	>
	Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015	
	Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2015	

VĂN HÓA 10 CHỮ

TRUNG
THỰC

TRUNG
THÀNH

TẬN
TUY

TRÍ
TUỆ

THÂN
THIỆN

Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm vật liệu xây dựng thông qua chiến lược phát triển bền vững dựa trên chuỗi 5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi: Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống phân phối - bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, thương hiệu hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen với chất lượng quốc tế, giá cả hợp lý và mẫu mã đa dạng nhằm thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Trung thực - Cộng đồng - Phát triển

Triết lý kinh doanh



Chất lượng sản phẩm là trọng tâm



Lợi ích khách hàng là then chốt



Thu nhập nhân viên là trách nhiệm



Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ

“TRONG THỜI GIAN TỚI, TẬP ĐOÀN HOA SEN TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA THÔNG QUA VIỆC MỞ RỘNG HỆ THỐNG CHI NHÁNH PHÂN PHỐI BÁN LẺ, KẾT HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC MARKETING HIỆU QUẢ VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP (ERP)”

KÍNH THUA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,

Năm 2015 khép lại với những diễn biến phức tạp và bất ổn của ngành thép trong nước và thế giới. Nổi bật nhất chính là sự sụt giảm nghiêm trọng của giá thép nguyên liệu, tác động đáng kể đến lợi nhuận của các doanh nghiệp thép trên thị trường. Bên cạnh đó, việc các thị trường xuất khẩu lớn tăng cường áp dụng những biện pháp phòng vệ thương mại, cộng với cuộc khủng hoảng thừa tại thị trường thép Trung Quốc - quốc gia có sản lượng sản xuất thép hàng đầu thế giới, đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thép trong nước, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu.

Trước những diễn biến bất lợi trong năm vừa qua, Hội đồng Quản trị đã đề ra và triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ, linh hoạt nhằm phát huy các nguồn lực, nắm bắt các cơ hội, vượt qua mọi thách thức, đảm bảo thích nghi với những biến động lớn, tạo động lực cho những bước phát triển kế tiếp.

Kết thúc niên độ tài chính (NĐTC) 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Tập đoàn đã đạt được 653 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế và vượt 45% kế hoạch. Ngoài ra, các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu cũng đều tăng trưởng so với NĐTC trước. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ thành phẩm vượt mốc 1.000.000 tấn/năm và hoàn thành sớm 2 năm mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2013 – 2017. Doanh thu thuần đạt 17.447 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với NĐTC trước.

Các kênh bán hàng trong nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, sản lượng tiêu thụ hơn 600 nghìn tấn, tăng 26% so với

NĐTC trước và chiếm 60% cơ cấu sản lượng. Đồng thời, nhờ vào sự đa dạng hóa thị trường, kênh xuất khẩu cũng đạt mức sản lượng tiêu thụ hơn 400 nghìn tấn, tăng trưởng 21% so với NĐTC trước. Bằng kết quả kinh doanh trên, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục chứng minh được vị thế dẫn đầu trên thị trường tôn, thép tại Việt Nam, chiếm gần 40% thị phần tôn và gần 20% thị phần ống thép.

Việc Tập đoàn đạt được những bứt phá về lợi nhuận trong một giai đoạn hết sức khó khăn của ngành thép như năm vừa qua là nhờ vào sự vận dụng hiệu quả các lợi thế cạnh tranh cốt lõi tại thị trường nội địa, trong đó bao gồm việc tập trung phát triển nhanh hệ thống phân phối bán lẻ kết hợp với đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, cộng với những nỗ lực trong việc tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng thành phẩm, đảm bảo hoạt động cung ứng nhanh chóng, hiệu quả. Hơn hết, sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông cũng góp phần không nhỏ vào những thành công của Tập đoàn.

Trong năm 2016, thị trường ngành thép được dự báo sẽ tiếp tục trải qua một chu kỳ khủng hoảng với những diễn biến phức tạp, khó lường. Ý thức rõ điều này, Tập đoàn Hoa Sen đặt mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm sau nhằm duy trì và phát huy những thành quả đã đạt được, cũng như thực hiện thắng lợi các chiến lược phát triển:

» Thứ nhất, tăng trưởng nhanh hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ, kết hợp với việc hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của tất cả chi nhánh. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm Hoa Sen trên thị trường nội địa.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐẠT ĐƯỢC SỰ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TRONG MỘT GIAI ĐOẠN RẤT KHÓ KHĂN CỦA NGÀNH THÉP NHU NĂM VỪA QUA LÀ NHỜ VÀO NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG SÁNG TẠO, LINH HOẠT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NHỮNG NỖ LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ SỰ CỐNG HIẾN TẬN TỤY CỦA TOÀN THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN TẬP ĐOÀN.

- » Thứ hai, khai thác hiệu quả các dây chuyền, máy móc thiết bị tại những dự án đã đi vào hoạt động và những dự án đầu tư mở rộng như Dự án Nhà máy Hoa Sen Bình Định, Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cấm – Nghệ An, Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai đối với Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An, Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam nhằm phân bổ đồng đều năng lực sản xuất tại các vùng miền, tạo nguồn cung sản phẩm liên tục cho hệ thống chi nhánh phân phối trải dài từ Bắc vào Nam, đồng thời góp phần tối ưu hóa thời gian và chi phí vận chuyển.
- » Thứ ba, thực hiện tốt chiến lược marketing thông qua các kênh truyền thông, các hoạt động cộng đồng, từ thiện, nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu Hoa Sen trên thị trường.
- » Thứ tư, nghiên cứu và thực hiện phương án tái cấu trúc mô hình quản trị của Tập đoàn nhằm tận dụng, phát huy tối đa nguồn lực cung ứng, sản xuất và phân phối, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển thị trường nội địa.
- » Thứ năm, tập trung đẩy mạnh tiến độ triển khai Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) nhằm tăng cường sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động, đồng thời góp phần tiết kiệm chi phí vận hành, và tạo tiền đề cho việc ứng dụng công nghệ mới phục vụ cho nhu cầu phát triển trong tương lai.

Hướng tới kỷ niệm 15 năm hình thành và phát triển của Tập đoàn Hoa Sen, chúng tôi tin tưởng rằng, nhờ vào sự gắn bó lâu dài của Quý vị cổ đông, cộng với hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên sẽ sớm hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu được giao phó, từ đó tiếp tục khẳng định vị thế của Hoa Sen trên cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu, xứng đáng với sự ủng hộ của Quý vị cổ đông trong thời gian qua.

Hy vọng rằng, Quý vị cổ đông sẽ tiếp tục đồng hành cùng Tập đoàn Hoa Sen trên chặng đường phát triển.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ PHƯỚC VŨ

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÀNH PHẨM

HƠN **1.000.000** TẤN/NĂM

DOANH THU THUẦN

17.447 TỶ ĐỒNG **+16%** TĂNG TRƯỞNG SO VỚI ĐỢC TRƯỚC



GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN

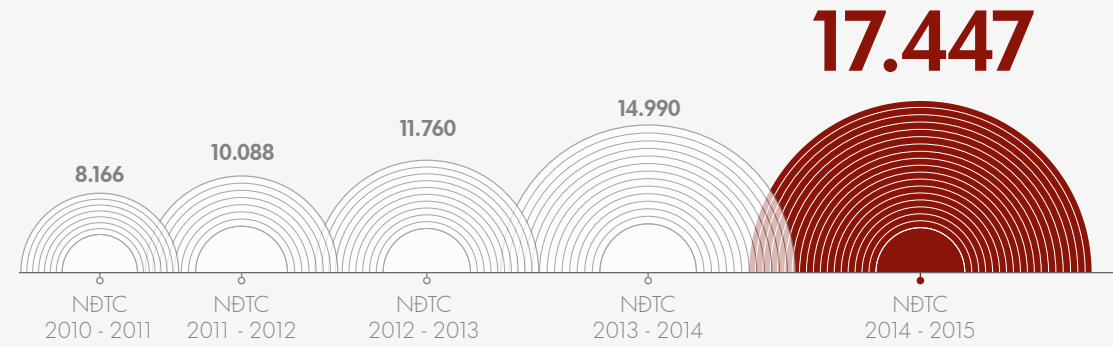
Con số và sự kiện nổi bật NDTC 2014 - 2015	12
Lịch sử hình thành và phát triển	14
Mô hình Tập đoàn Hoa Sen	17
Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Hoa Sen	18
Năng lực sản xuất	20
Danh mục sản phẩm	22
5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi	26



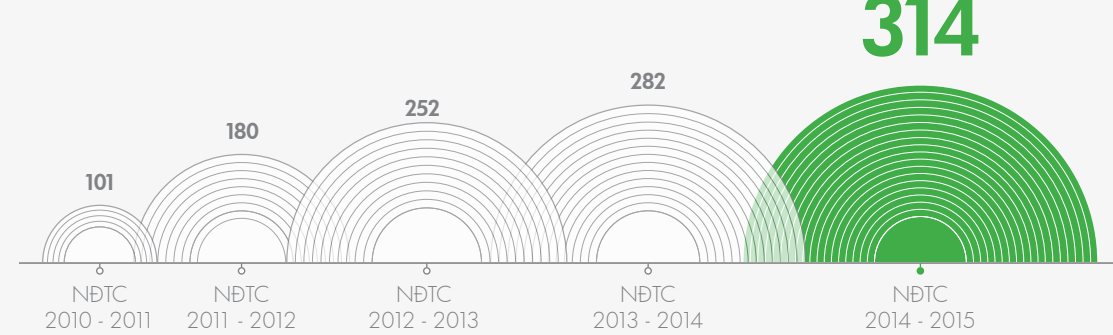
CON SỐ VÀ SỰ KIẾN NỔI BẬT

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

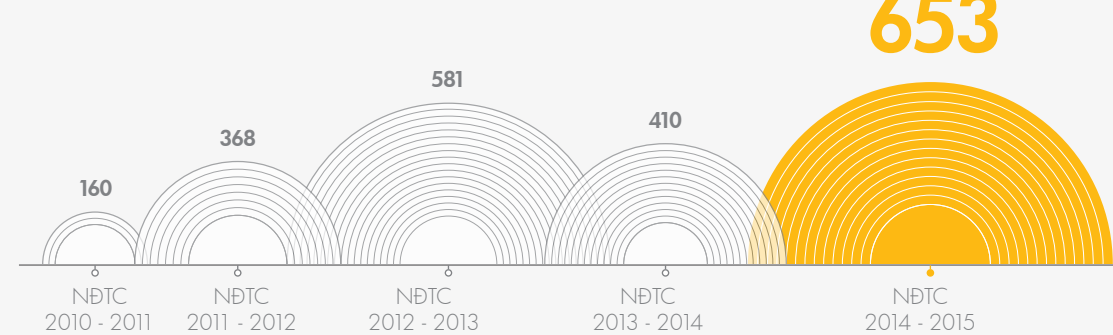
DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG)



DOANH THU XUẤT KHẨU (TRIỆU USD)

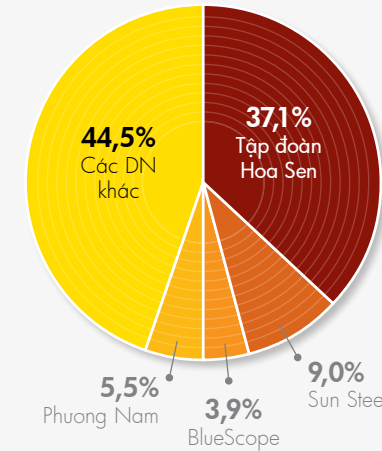


LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

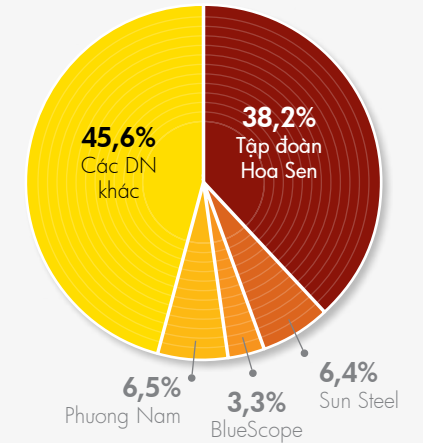


“ TRONG NĂM 2015, TẬP ĐOÀN HOA SEN DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU THỊ PHẦN TÔN MẠ TRONG NƯỚC VỚI VIỆC CHIẾM LĨNH 38,2% THỊ PHẦN. ”

NĂM 2014



11 THÁNG ĐẦU NĂM 2015



BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TÔN NĂM 2014 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Nguồn: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2014 và tháng 12/2015

Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam.

Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn mạ số **1** Việt Nam với **38,2%** thị phần.

Tập đoàn Hoa Sen đã và đang xúc tiến mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu và đến nay đã mở rộng xuất khẩu đến **60**

QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ trên thế giới, các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính, như: tiêu chuẩn AS của Úc, tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản, tiêu chuẩn ASTM của Hoa Kỳ... Chiến lược này đã đạt được thành công nhất định dựa trên ba yếu tố: một là sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, hai là giá cả hợp lý và ba là thời gian giao hàng nhanh.

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số chi nhánh phân phối bán lẻ của Tập đoàn Hoa Sen đã lên đến

190 CHI NHÁNH

trong đó có 06 tổng kho trên cả nước.

Tập đoàn Hoa Sen cam kết bảo hành từ **10 - 20** NĂM

cho các dòng sản phẩm: tôn kẽm màu, tôn lạnh, tôn lạnh màu. Cả ba dòng sản phẩm đều được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn của các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Australia, Malaysia, Châu Âu... Đặc điểm nổi bật của các sản phẩm này là tính thẩm mỹ, độ bền cao, bề mặt sản phẩm bóng đẹp, có nhiều mã màu phong phú phù hợp với nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Hơn thế, các sản phẩm của Tập đoàn còn được đưa tới tận tay người tiêu dùng với 4 cam kết “Bán đúng giá, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng, được bảo hành” thông qua hệ thống 190 chi nhánh phân phối, bán lẻ rộng khắp cả nước.



NĐTC 2014 – 2015, doanh thu thuần của Tập đoàn đạt **17.447** TỶ ĐỒNG tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong điều kiện tình hình thị trường còn nhiều khó khăn, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức cao.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2001 - 30/09/2008

Ngày 08/08/2001, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu 30 tỷ đồng cùng 22 nhân viên và 03 chi nhánh phân phối – bán lẻ trực thuộc.

Đưa vào hoạt động Nhà máy thép cán nguội công suất thiết kế 180.000 tấn/năm, dây chuyền sản xuất tôn mỏng công nghệ NOF công suất thiết kế 150.000 tấn/năm và 02 dây chuyền tôn màu công suất thiết kế 45.000 tấn/năm/dây chuyền.

Thành lập thêm nhiều chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ tính đến hết năm 2008 lên 75 chi nhánh.

“BẮT ĐẦU TỪ 01/10/2008, TẬP ĐOÀN HOA SEN THAY ĐỔI NĂM TÀI KHÓA, THEO ĐÓ NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/10 VÀ KẾT THÚC VÀO NGÀY 30/09 CỦA NĂM SAU.”

2012 - 2013

Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn mỏng công nghệ NOF công suất thiết kế 120.000 tấn/năm thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Thành lập thêm 07 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 115 chi nhánh.

Tập đoàn Hoa Sen đạt Top 100 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 30 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012.

Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đạt Top 10 Sao Vàng đất Việt 2013 và Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.

Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

2013 - 2014

Thành lập thêm 35 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ tính đến ngày 31/12/2014 lên 150 chi nhánh.

Đưa vào hoạt động các dây chuyền thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ gồm: 02 dây chuyền cán nguội công suất thiết kế 200.000 tấn/năm/dây chuyền, 01 dây chuyền sản xuất tôn dày công nghệ NOF công suất thiết kế 400.000 tấn/năm, 01 dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 150.000 tấn/năm, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền hiện nay của Tập đoàn lên gần 1 triệu tấn thép cán nguội và 1,2 triệu tấn tôn mạ mỗi năm.

Đầu tư Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định và Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.

Ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng nhận danh hiệu “Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014” do Tạp chí Tài chính uy tín thế giới EUROMONEY, Vương quốc Anh trao tặng.

Tập đoàn Hoa Sen được Tạp chí Forbes bình chọn vào Top “50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2014.

Tháng 11/2014, 03 thương hiệu sản phẩm Tôn Hoa Sen, Ống nhựa Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen của Tập đoàn Hoa Sen được Bộ Công Thương công nhận là Thương hiệu Quốc gia năm 2014.

2008 - 2009

Thành lập thêm 07 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 82 chi nhánh.

Ngày 05/12/2008, niêm yết 57.038.500 cổ phiếu của Tập đoàn Hoa Sen tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán HSG.

Khởi công Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen – Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2011 - 2012

Doanh thu xuất khẩu đạt 180 triệu USD, trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn hàng đầu Đông Nam Á.

Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Thành lập thêm 02 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 108 chi nhánh.

2014 - 2015

Thành lập thêm 40 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ tính đến ngày 31/12/2015 lên 190 chi nhánh.

Ngày 28/03/2015, khánh thành và đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định do Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định thuộc Tập đoàn Hoa Sen làm chủ đầu tư. Giai đoạn 1 của Dự án bao gồm 09 dây chuyền sản xuất ống thép.

Tháng 04/2015, Tập đoàn Hoa Sen là Công ty duy nhất ở Việt Nam được chọn vào danh sách các Công ty tăng trưởng toàn cầu do Diễn đàn Kinh tế Thế giới tổ chức và bình chọn.

2009 - 2010

Thành lập thêm 11 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 93 chi nhánh.

Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn và cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 570.385.000.000 đồng lên 700.000.000.000 đồng.

Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn dày công nghệ NOF công suất 450.000 tấn/năm và dây chuyền phủ màu công suất 180.000 tấn/năm thuộc Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Phát hành cổ phiếu thường và cổ phiếu trả cổ tức NĐTTC 2008 - 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 700.000.000.000 đồng lên 839.960.000.000 đồng.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức NĐTTC 2008 – 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 839.960.000.000 đồng lên 1.007.907.900.000 đồng.

2010 - 2011

Thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 106 chi nhánh.

Hoàn thành Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Doanh thu xuất khẩu đạt 101 triệu USD.

Ngày 19/06/2015, khánh thành Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An tại KCN Nam Cẩm thuộc Khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An và khởi công Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại KCN Đông Hải.

Tháng 07/2015, Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định được đổi tên thành “Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định” với quy mô, lĩnh vực đầu tư được mở rộng đáng kể. Hiện nay, Nhà máy sản xuất Ống thép Hoa Sen Bình Định đã hoàn thành 09 dây chuyền ống thép, công suất 75.000 tấn/năm. Nhà máy sản xuất ống nhựa đang được triển khai 06 dây chuyền ống nhựa công suất 12.000 tấn/năm.

Ngày 18/09/2015, Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam đã chính thức cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư cho Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam.

Ngày 09/10/2015, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An được đổi tên thành “Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cẩm – Nghệ An”.

SỰ KIỆN TRONG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015



01

Tập đoàn Hoa Sen chính thức trở thành thành viên Cộng đồng Doanh nghiệp tăng trưởng toàn cầu 2015, là đại diện duy nhất của Việt Nam nằm trong nhóm những công ty năng động và có tốc độ tăng trưởng nhanh.

02

Ngày 04/10/2014, ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch Quốc hội - ông Nguyễn Sinh Hùng trao tặng.

03

Tiếp tục đạt danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia” cho cả 3 dòng sản phẩm: **Tôn Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen và Ống nhựa Hoa Sen.**

04

Ngày 04/10/2015, Tập đoàn Hoa Sen được vinh danh, trao giải thưởng

TOP 10
Sao Vàng đất Việt 2015.

05

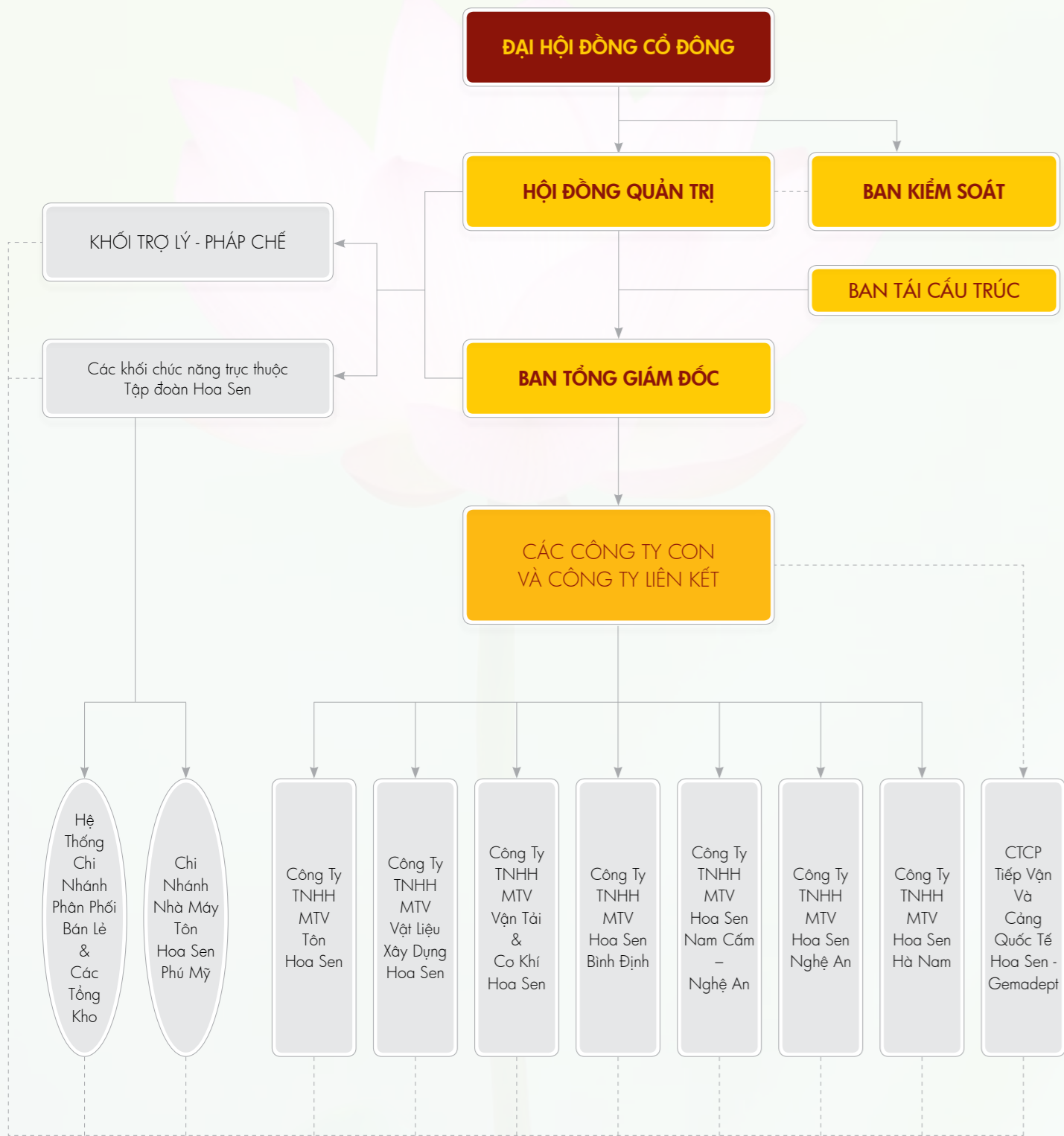
Tháng 07/2015, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự được trao Chứng nhận là công ty nằm trong **TOP 10** Doanh nghiệp có uy tín nhất trên truyền thông năm 2015.

06

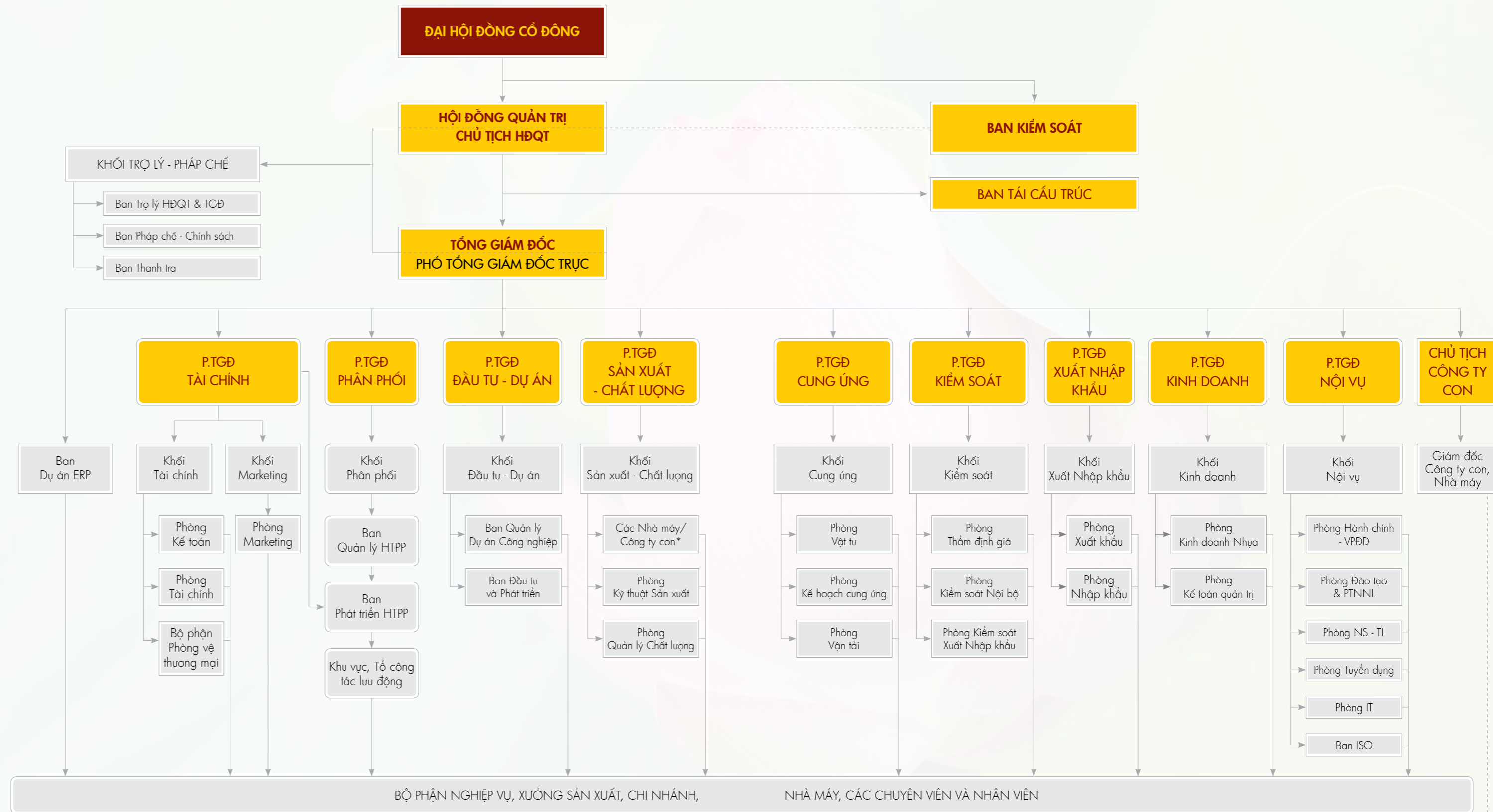
Tổ chức lễ động thổ Nhà máy Hoa Sen Nghệ An và Khánh thành Giai đoạn 1 Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An.

07

Hoàn thành và đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định.



GHI CHÚ: ————— : Quản lý trực tiếp : Phối hợp, kiểm tra



BỘ PHẬN NGHIỆP VỤ, XƯỞNG SẢN XUẤT, CHI NHÁNH, NHÀ MÁY, CÁC CHUYÊN VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

NĂNG LỰC SẢN XUẤT



1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Số 09, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

- 05 Dây chuyền sản xuất tôn (công nghệ NOF) với tổng công suất thiết kế 1.220.000 tấn/năm.
- 04 Dây chuyền phủ màu với tổng công suất thiết kế 420.000 tấn/năm.
- 02 Lò ủ với tổng công suất thiết kế 142.000 tấn/năm.



2

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN - NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ

Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



3

CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Số 09, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

- 05 Dây chuyền cán nguội với tổng công suất thiết kế 980.000 tấn/năm.
- 02 Dây chuyền tẩy rỉ với tổng công suất thiết kế 1.050.000 tấn/năm.
- 01 Lò ủ với tổng công suất thiết kế 42.000 tấn/năm.
- 01 Dây chuyền tái sinh axit với tổng công suất thiết kế 5.000 lít/giờ.



4

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN – NHÀ MÁY THÉP CÁN NGUỘI PHÚ MỸ

Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



5

CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Đường số 2B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 25 Dây chuyền ống thép với tổng công suất thiết kế 377.400 tấn/năm.
- 16 Dây chuyền ống nhựa với tổng công suất thiết kế 42.840 tấn/năm.



6

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN TẠI HẢI DƯƠNG

Thôn Phương Độ, Xã Hưng Thịnh, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương.



7

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH

Khu A1.1 và TT 6.2 & 7, KCN Nhon Hòa, Phường Nhon Hòa, Thị xã An Nhon, Tỉnh Bình Định.

- 09 Dây chuyền ống thép với tổng công suất thiết kế 75.000 tấn/năm.
- 06 Dây chuyền ống nhựa với tổng công suất thiết kế 12.000 tấn/năm.



8

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NAM CẮM - NGHỆ AN

Khu Công nghiệp Nam Cắm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

- 06 Dây chuyền ống thép với tổng công suất thiết kế 50.000 tấn/năm.

Với công nghệ cán 6 trục đảo chiều tiên tiến, sản phẩm thép cán nguội tại Tập đoàn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng, theo tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G 3141.

Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A792 (Hoa Kỳ), AS 1397 (Úc), JIS G 3321 (Nhật Bản), MS 1196 (Malaysia), EN 10346 (Châu Âu). Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, màu ánh bạc, khả năng chống ăn mòn vượt trội, kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường.

✓ **THÉP CÁN NGUỘI** ☰



✓ **TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM**
(Tôn lạnh) ☰



Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm, tạo cho sản phẩm độ bền vượt trội, độ thẩm mỹ cao, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn: JIS G 3322 (Nhật Bản), ASTM A755 (Hoa Kỳ), AS 2728 (Úc), MS 2383 (Malaysia), EN 10169 (Châu Âu).

Là sản phẩm tôn lạnh, tôn kẽm phủ màu sử dụng hệ sơn có thành phần chính là nhựa cao cấp Fluoropolymer giúp tăng cường đáng kể khả năng chống ăn mòn, chống axit, độ bền màu cao so với hệ sơn polyester thông thường. Đồng thời sản phẩm có thể chống tia UV tốt trong những môi trường khắc nghiệt và đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn JIS G 3322 (Nhật Bản), ASTM A755 (Hoa Kỳ), AS 2728 (Úc), MS 2383 (Malaysia), EN 10169 (Châu Âu). Ngoài ra, sản phẩm còn được bảo hành lớp sơn từ 20 đến 25 năm.

✓ **TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM PHỦ MÀU**
(Tôn lạnh màu) ☰



✓ **TÔN LẠNH VÀ TÔN KẼM PHỦ SƠN CAO CẤP PVDF** ☰



CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TẠO RA SẢN PHẨM ĐA DẠNG



✓ **TÔN KẼM** ☰

Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G 3302. Khả năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, sản phẩm Tôn mạ kẽm Hoa Sen là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn ASTM A653 (Hoa Kỳ), AS 1397 (Úc), EN 10346 (Châu Âu), MS 2384, MS 2385 (Malaysia).



✓ **TÔN KẼM PHỦ MÀU** ☰

Sự đa dạng về màu sắc và quy cách của Tôn mạ kẽm phủ màu Hoa Sen luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn JIS G 3312 (Nhật Bản), ASTM A755 (Hoa Kỳ), AS 2728 (Úc), EN 10169 (Châu Âu), MS 2383 (Malaysia).

VỚI CHẤT LƯỢNG ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



✓ **TÔN MÀU VÂN GỖ** ☰

Đặc điểm nổi bật của sản phẩm tôn vân gỗ là bề mặt màu vân gỗ nên tính thẩm mỹ rất cao, có thể ứng dụng trong rất nhiều các sản phẩm cả ngoài trời lẫn nội thất mang lại sự tinh tế, sang trọng cho ngôi nhà. Khác với những sản phẩm tôn truyền thống, ứng dụng của tôn vân gỗ vô cùng đa dạng. Sản phẩm được sử dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: trần, vách ngăn, tủ, kệ, đồ nội thất... Đây là một sản phẩm hội tụ nhiều ưu điểm như: tính thẩm mỹ cao, chống nóng tốt, độ bền cao, không ẩm mốc, dễ lau chùi, chịu được nhiệt độ cao, dễ dàng thi công lắp đặt... Sản phẩm tôn vân gỗ ra đời có thể khắc phục được hầu hết các nhược điểm của các loại vật liệu trước đây như: xỉn màu, ẩm mốc, nhanh xuống cấp...

DANH MỤC SẢN PHẨM (tiếp theo)

Sản phẩm tôn Metallic có đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim nên tính thẩm mỹ rất cao, được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng. Tôn Metallic được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực trang trí nội thất mang lại sự sang trọng, tinh tế cho ngôi nhà.

Là sản phẩm tôn kẽm và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn với hệ sơn wrinkle độc đáo, đặc điểm nổi bật của sản phẩm là mang tính thẩm mỹ rất cao, độ bền cao, chống nóng, chống ẩm tốt, dễ dàng thi công lắp đặt... Sản phẩm được ứng dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: trần, mái lợp, vách ngăn...

TÔN MÀU METALIC



TÔN MÀU NHÁM (Wrinkle)



Với nguồn nguyên liệu đầu vào là thép cán nguội chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen, cùng với công nghệ mạ NOF hiện đại, sản phẩm thép dày mạ kẽm, mạ lạnh Hoa Sen đáp ứng được các yêu cầu đa dạng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng. Các sản phẩm luôn đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn JIS G 3302, JIS G 3321 (Nhật Bản), ASTM A653, ASTM A792 (Hoa Kỳ), AS 1397 (Úc), EN 10346 (Châu Âu), MS 2384, MS 2385, MS 1196 (Malaysia).

Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình. Thép hộp và Ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn: JIS G 3344, JIS G 3466 (Nhật Bản), ASTM A500/A500M (Hoa Kỳ).

THÉP DÀY MẠ KẼM; THÉP DÀY MẠ LẠNH



THÉP HỘP VÀ ỐNG THÉP MẠ KẼM



CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TẠO RA SẢN PHẨM ĐA DẠNG



ỐNG THÉP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG (dự kiến đầu tư)

Được sản xuất qua các công đoạn: định hình ống, tẩy rỉ và làm sạch bề mặt, mạ kẽm nhúng nóng. Ống thép mạ kẽm nhúng nóng Hoa Sen có độ bền cao và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn BS 1387-1985.



ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

Được sản xuất theo công nghệ hiện đại của Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn BS 3505:1968/BS EN 1452-2:2009 (Anh); AS/NZS 1477:2006 (Úc), TCVN 6151-2:2002 (Việt Nam). Tập đoàn Hoa Sen đã sản xuất được ống nhựa uPVC đường kính 630mm, dày 30mm, áp suất 12,5 bar. Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công cộng, các công trình điện lực, viễn thông, bơm cát...

VỚI CHẤT LƯỢNG ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



ỐNG NHỰA HDPE (dự kiến ra sản phẩm tháng 01/2016)

Với nguồn nguyên liệu hạt nhựa nhập khẩu chất lượng hàng đầu và được sản xuất theo công nghệ hiện đại của Châu Âu (Đức), sản phẩm ống nhựa HDPE đáp ứng được các yêu cầu cao trong lĩnh vực cấp thoát nước. Ống nhựa HDPE Hoa Sen được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007) với đường kính lớn lên đến 630mm, chịu được áp lực từ 6 đến 20 bar.



ỐNG NHỰA PPR (dự kiến ra sản phẩm tháng 01/2016)

Với nguồn nguyên liệu hạt nhựa nhập khẩu chất lượng hàng đầu, được sản xuất theo công nghệ hiện đại của Châu Âu (Đức) và quá trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09, DIN 8078:2008-09, Ống nhựa PPR Hoa Sen chịu được nhiệt độ của nước lên đến 95°C và được sử dụng dẫn nước sinh hoạt, dẫn nước nóng trong các công trình xây dựng...



5 LỢI THẾ CẠNH TRANH CỐT LÕI

1

QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

2

SỞ HỮU HỆ THỐNG 190 CHI NHÁNH PHÂN PHỐI – BÁN LẺ

THƯƠNG HIỆU MẠNH, THÂN THIỆN VÀ HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

3

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHUYÊN NGHIỆP VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐẶC THÙ

4

TIÊN PHONG ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

5

1

QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

TẬP ĐOÀN HOA SEN
LÀ NHÀ
SẢN XUẤT TÔN

SỐ 1
ĐÔNG NAM Á

Quy trình sản xuất tôn - thép của Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu từ dây chuyền sản xuất thép cán nguội. Thép cán nóng nhập khẩu đi qua dây chuyền này sẽ tạo ra thép cán nguội dạng cuộn. Sản phẩm thép cán nguội tiếp tục là nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền sản xuất tôn để cho ra sản phẩm cuối cùng là tôn.

Đặc biệt, từng giai đoạn của quá trình sản xuất đều được theo dõi chặt chẽ, nhờ đó, tất cả các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đều đạt chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường và các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính như: tiêu chuẩn AS của Úc, tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản, tiêu chuẩn ASTM của Hoa Kỳ...

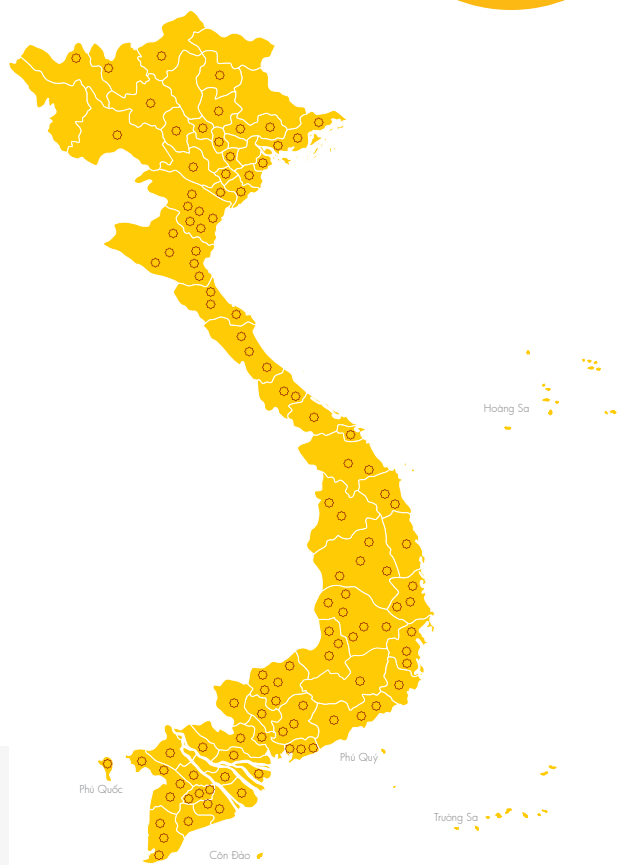
Thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ trên toàn quốc, các sản phẩm chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng.

Với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, Tập đoàn Hoa Sen có thể chủ động điều tiết và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất.

THỰC THI
CHIẾN LƯỢC
DẪN ĐẦU VỀ
CHI PHÍ THẤP

2

SỞ HỮU HỆ THỐNG
190 CHI NHÁNH
PHÂN PHỐI – BÁN LẺ



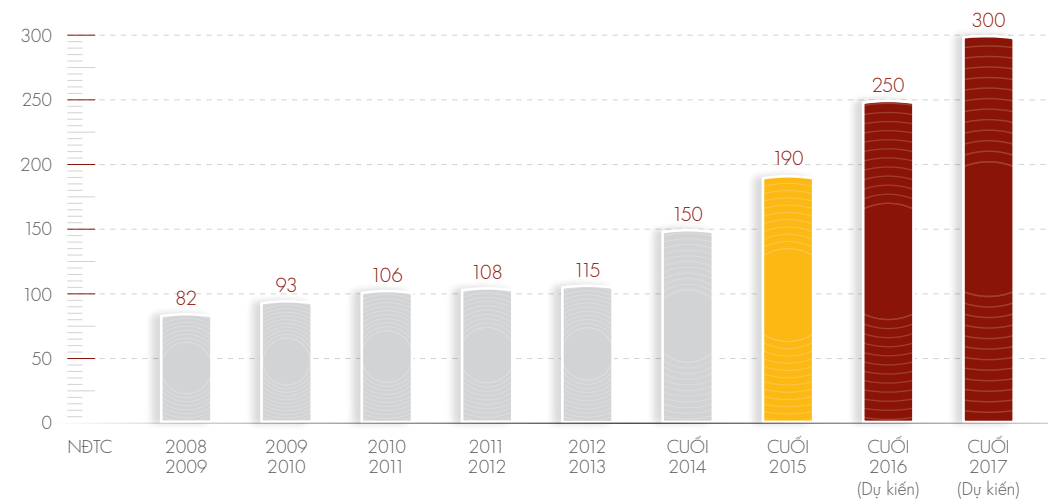
Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Tập đoàn Hoa Sen, giúp Tập đoàn có thể tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm và nhanh chóng đưa các sản phẩm đến với thị trường. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để đảm bảo duy trì dòng tiền. Đặc điểm này là cơ sở để Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh khi gặp điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi và tiếp tục khẳng định vị thế số một đối với các sản phẩm tôn, thép tại Việt Nam.

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số chi nhánh bán lẻ của Tập đoàn Hoa Sen trên cả nước là 190 chi nhánh. Mục tiêu đến cuối năm 2017, số lượng chi nhánh của Tập đoàn sẽ đạt khoảng 300 chi nhánh.

190
CHI NHÁNH PHÂN PHỐI - BÁN LẺ

HỆ THỐNG CHI NHÁNH PHÂN PHỐI - BÁN LẺ LÀ NỀN TẢNG ĐỂ THỰC THI CHIẾN LƯỢC “MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN” CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN.

BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM

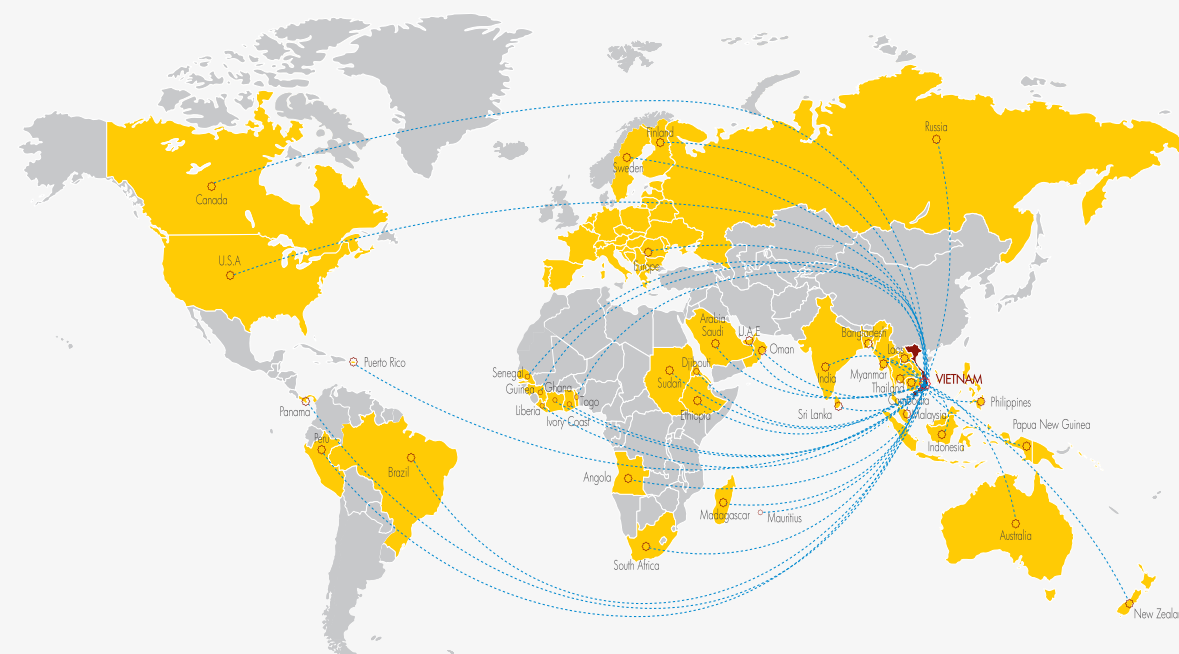


Bên cạnh việc giữ vững thị trường nội địa, Tập đoàn Hoa Sen cũng không ngừng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu tại các thị trường truyền thống và mở rộng thị phần sang các thị trường giàu tiềm năng ở Trung Đông, Nam Á, Châu Phi, Châu Úc, Châu Âu và Châu Mỹ. Hiện tại, sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen có mặt tại 60 quốc gia và vùng lãnh thổ.

KHÔNG NGỪNG
PHÁT TRIỂN,
TĂNG TRƯỞNG
THỊ PHẦN

KÊNH PHÂN PHỐI
ĐẾN CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

60 Các quốc gia và vùng lãnh thổ Tập đoàn Hoa Sen đang xuất khẩu.





3

THƯƠNG HIỆU MẠNH, THÂN THIỆN VÀ HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

**TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN
Ý THỨC ĐƯỢC TẦM QUAN
TRỌNG CỦA VIỆC ĐỊNH VỊ
THƯƠNG HIỆU VÀ XÁC ĐỊNH
VIỆC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU
KHÔNG CHỈ ĐỂ NGƯỜI TA
“BIẾT” MÀ CÒN CẦN LÀM CHO
NGƯỜI TA “NHỚ” VÀ CAO
HƠN NỮA LÀ “TIN YÊU”.**

Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Trong nhiều năm liền, bằng các chương trình tiếp thị đa dạng, sáng tạo thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng và từ thiện xã hội, thương hiệu Hoa Sen đã thấm sâu vào tâm thức người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Liên tục trong những năm gần đây, Hoa Sen là nhà đồng tổ chức và tài trợ cho chuỗi chương trình của diễn giả không tay không chân Nick Vujicic qua các sự kiện “Nick đến Việt Nam 2013”, “Tòa sáng nghị lục Việt 2014”, “Tòa sáng nghị lục Việt 2015”. Chương trình “Tòa sáng nghị lục Việt 2015” với chủ đề “Nick - Bạn & Tôi” là lần thứ 3 diễn giả Nick Vujicic đến thăm Việt Nam để trò chuyện và khơi dậy nguồn cảm hứng mạnh mẽ về nghị lực sống đến cộng đồng người Việt Nam. Điểm đặc biệt của chương trình năm nay là chuỗi 6 sự kiện được thực hiện ở nhiều địa điểm với nhiều đối tượng khác nhau: Tp. Hồ Chí Minh, Nghệ An và Lâm Đồng, nhằm tiếp tục

chia sẻ những câu chuyện về cuộc đời, những góc nhìn về cuộc sống, hạnh phúc đích thực, những giá trị tốt đẹp mà mỗi con người đã và đang hướng tới. Với những chủ đề cụ thể và riêng biệt cho từng đối tượng, chuỗi chương trình “Tòa sáng nghị lục Việt 2015 - Nick - Bạn & Tôi” đã mang đến những buổi trò chuyện thú vị, hấp dẫn và sâu sắc.

Năm 2015, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đạt Thương hiệu Quốc gia cho cả 3 dòng sản phẩm: Tôn Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen và Ống nhựa Hoa Sen. Trong đó, Tôn Hoa Sen là nhãn hiệu tôn duy nhất tại Việt Nam đạt Thương hiệu Quốc gia. Trước đó, năm 2012, Tập đoàn Hoa Sen đã đạt Thương hiệu Quốc gia cho dòng sản phẩm Tôn Hoa Sen. Đây là minh chứng rõ ràng nhất về chất lượng sản phẩm của Tập đoàn, khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và xã hội. Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục tạo dựng được thương hiệu gắn với cộng đồng, từ đó củng cố vững chắc thị trường nội địa, tiến sâu vào thị trường các nước trong khu vực.

Nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, Tập đoàn Hoa Sen đã đưa ra chính sách bảo hành từ 10 đến 20 năm cho các dòng sản phẩm: tôn kẽm màu, tôn lạnh, tôn lạnh màu theo các điều kiện bảo hành do Tập đoàn ban hành. Các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen được đưa tới tận tay người tiêu dùng cuối cùng với 4 cam kết “Bán đúng giá, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng, được bảo hành” thông qua hệ thống 190 chi nhánh phân phối - bán lẻ rộng khắp cả nước. Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen đã lập tổng đài tư vấn khách hàng (miễn phí cước gọi) 18001515 nhằm giải đáp tất cả những thắc mắc, đồng thời tư vấn cho khách hàng cách mua sản phẩm Tôn Hoa Sen chính hãng.

Tháng 7/2015, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự được trao chứng nhận là công ty nằm trong Top 10 doanh nghiệp niêm yết dẫn đầu có uy tín nhất trên truyền thông năm 2015, được thực hiện bởi Vietnam Report, nhằm đánh giá hình ảnh, uy tín hoạt động của các doanh nghiệp. Tháng 10/2015, Hãng tư vấn định giá thương hiệu Brand Finance (Vương quốc Anh) công bố “Top 50 Thương hiệu giá trị lớn nhất Việt Nam”, trong đó có Tập đoàn Hoa Sen. Việc Tập đoàn Hoa Sen vinh dự góp mặt trong các giải thưởng uy tín này là một minh chứng rõ ràng cho quá trình xây dựng thành công thương hiệu của Tập đoàn Hoa Sen không chỉ thông qua “sản phẩm tốt, giá hợp lý và dịch vụ tốt” mà còn thông qua chiến lược xây dựng thương hiệu độc đáo, tạo được sự tin – yêu của người tiêu dùng, từ đó tạo ra nhu cầu từ thương hiệu, đồng thời tạo được chỗ đứng và uy tín trên thương trường, hướng tới trở thành Nhà cung cấp và phân phối vật liệu xây dựng hàng đầu khu vực Đông Nam Á.



CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐỘC ĐÁO



4

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHUYÊN NGHIỆP VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐẶC THÙ

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng hệ thống quản trị chuyên nghiệp dựa trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp 10 chữ T: Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thân thiện. Đây là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của Tập đoàn Hoa Sen trong hơn 14 năm qua.

TRUNG THỰC

Trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động.

CỘNG ĐỒNG

Luôn chia sẻ với cộng đồng những thành quả của mình là nét đẹp rất nhân bản của Tập đoàn Hoa Sen đã đi sâu vào tâm trí của nhiều người Việt Nam.

PHÁT TRIỂN

Liên tục phát triển, đưa thương hiệu Hoa Sen vươn đến những tầm cao mới.



5

**TIÊN PHONG ĐẦU TƯ
ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN ĐI TIÊN PHONG TRONG ĐẦU TƯ HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀO SẢN XUẤT.

Tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen luôn đi tiên phong trong đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Do đó, các sản phẩm của Hoa Sen luôn đạt chất lượng cao, đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.

Nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng cũng như nhằm đảm bảo thực hiện trách nhiệm đối với công tác môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý tích hợp bao gồm Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004; Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo Tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.

**VỮNG BƯỚC
CÙNG
CÔNG NGHỆ
TIÊN TIẾN**





2

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Giới thiệu Hội đồng Quản trị	40
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	52
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	56
Giới thiệu Ban Kiểm soát	66
Báo cáo của Ban Kiểm soát	67

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **LÊ PHƯỚC VŨ**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ khởi nghiệp từ một cơ sở bán lẻ tồn vào năm 1994. Sau 7 năm tích lũy vốn và kinh nghiệm, đến năm 2001, ông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen (tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen hiện nay) với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng.

Qua hơn 14 năm dày công xây dựng và phát triển, bằng trí tuệ, sự quyết đoán, trách nhiệm và sự liêm chính, ông đã đưa Tập đoàn Hoa Sen vươn lên trở thành doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh tôn thép hàng đầu Việt Nam và Đông Nam Á.

Với những thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động cộng đồng, năm 2014, ông đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì. Ông cũng đã giành vị trí quán quân giải thưởng EY - Bản lĩnh Doanh nhân lập nghiệp 2014, giải thưởng danh giá tôn vinh tài năng và bản lĩnh doanh nhân, và là đại diện cho cộng đồng doanh nhân Việt Nam tham gia giải thưởng doanh nhân EY quốc tế tại Monaco năm 2015. Với tâm huyết và những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Tập đoàn, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu vào Hội đồng Quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị liên tục nhiều nhiệm kỳ.



Ông **TRẦN NGỌC CHU**
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu chọn vào Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời đảm nhận những vị trí quan trọng trong Ban Điều hành của Tập đoàn.

Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen. Ông vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba vào năm 2015 và nhiều lần được UBND tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Ông Trần Ngọc Chu tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **TRẦN QUỐC TRÍ**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, ông Trần Quốc Trí đã chứng tỏ được khả năng điều hành qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và từ 01/4/2011 đến nay, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trục của Tập đoàn Hoa Sen.

Năm 2014, ông được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị từ ngày 29/4/2014, sau khi ông Lý Duy Hoàng - thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm.

Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **PHẠM GIA TUẤN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Tuấn hiện là Tổng Giám đốc và là thành viên HĐQT của Viet Capital Asset Management (VCAM) đồng thời đảm nhiệm Giám đốc Điều hành Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (VCHF), ông Tuấn chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh chung của VCAM và trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Bên cạnh vai trò điều hành VCHF, ông Tuấn còn chịu trách nhiệm quản lý các quỹ đầu tư quốc tế. Ông Tuấn cũng góp phần tham gia hoạch định chiến lược phát triển, quan hệ nhà đầu tư, hoạt động huy động vốn thành lập quỹ và hiện đang đại diện phần góp vốn của Viet Capital tham gia vào Hội đồng Quản trị của các công ty do Viet Capital đầu tư.

Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital trong giai đoạn 2005 - 2007, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.

Trước khi gia nhập Viet Capital và VinaCapital, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam.

Ông Tuấn tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia) và hiện đang là Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên công chứng Australia (FCPA Australia).

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông **JEAN-ERIC JACQUEMIN**
Thành viên Hội đồng Quản trị
(Từ nhiệm từ ngày 30/7/2015)

Ông Jean-Eric Jacquemin có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý và tái cấu trúc công ty thuộc các tập đoàn hàng đầu thế giới ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Ông Jean-Eric Jacquemin hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Temasia Capital Limited, đồng thời là Giám đốc Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Red River Associates và Giám đốc duy nhất của Red River Holding - cổ đông lớn của Tập đoàn Hoa Sen. Ông Jean-Eric Jacquemin tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Western New England, Hoa Kỳ.

Ngày 06/3/2013, tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen NĐTCTC 2012 - 2013, ông Jean-Eric Jacquemin được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị, phụ trách Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông của Hội đồng Quản trị. Ông Jean-Eric Jacquemin từ nhiệm từ ngày 30/7/2015.



Ông **LÝ VĂN XUÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lý Văn Xuân là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2017.

Ngày 31/7/2015, ông Lý Văn Xuân từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát và được bầu vào Hội đồng Quản trị sau khi ông Jean-Eric Jacquemin - Thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm.

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa. Ông hiện là Trưởng phòng Đào tạo, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.



KẾT QUẢ KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

SO VỚI NĐTC TRƯỚC, CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG THÀNH PHẨM VÀ DOANH THU CỦA TẬP ĐOÀN ĐỀU TĂNG TRƯỞNG. CỤ THỂ, TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KÉP TRONG 05 NĐTC GẦN NHẤT VỀ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÀNH PHẨM VÀ DOANH THU THUẦN LẦN LƯỢT ĐẠT 28%/NĂM VÀ 21%/NĂM. NHỮNG CON SỐ NÀY CHO THẤY SỰ NỖ LỰC RẤT LỚN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TẬP THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TẬP ĐOÀN HOA SEN TRƯỚC TÌNH HÌNH KINH TẾ KHÓ KHĂN, BẤT ỔN.



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

653
TỶ ĐỒNG

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

TÌNH HÌNH VĨ MÔ

Trong năm 2015, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có những bước khởi sắc, dần đi vào sự ổn định, và được dự báo sẽ hồi phục trong thời gian tới, với các đặc điểm sau:

- » Nền kinh tế tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP 09 tháng đầu năm đạt 6,5% - mức cao nhất so với cùng kỳ 04 năm qua. Dự báo, mức tăng trưởng này sẽ tiếp tục được duy trì cho đến cuối năm 2015.
- » Chỉ số lạm phát được duy trì ở mức 2,4%, cao hơn 0,2% so với năm 2014 nhưng vẫn ở mức thấp và có thể kiểm soát được.
- » Tín dụng đối với nền kinh tế trong tháng 10/2015 tăng 19,9% so với cùng kỳ 2014, trong khi tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng chỉ còn 2,9%. Đây là những dấu hiệu rất khả quan đối với nền kinh tế trong nước.
- » Các chính sách, biện pháp của Chính phủ đã dần cho thấy những hiệu quả trong hoạt động điều tiết và ổn định nền kinh tế vĩ mô.
- » Việc gia nhập vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN, việc ký kết thành công các Hiệp định đối tác song phương, đa phương và việc kết thúc vòng đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đã mở ra nhiều cơ hội, cũng như thách thức cho tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam.

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Đối lập với những chuyển biến khả quan của nền kinh tế trong nước, thị trường ngành thép trong năm 2015 đã và đang trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn:

- » Giá thép nguyên liệu nội địa và quốc tế liên tục giảm trong năm 2015, đặc biệt đối với một hàng thép cán nóng (HRC). Tính đến cuối NĐTC 2014 – 2015 (tháng 09/2015), giá HRC chỉ còn ở mức 295 USD/tấn, giảm hơn 200 USD/tấn so với cùng kỳ (tháng 09/2014, giá HRC đạt mốc 500 USD/tấn).
- » Việc xuất khẩu các sản phẩm thép trong nước ra thị trường nước ngoài liên tục gặp những trở lực lớn từ các rào cản thương mại mà điển hình là việc áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại và các vụ kiện chống bán phá giá tại một số thị trường xuất khẩu.

- » Nguồn cung hàng tại thị trường nội địa trong năm 2015 tăng đáng kể do các nhà sản xuất cùng ngành đẩy mạnh công suất sản xuất và Trung Quốc xuất khẩu sản phẩm thép ồ ạt vào Việt Nam. Điều này gây ra áp lực lớn về cạnh tranh đối với ngành thép trong nước.
- » Tình trạng gian lận, sản xuất, mua bán hàng giả, hàng nhái diễn biến phức tạp và ngày càng trở nên tinh vi hơn.

Trước những thực trạng trên, thị trường thép nội địa trong năm 2015 được đánh giá là hết sức khó khăn và cạnh tranh rất khốc liệt.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc NĐTC 2014 – 2015, các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu của Tập đoàn Hoa Sen đều vượt kế hoạch đề ra và đạt mức tăng trưởng vượt bậc so với NĐTC trước. Theo đó, sản lượng tiêu thụ thành phẩm của Tập đoàn Hoa Sen trong NĐTC 2014 – 2015 đạt mức 1.020.793 tấn, vượt 13% so với kế hoạch. Doanh thu thuần của Tập đoàn trong NĐTC 2014 – 2015 đạt 17.447 tỷ đồng, vượt 6% so với kế hoạch.

So với NĐTC trước, các chỉ tiêu về sản lượng thành phẩm và doanh thu của Tập đoàn đều tăng trưởng. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kép trong 05 NĐTC gần nhất về sản lượng tiêu thụ thành phẩm và doanh thu thuần lần lượt đạt 28%/năm và 21%/năm. Những con số này cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên Tập đoàn Hoa Sen trước tình hình kinh tế khó khăn, bất ổn.



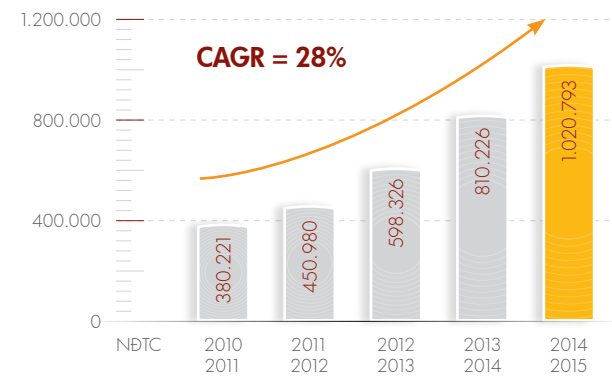
+26%

**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÀNH PHẨM
SO VỚI NĐTC 2013 - 2014**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Biểu đồ tăng trưởng Sản lượng tiêu thụ thành phẩm, Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn Hoa Sen trong vòng 05 NĐTC gần nhất.

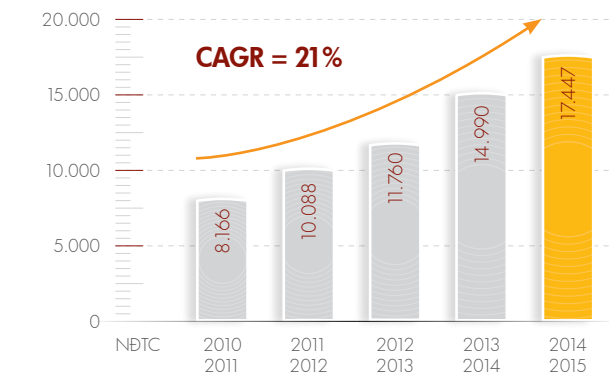
Tăng trưởng Sản lượng tiêu thụ thành phẩm (ĐVT: tấn)



Một trong những cơ sở quan trọng để Tập đoàn Hoa Sen duy trì được sự ổn định đối với mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu như trên là việc đưa vào hoạt động các dây chuyền, máy móc thiết bị tại các dự án sản xuất bao gồm: Giai đoạn 1 Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định, Giai đoạn 2 Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, giúp nâng tổng sản lượng của Tập đoàn Hoa Sen lên 1 triệu tấn/năm, tạo cơ sở đẩy mạnh sản lượng bán hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Trong NĐTC vừa qua, các kênh bán hàng cũng đã nỗ lực tối đa để hoàn thành chỉ tiêu được giao. Kênh xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh với việc tiêu thụ 407 nghìn tấn sản phẩm tại 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, đóng góp 314 triệu USD doanh thu, tăng 10% so với niên độ trước.

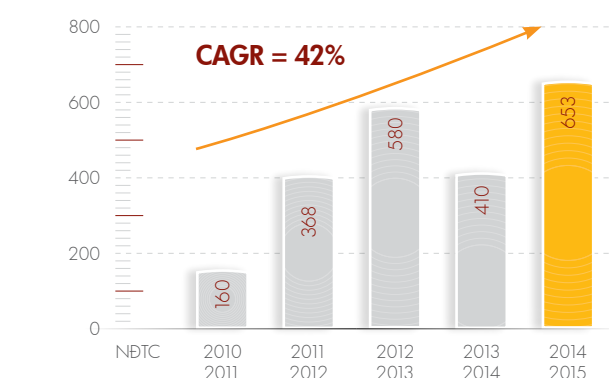
Tăng trưởng Doanh thu thuần (ĐVT: tỷ đồng)



Bên cạnh đó, kênh tiêu thụ nội địa đạt sản lượng 614 nghìn tấn, chiếm 60% tổng doanh thu và tiếp tục giữ vai trò là kênh tiêu thụ chủ lực của Tập đoàn Hoa Sen.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn Hoa Sen trong NĐTC 2014 – 2015 đạt 653 tỷ đồng, vượt 45% so với kế hoạch đề ra, tăng 59% so với NĐTC 2013 – 2014. Trước tình trạng ngành thép trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn thì mức 653 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế là một con số hết sức ấn tượng. Điều này đã thể hiện nỗ lực lớn của toàn thể cán bộ, nhân viên Tập đoàn, đồng thời là một động lực lớn thúc đẩy sự phát triển của Tập đoàn Hoa Sen trong thời gian tới.

Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (ĐVT: tỷ đồng)



CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại KCN Đông Hội

STT	Hạng mục dây chuyền	Thời gian triển khai	Thời gian hoàn thành (Dự kiến)
1	Dây chuyền mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF số 1, công suất 280.000 tấn/năm.	Tháng 06/2015	Tháng 05/2016
2	Dây chuyền mạ màu số 1, công suất 150.000 tấn/năm.	Tháng 06/2015	Tháng 05/2016
3	03 Dây chuyền cán ống thép, công suất 25.000 tấn/năm.	Tháng 03/2016	Tháng 04/2016

(*) Hiện các dây chuyền này được quản lý và vận hành bởi Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An.

Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cẩm – Nghệ An (tên cũ: Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An)

STT	Hạng mục dây chuyền	Thời gian triển khai	Thời gian hoàn thành (Dự kiến)
1	06 Dây chuyền cán ống thép, công suất 50.000 tấn/năm (đã hoàn thành).	Tháng 09/2014	Tháng 03/2015

Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định

STT	Hạng mục dây chuyền	Thời gian triển khai	Thời gian hoàn thành (Dự kiến)
Nhà máy sản xuất ống thép (đã hoàn thành)			
1	09 Dây chuyền ống thép, công suất 75.000 tấn/năm	Tháng 07/2014	Tháng 12/2014
Nhà máy sản xuất ống nhựa			
1	06 Dây chuyền ống nhựa, công suất 12.000 tấn/năm	Tháng 06/2015	Tháng 01/2016
2	01 Hệ trộn trung tâm, công suất 12.000 tấn/năm.	Tháng 06/2015	Tháng 01/2016

(*) Hiện các dây chuyền này được quản lý và vận hành bởi Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định.

Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam

Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam đã được Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư vào ngày 18/09/2015.

Theo đó, dự án đặt mục tiêu sản xuất các loại ống thép, ống nhựa, xà bống phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Đây là dự án có quy mô vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng.

Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen đang tiến hành các công việc cần thiết để triển khai đầu tư dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam đúng tiến độ.

Dự án mở rộng hệ thống phân phối

Trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục triển khai dự án mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ với 40 chi nhánh mới được thành lập, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ tính đến ngày 31/12/2015 là 190 chi nhánh trong đó có 06 tổng kho.

Đầu tư mở rộng hoạt động vận tải

Trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen đã đầu tư một đoàn xe gồm 30 xe đầu kéo và 11 xe tải 18 tấn để vận chuyển hàng hóa cho Tập đoàn nhằm tiết kiệm, tối ưu hóa thời gian và chi phí vận chuyển.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015 – 2016

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2015 của Đại hội đồng cổ đông tại Hội nghị thường niên ngày 19/01/2015:

STT	Nội dung chính	Kết quả thực hiện
1	Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho NĐTC 2014 – 2015.	Báo cáo chi tiết tại phần “Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc”.
2	Triển khai các Dự án đầu tư.	Báo cáo chi tiết tại phần “Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc”.
3	Chủ trương phát triển hệ thống phân phối.	Báo cáo chi tiết tại phần “Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc”.
4	Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán cho Báo cáo tài chính NĐTC 2014 – 2015.	HĐQT đã chọn Công ty TNHH Ernst & Young để kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và các Công ty con cho NĐTC 2014 – 2015.
5	Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty.	HĐQT đã tiến hành bổ sung ngành nghề kinh doanh theo chủ trương từ ĐHĐCĐ.
6	Nghiên cứu và báo cáo Đề án phát triển Tập đoàn Hoa Sen.	Dự án hoàn thiện mô hình hoạt động và tổ chức Hoa Sen miền Bắc, đã được Công ty TNHH Ernst & Young xây dựng theo sự phân công từ HĐQT. Đề án sẽ được trình cho ĐHĐCĐ xem xét thông qua tại Hội nghị thường niên NĐTC 2015 – 2016.

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015 – 2016

Căn cứ các dự báo về tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất NĐTC 2015 – 2016 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2014 – 2015	Kế hoạch NĐTC 2015 – 2016 (*)	So với thực hiện NĐTC 2014 – 2015	
				Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E =D-C)	(F = ((D/C-1)*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.082.767	1.166.000	83.233	8%
- Thành phẩm	Tấn	1.020.793	1.100.000	79.207	8%
- Phụ phẩm	Tấn	61.974	66.000	4.026	6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	17.447	14.280	(3.167)	(18%)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	653	660	7	1%

(*) Dựa trên giả định giá thép cán nóng trong NĐTC 2015 – 2016 là 270 USD/tấn.

Trong năm 2016, giá thép cán nóng được dự báo sẽ tiếp tục sụt giảm và có khả năng làm giảm giá bán của các sản phẩm thép trên thị trường. Do đó, trong NĐTC 2015 – 2016, Tập đoàn Hoa Sen đặt kế hoạch doanh thu thuần thấp hơn 18% so với NĐTC 2014 – 2015. Tuy nhiên, bằng các giải pháp linh hoạt, sáng tạo trong việc tiết giảm chi phí, Tập đoàn sẽ phấn đấu để đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cao hơn so với NĐTC 2014 – 2015.



ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015 - 2016

**KẾT THÚC NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH
2014 - 2015, TẬP ĐOÀN HOA
SEN ĐÃ HOÀN THÀNH MỤC
TIÊU ĐẶT RA, TIẾP TỤC KHẲNG
ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH VÀ
BỀN VỮNG CỦA TẬP ĐOÀN.**

Trước những dự báo thận trọng về khả năng phục hồi của nền kinh tế trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2015 – 2016, Hội đồng Quản trị đưa ra những chủ trương, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen NĐTC 2015 – 2016 như sau:



ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Đảm bảo chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu nhằm giữ vững uy tín thương hiệu. Đề tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm, Tập đoàn đặt mục tiêu tập trung đầu tư cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất hoạt động của hệ thống dây chuyền và thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG

Trong NĐTC 2015 – 2016, Tập đoàn Hoa Sen chủ trương phát triển nhanh hệ thống logistic nhằm tăng cường sự chủ động và hiệu quả trong hoạt động vận tải, cung ứng thông qua việc hoàn thiện và chuyên môn hóa hoạt động Logistic – Vận tải, đầu tư gia tăng số lượng phương tiện vận tải để đáp ứng tốt nhu cầu chuyên chở hàng hóa, nguyên liệu nhằm tối ưu hóa hoạt động cung ứng sản phẩm.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiếp tục mở rộng độ phủ thị trường thông qua việc phát triển nhanh hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ kết hợp với việc thực hiện hiệu quả công tác quản trị tại chi nhánh.



Song song đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu, Tập đoàn sẽ tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đồng thời tập trung nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chuẩn bị đón đầu xu thế hội nhập trong thời gian tới.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đối với Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An, Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định nhằm gia tăng năng lực sản xuất, tăng cường khả năng cung ứng sản phẩm tại các thị trường miền Bắc và miền Trung; đầu tư mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối, mục tiêu trong năm 2016 sẽ thành lập thêm 60 chi nhánh và định hướng đến cuối năm 2017 sẽ nâng tổng số chi nhánh của Tập đoàn lên khoảng 300 chi nhánh trên cả nước.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG – MARKETING

Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu thông qua các chương trình marketing, quảng cáo đa dạng, sáng tạo; tiếp tục tổ chức các sự kiện mang tính cộng đồng, các hoạt động từ thiện và tài trợ nhằm xây dựng thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện.



TỔNG SỐ CHI NHÁNH ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN CUỐI NĂM 2017

300 CHI NHÁNH

SẢN LƯỢNG THÀNH PHẨM TIÊU THỤ NĐTC 2014 - 2015

1.020.793
TẤN

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **TRẦN NGỌC CHU**
Tổng Giám đốc

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu chọn vào Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời đảm nhận những vị trí quan trọng trong Ban Điều hành của Tập đoàn.

Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen. Ông vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba vào năm 2015 và nhiều lần được UBND tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Ông Trần Ngọc Chu tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **TRẦN QUỐC TRÍ**
Phó Tổng Giám đốc Trực

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, ông Trần Quốc Trí đã chứng tỏ được khả năng điều hành qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và từ 01/4/2011 đến nay giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn Hoa Sen.

Năm 2014, ông đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị từ ngày 29/4/2014, sau khi ông Lý Duy Hoàng - Thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm. Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **HOÀNG ĐỨC HUY**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Đức Huy hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát của Tập đoàn Hoa Sen. Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen từ năm 2001 (tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen hiện nay).

Trước đó, ông đã có hơn 14 năm công tác trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ tại các công ty lớn thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh. Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát, ông đã có những đóng góp quan trọng cho Tập đoàn và năm 2014, ông được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.



Ông **VŨ VĂN THANH**
Phó Tổng Giám đốc

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2008 với vai trò Giám đốc Tài chính, ông đã có những đóng góp quan trọng cho Tập đoàn và đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng Bằng khen vào năm 2014 vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Phát triển Hệ thống phân phối, Tài chính, Marketing và Phòng vệ thương mại. Ông Vũ Văn Thanh tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển và là Giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Ông **NGUYỄN MINH KHOA**
Phó Tổng Giám đốc

Gia nhập Tập đoàn từ đầu năm 2008, ông hiện đang đảm nhiệm chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất & Cung ứng.

Ông Nguyễn Minh Khoa tốt nghiệp Kỹ sư Xây dựng tại Đại học Kiến trúc TP. HCM và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Khoa Quản lý Công nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **HỒ THANH HIẾU**
Phó Tổng Giám đốc

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2002, ông Hồ Thanh Hiếu đã được bổ nhiệm các vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Hoa Sen.

Từ tháng 6/2012, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh của Tập đoàn. Ông Hồ Thanh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Phó Tổng Giám đốc

Với bề dày kiến thức cũng như kinh nghiệm tích lũy được qua nhiều năm làm việc tại Tập đoàn Hoa Sen, có thể nói ông hiện là chuyên gia hàng đầu về kỹ thuật sản xuất tôn thép tại Việt Nam. Đối với Tập đoàn Hoa Sen, ông có vai trò quan trọng trong việc triển khai các dự án đầu tư lớn của Tập đoàn như: Dự án Nhà máy thép cán nguội, Dự án Dây chuyền mạ công nghệ NOF, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định, Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An, Nhà máy Hoa Sen Nghệ An,...

Năm 2014, ông được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng Bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Hiện ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực về Sản xuất, Đầu tư dự án.

Ông Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp Đại học hai chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Điện.



Ông **PHAN DUY QUANG**
Quyền Phó Tổng Giám đốc

Ông Phan Duy Quang được bổ nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu của Tập đoàn Hoa Sen từ tháng 9/2014.

Ông Phan Duy Quang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh.

“TRONG NĐTC 2014 – 2015, DỰA TRÊN NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH LINH HOẠT NHẪM ỨNG PHÓ KỊP THỜI VỚI CÁC DIỄN BIẾN CỦA TÌNH HÌNH KINH TẾ, NỖ LỰC ĐẾN MỨC CAO NHẤT ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KINH DOANH MÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ GIAO PHÓ.”

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015



KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc NĐTC 2014 – 2015, sản lượng tiêu thụ thành phẩm đạt 1.020.793 tấn, vượt 13% so với kế hoạch. Doanh thu thuần đạt 17.447 tỷ đồng, vượt 6% so với kế hoạch, trong đó doanh thu xuất khẩu đạt xấp xỉ 314 triệu USD, chiếm 40% cơ cấu doanh thu toàn Tập đoàn. Lợi nhuận sau thuế đạt 653 tỷ đồng, vượt 45% so với kế hoạch đề ra.

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2014 – 2015 với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2014 – 2015	Thực hiện NĐTC 2014 – 2015	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
(A)	(B)	(C)	(D)	(E=(D/C)*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	961.908	1.082.767	13%
- Thành phẩm	Tấn	900.000	1.020.793	13%
- Phụ phẩm	Tấn	61.908	61.974	0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	16.500	17.447	6%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	450	653	45%

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 SO VỚI NĐTC 2013 – 2014

So với NĐTC 2013 – 2014, sản lượng tiêu thụ thành phẩm và doanh thu thuần của Tập đoàn trong NĐTC 2014 – 2015 đều tăng mạnh. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ thành phẩm và doanh thu thuần của NĐTC vừa qua tăng lần lượt 26% và 16% so với thực hiện của NĐTC 2013 – 2014. Riêng lợi nhuận sau thuế tăng 59% so với NĐTC trước.

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2014 – 2015 với NĐTC 2013 – 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2013 – 2014	Thực hiện NĐTC 2014 – 2015	Tỷ lệ thực hiện so với NĐTC trước
(A)	(B)	(C)	(D)	(E=(D/C)*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	868.256	1.082.767	25%
- Thành phẩm	Tấn	810.226	1.020.793	26%
- Phụ phẩm	Tấn	58.030	61.974	7%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	14.990	17.447	16%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	410	653	59%

THỊ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN TRONG NĐTC 2014 – 2015

Thị phần tôn

Trong năm 2015, Tập đoàn Hoa Sen giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần tôn trong nước, chiếm 38,2% thị phần.

Biểu đồ thị phần tôn năm 2014 và 11 tháng đầu năm 2015

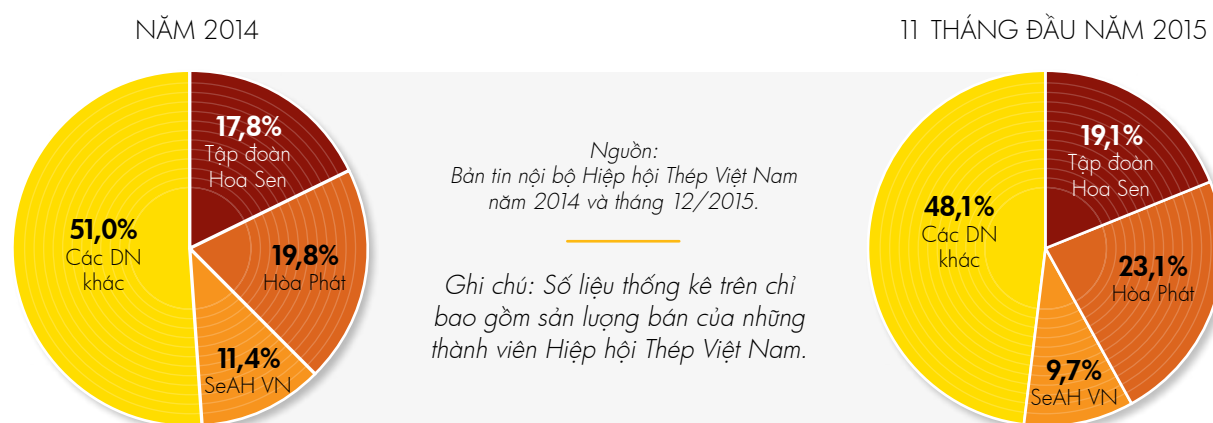


Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam.

Thị phần ống thép

Thị phần ống thép của Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2015 chiếm 19,1%, đứng thứ hai về thị phần tiêu thụ ống thép cả nước.

Biểu đồ thị phần ống thép năm 2014 và 11 tháng đầu năm 2015

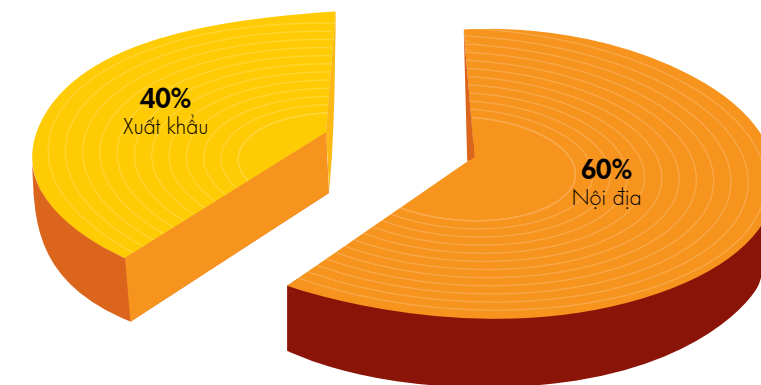


CƠ CẤU DOANH THU CỦA TẬP ĐOÀN NĐTC 2014 – 2015

Cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng

NĐTC 2014 – 2015, các kênh tiêu thụ nội địa vẫn giữ vai trò chủ đạo với 60% doanh thu của Tập đoàn. Kênh xuất khẩu chiếm 40%.

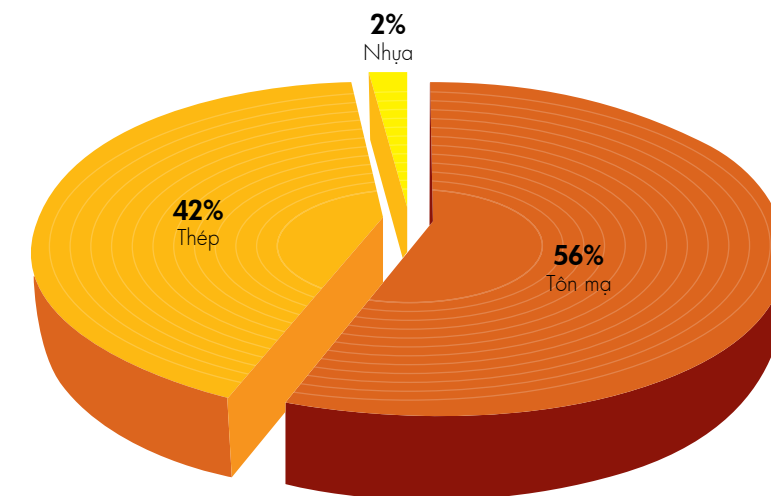
Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng



Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm

Nhóm sản phẩm tôn bao gồm các mặt hàng tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu, tôn đen màu tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực, đóng góp 56% doanh thu Tập đoàn. Tiếp theo là nhóm sản phẩm thép bao gồm các sản phẩm thép dày mạ kẽm, ống thép mạ kẽm, ống thép đen, xà gồ mạ kẽm, xà gồ đen đóng góp 42% doanh thu. Sản phẩm nhựa chiếm 2% doanh thu.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm



**TỶ TRỌNG CÁC LOẠI CHI PHÍ TRÊN DOANH THU THUẦN
THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2013 – 2014	NĐTC 2014 – 2015
1	Sản lượng bán	Tấn	868.256	1.082.767
1.1	– Thành phẩm	Tấn	810.226	1.020.793
1.2	– Phụ phẩm	Tấn	58.030	61.974
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	14.990	17.447
3	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	11,7%	14,8%
4	Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	1,7%	2,4%
	– Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	%	1,2%	1,3%
5	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	4,5%	5,0%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	%	2,6%	2,9%

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN
THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2013 – 2014	NĐTC 2014 – 2015
TỶ SỐ THANH TOÁN				
1	Thanh toán hiện tại	lần	0,9	0,9
	Thanh toán nhanh		0,2	0,3
TỶ SỐ HOẠT ĐỘNG				
2	Số vòng quay hàng tồn kho	lần	3,4	3,6
TỶ SỐ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH				
3	Nợ phải trả/Tổng tài sản		77	69
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	329	224
	Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu		429	324
TỶ SỐ SINH LỢI				
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		4,7	6,6
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,7	3,7
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		17,9	24,7
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	3.277	5.211

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRONG NĐTC 2014 – 2015

Để duy trì đà tăng trưởng ổn định, căn cứ chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những giải pháp điều hành nhằm hoàn thiện và phát huy tối đa các lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Tập đoàn Hoa Sen. Các giải pháp này xoay quanh 05 nhiệm vụ trọng tâm là:



Xây dựng Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ rộng khắp cả nước

Thực hiện chiến lược kinh doanh “Mang sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng”, Tập đoàn tiếp tục thành lập thêm nhiều chi nhánh phân phối – bán lẻ trên cả nước, với tổng số chi nhánh tính đến ngày 31/12/2015 đã là 190 chi nhánh trong đó có 06 tổng kho.

Trong khi hệ thống phân phối của đa số doanh nghiệp khác trong ngành thường là các đại lý độc lập, hệ thống chi nhánh phân phối của Tập đoàn Hoa Sen được Tập đoàn đầu tư mua hoặc thuê đất đai, nhà xưởng và sở hữu toàn bộ đối với máy móc thiết bị và hàng hóa. Việc quản lý chi nhánh được thực hiện tập trung và thống nhất theo chính sách chung, giúp Tập đoàn Hoa Sen chủ động linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách bán hàng theo biến động thị trường để ổn định tiêu thụ, đảm bảo dòng tiền. Nhờ đó, trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đạt sự tăng trưởng mạnh mẽ về thị phần và sản lượng tiêu thụ nội địa, giữ vững vị thế doanh nghiệp dẫn đầu thị phần tôn mạ và thị phần ống thép.

Mở rộng thị trường xuất khẩu, ứng phó với vấn đề phòng vệ thương mại tại các quốc gia

Trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen đã xuất khẩu 407 nghìn tấn sản phẩm, thu về 314 triệu USD doanh thu cho Tập đoàn, tăng 10% so với doanh thu xuất khẩu trong NĐTC 2013 – 2014.

Các sản phẩm của Hoa Sen luôn đảm bảo về chất lượng và đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như: bộ tiêu chuẩn của ASTM (American Society for Testing and Materials), bộ tiêu chuẩn BS EN (British Standards European Norm) của Châu Âu, bộ tiêu chuẩn JIS (Japanese Industrial Standards) của Nhật Bản, bộ tiêu chuẩn AS (Australian Standards) của Úc, bộ tiêu chuẩn SNI (Indonesian National Standards) của Indonesia, bộ tiêu chuẩn MS (Malaysian Standards) của Malaysia.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục thực hiện chủ trương đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Hiện sản phẩm của Hoa Sen đã có mặt tại 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, trong đó có những thị trường ở xa như Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ.

Hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm, nâng cao năng lực sản xuất

Trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục triển khai các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng của Tập đoàn. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong NĐTC 2014 – 2015 của Tập đoàn Hoa Sen tính đến ngày 30/09/2015 như sau:



Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại KCN Đông Hồi

Trong niên độ 2014 – 2015, Tập Đoàn Hoa Sen bắt đầu triển khai đầu tư đối với Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại KCN Đông Hồi thuộc Khu Kinh tế Đông Nam, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Đây là dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương theo Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 25/08/2015.

Tính đến hết NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn đã đầu tư 01 dây chuyền mạ kẽm/hộp kim nhôm kẽm công nghệ NOF với công suất 280.000 tấn/năm và 01 dây chuyền mạ màu với công suất 150.000 tấn/năm. Dự kiến dự án sẽ cho ra mắt sản phẩm thương mại đầu tiên vào tháng 05/2016.

Trong NĐTC 2015 – 2016, Tập đoàn sẽ đầu tư thêm 03 dây chuyền ống thép với tổng công suất 25.000 tấn/năm và dự kiến hoàn thành vào tháng 04/2016.



Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cẩm – Nghệ An

Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cẩm – Nghệ An (tên cũ: “Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An”) tại KCN Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An đang tiếp tục được triển khai thực hiện.

Trong NĐTC 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen đã hoàn thành 06 dây chuyền cán ống thép, có tổng công suất thiết kế 50.000 tấn/năm. Các dây chuyền đã đi vào hoạt động vào tháng 03/2015.

Ngày 09/10/2015, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An được đổi tên thành “Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cẩm – Nghệ An”.



Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định

Tháng 07/2015, HĐQT đã thông qua chủ trương đầu tư mở rộng đối với Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định. Theo đó, Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định được đổi tên thành “Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định” với quy mô, lĩnh vực đầu tư được mở rộng đáng kể.

Tính đến hết NĐTC 2014 – 2015, tiến độ triển khai của Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định đã được thực hiện như sau:

- » Tháng 12/2014, Nhà máy sản xuất Ống thép Hoa Sen Bình Định đã chính thức đi vào hoạt động với quy mô các máy móc thiết bị gồm 09 dây chuyền

**TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ
09 DÂY CHUYỀN SẢN
XUẤT ỐNG THÉP CÙNG
NHÀ XƯỞNG VÀ TRANG
THIẾT BỊ**

101
TỶ ĐỒNG

sản xuất ống thép cùng nhà xưởng và trang thiết bị với tổng giá trị 101 tỷ đồng.

- » Ngày 28/03/2015, Tập đoàn Hoa Sen đã khánh thành Nhà máy ống thép.
- » Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen vẫn đang đẩy mạnh tiến độ triển khai đối với các hạng mục thuộc Nhà máy sản xuất Ống nhựa Hoa Sen gồm 06 dây chuyền sản xuất ống nhựa và 01 hệ thống trộn trung tâm cùng các máy móc, thiết bị, cơ sở vật chất phụ trợ với tổng giá trị đầu tư 172 tỷ đồng.
- » Dự kiến, vào tháng 01/2016, Nhà máy Ống nhựa Hoa Sen Bình Định sẽ cho ra mắt sản phẩm thương mại đầu tiên.

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp

Thực hiện chủ trương của Hội đồng Quản trị về việc xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng “Giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn”, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Khối Nội vụ và các đơn vị liên quan thực hiện những nhiệm vụ sau:

- » Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI nhằm đánh giá một cách chi tiết, toàn diện hiệu quả hoạt động của từng đơn vị và cá nhân để có hướng điều chỉnh, sàng lọc nhân sự hợp lý.

- » Tăng cường tuyển dụng các du học sinh, tu nghiệp sinh bổ sung vào đội ngũ cán bộ dự nguồn; xây dựng kế hoạch bố trí nhân sự cụ thể, có định hướng và chính sách đãi ngộ hợp lý.
- » Duy trì mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, cao đẳng có uy tín thông qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, v.v... nhằm thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, là kênh tuyển dụng thường xuyên và chất lượng cho Tập đoàn.

Xây dựng thương hiệu mạnh

Các hoạt động truyền thông, marketing hiệu quả trong những niên độ vừa qua tiếp tục được thực hiện trong NĐTC 2014 – 2015 nhằm tăng cường hơn nữa mặt độ hiện diện thương hiệu Hoa Sen, bao gồm:

- » Thực hiện các TVC quảng cáo mới có nội dung và ý tưởng sáng tạo, phát sóng vào các khung giờ cao điểm trên đài truyền hình trung ương và địa phương;
- » Lắp đặt các bảng quảng cáo lớn ngoài trời tại các vị trí có tầm nhìn tốt và mật độ giao thông cao; tài trợ bảng hiệu cho các cửa hàng vật liệu xây dựng; thay đổi theo hệ thống nhận diện thương hiệu mới cho toàn bộ các chi nhánh trực thuộc Tập đoàn Hoa Sen.

Trong niên độ 2014 – 2015, Tập Đoàn Hoa Sen đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đem lại ấn tượng đặc biệt trong mắt đối tác và người tiêu dùng như: được bình chọn vào “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Forbes Việt Nam tổ chức; tiếp tục đạt danh hiệu

“Thương hiệu Quốc gia” cho cả 3 dòng sản phẩm: Tôn Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen, Ống nhựa Hoa Sen; là Doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam được chọn vào “Danh sách các doanh nghiệp tăng trưởng Toàn cầu 2015” do Diễn đàn Kinh tế Thế giới bình chọn...

Bên cạnh đó, việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng được Tập đoàn Hoa Sen hết sức quan tâm thông qua việc tài trợ nhiều sự kiện cộng đồng giàu tính nhân văn như: chương trình “Tỏa sáng nghị lực Việt – Nick, Bạn & Tôi”, chương trình “Mái ấm Gia đình Việt - Xuân Ất Mùi 2015” năm thứ sáu liên tiếp, tài trợ cho Giải bóng đá U19 Quốc gia – Cúp Tôn Hoa Sen, tài trợ Giải đua xe đạp truyền thống Thành phố Hồ Chí Minh lần 3 – 2015 và Giải đua xe đạp Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần 27 – 2015 “Non sông nối liền một dải”... Nhờ đó, thương hiệu Hoa Sen đã đi sâu vào tâm thức người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015 – 2016

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2015 – 2016

Căn cứ dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh nhất NĐTC 2015 – 2016 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2014 – 2015	Kế hoạch NĐTC 2015 – 2016 (*)	So với thực hiện NĐTC 2014 – 2015	
				Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E =D-C)	(F = ((D/C-1)* 100%)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.082.767	1.166.000	83.233	8%
- Thành phẩm	Tấn	1.020.793	1.100.000	79.207	8%
- Phụ phẩm	Tấn	61.974	66.000	4.026	6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	17.447	14.280	(3.167)	(18%)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	653	660	7	1%

(*) Dựa trên giá định giá thép cán nóng trong NĐTC 2015 – 2016 là 270 USD/tấn.

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN

Để thực hiện các mục tiêu của NĐTC 2015 – 2016, căn cứ các chủ trương mà Hội đồng Quản trị đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc định hướng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tới như sau:

Đối với hoạt động kinh doanh

- » Tiếp tục mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ, dự kiến trong NĐTC 2015 - 2016 sẽ thành lập thêm 60 chi nhánh và định hướng đến cuối năm 2017 tổng số chi nhánh sẽ đạt con số 300; tăng cường hiệu quả quản lý hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ thông qua việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, mô hình quản lý cũng như chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của kênh tiêu thụ chủ lực này.
- » Tiếp tục đẩy mạnh công tác xuất khẩu, tìm kiếm, mở rộng các thị trường mới giàu tiềm năng.

Đối với hoạt động sản xuất

- » Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động các dây chuyền, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ hàng chính phẩm, giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.
- » Tiếp tục thực hiện kiểm soát chi phí, theo dõi chặt chẽ biến động về giá nguyên liệu trên thị trường, tính toán nhu cầu và thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp để chọn được giá mua tốt nhất, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

DOANH THU THUẦN
NĐTC 2015 - 2016

14.280
TỶ ĐỒNG

**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
THÀNH PHẨM**
NĐTC 2015 - 2016

1.100.000
TẤN

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
NĐTC 2015 - 2016

660
TỶ ĐỒNG

Đối với hoạt động cung ứng – vận tải

- » Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm tối thiểu hóa thời gian và chi phí vận tải – cung ứng hàng hóa bao gồm: nghiên cứu, tính toán phương thức, lộ trình vận tải tối ưu đối với từng đơn hàng; thực hiện đấu thầu, chào giá cạnh tranh để lựa chọn đơn vị vận tải đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả phù hợp; xây dựng, ban hành các quy tắc, hướng dẫn trong vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển.
- » Đầu tư tăng số lượng phương tiện vận tải hiện có để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa.
- » Xây dựng mô hình quản trị hệ thống Logistic – Vận tải chặt chẽ, chuyên nghiệp để quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống này.

Đối với hoạt động đầu tư

- » Triển khai đầu tư nhanh Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An; Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định; Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam; sớm đưa các dây chuyền vào hoạt động, nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.
- » Nghiên cứu các phương án đầu tư mới để mở rộng quy mô sản xuất, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường, đón đầu giai đoạn tăng trưởng mới.

Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực

- » Phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ kế thừa và quản trị viên dự nguồn; tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên.
- » Từng bước nâng cao các tiêu chuẩn, chuẩn mực trong tuyển dụng tăng cường công tác đào tạo ban đầu nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa chất lượng.

- » Tiếp tục áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI cho niên độ tới.

- » Đảm bảo các chính sách về lương thưởng, phúc lợi đối với cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

Đối với hoạt động truyền thông – marketing

- » Không ngừng đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu thông qua các chương trình marketing đa dạng, sáng tạo hiệu quả.
- » Tiếp tục thực hiện các sự kiện truyền thông, các hoạt động từ thiện, tài trợ giàu tính nhân văn, tính cộng đồng nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và góp phần xây dựng thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện.
- » Xây dựng chiến dịch truyền thông thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn Hoa Sen luôn đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng qua việc cung cấp các sản phẩm đúng giá, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng và được bảo hành.
- » Hoàn thiện thực hiện hiệu quả hoạt động tư vấn thông qua tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi 18001515 nhằm hỗ trợ cho người tiêu dùng cách phân biệt tôn thật – tôn giả, đồng thời tư vấn thêm thông tin và hướng dẫn cho khách hàng chọn lựa đúng sản phẩm Tôn Hoa Sen chính hiệu.





Ông LÊ VŨ NAM
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Lê Vũ Nam là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế. Hiện nay, ông là Trưởng khoa Luật kiểm Trông Bộ môn Luật Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của ông là: Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp và Quản trị công ty. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển thị trường, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).



Ông LÊ ĐÌNH HẠNH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Đình Hạnh có kinh nghiệm và am hiểu chuyên sâu về công tác kiểm soát tại Tập đoàn Hoa Sen qua các vị trí: Chuyên viên Kiểm toán Nội bộ, Phó Giám đốc Khối Kiểm soát và hiện là Giám đốc Khối Kiểm soát của Tập đoàn Hoa Sen. Ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu vào thành phần Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2017.

Ông Lê Đình Hạnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng.



Ông LÝ VĂN XUÂN
Thành viên Ban Kiểm soát
(Từ nhiệm từ ngày 31/7/2015)

Ông Lý Văn Xuân là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2017. Ông Lý Văn Xuân từ nhiệm ngày 31/7/2015.

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa. Ông hiện là Trưởng phòng Đào tạo, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập/không điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong HĐQT 2014 - 2015, Hội đồng Quản trị đã chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Jean-Eric Jacquemin và bầu bổ sung ông Lý Văn Xuân vào Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 45/NQ/HĐQT/2015 ngày 31/07/2015.

Hàng tháng Hội đồng Quản trị đều tổ chức họp định kỳ nhằm theo dõi sát tình hình hoạt động của Tập đoàn. Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên nhóm họp bất thường để thảo luận, thông qua các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều được tiến hành đúng thủ tục và có đại diện Ban Kiểm soát tham dự. Những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp đều thuộc thẩm quyền quyết

định của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Việc thảo luận và biểu quyết được thực hiện công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, thông qua chức năng nhiệm vụ được phân công tại các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, cũng đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các mảng công tác mà mình phụ trách, giúp Hội đồng Quản trị đưa ra các chủ trương, quyết sách quản trị phù hợp.

Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.

Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Thừa hành Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các chủ trương, quyết sách mà Hội đồng Quản trị đề ra theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc được quy định trong Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen. Kết quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết Hội đồng Quản trị đều được Ban Tổng Giám đốc báo cáo đầy đủ cho Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ hàng tháng và các cuộc họp giao ban hàng tuần có sự tham dự của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Phần đầu hoàn thành đến mức cao nhất kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những giải pháp linh hoạt, phù hợp trong công tác điều hành, giúp Tập đoàn Hoa Sen trong điều kiện tình hình chung còn nhiều khó khăn vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng sản lượng và doanh thu cao, quy mô sản xuất ngày càng mở rộng.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN HĐQT 2014 – 2015

Qua các đợt kiểm tra định kỳ và bất thường công tác tài chính – kế toán của Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ vừa qua, Ban Kiểm soát ghi nhận như sau:

- » Tập đoàn Hoa Sen đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán.
- » Các chứng từ kế toán được Tập đoàn Hoa Sen quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định, đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.

- » Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/báo có của ngân hàng hàng ngày.

Dựa trên các báo cáo được Ban Tổng Giám đốc trình bày tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban Kiểm soát nhận định tình hình tài chính của Tập đoàn Hoa Sen ở trạng thái lành mạnh. Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao.

3

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị doanh nghiệp	70
Quản trị rủi ro	82
Chính sách nguồn nhân lực	84
Thông tin cổ phần	90
Giới thiệu chi nhánh	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	94
Giới thiệu các công ty con	96
Hệ thống chi nhánh	108



TẬP ĐOÀN HOA SEN

CHÍNH THỨC TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP
TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU 2015

VỚI VIỆC LÀ
DOANH NGHIỆP DUY
NHẤT Ở VIỆT NAM
ĐƯỢC CHỌN VÀO CỘNG
ĐỒNG DOANH NGHIỆP
TĂNG TRƯỞNG TOÀN
CẦU GLOBAL GROWTH
COMPANIES (GGCs) 2015,
TẬP ĐOÀN HOA SEN SẼ
CÓ CƠ HỘI CÙNG VỚI
400 DOANH NGHIỆP
KHÁC TRÊN KHẮP THẾ
GIỚI THỨC ĐẨY PHÁT
TRIỂN KINH TẾ TOÀN
KHU VỰC, DẪN ĐẦU
NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU.

Ngày 09 - 11/09/2015, Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) đã tổ chức Hội nghị thường niên lần thứ 9 New Champions tại Đại liên, Trung Quốc. Tại Hội nghị lần này, WEF đã công bố và vinh danh 132 công ty đến từ nhiều quốc gia được chọn vào Cộng đồng Doanh nghiệp tăng trưởng toàn cầu (GGC) năm 2015. Tập đoàn Hoa Sen là đại diện duy nhất của Việt Nam nằm trong nhóm những công ty năng động và có tốc độ tăng trưởng nhanh.

Hội nghị thường niên lần thứ 9 của New Champions là một cuộc họp toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới về đổi mới, khoa học và công nghệ. Chương trình có sự tham gia của hơn 1.500 nhân vật trong các lĩnh vực kinh doanh, các tổ chức chính phủ, các tổ chức nghiên cứu và truyền thông từ hơn 90 quốc gia trên thế giới để cùng nhau chia sẻ và đối mặt với các thách thức mới trong tương lai. Tại đây, Diễn đàn Kinh tế Thế giới sẽ công nhận và vinh danh các doanh nghiệp được lựa chọn trong năm 2015 vào Cộng đồng Doanh nghiệp tăng trưởng toàn cầu. Ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen đã đại diện Tập đoàn Hoa Sen tham dự sự kiện này.

Cộng đồng GGC hiện có trên 400 công ty đến từ khắp nơi trên thế giới, với các lĩnh vực như ngân hàng, năng lượng, hàng không. Đây là những đơn vị phát triển mạnh trong hoạt động sáng tạo, có ảnh hưởng lớn với ngành, khu vực và toàn cầu. Các thành viên của GGC năm nay đại diện cho nhiều lĩnh vực công nghiệp, có thành tích cao về tăng trưởng doanh thu và hoạt động sáng tạo. Việc chấm điểm dựa vào mô hình kinh doanh, doanh thu hàng năm, tốc độ tăng trưởng, lãnh đạo điều hành và vị thế của doanh nghiệp đó trên thị trường.

Bằng những đóng góp tích cực cho cộng đồng và những thành tích trong kinh doanh, trước đó, Tập đoàn Hoa Sen đã nhận được nhiều giải thưởng cao quý như: Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng; được công nhận là Thương hiệu Quốc gia cho 3 dòng sản phẩm: Tôn Hoa Sen, Ống thép Hoa Sen, Ống nhựa Hoa Sen; Giải thưởng "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" về lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng do Tạp chí Tài chính uy tín thế giới Euromoney trao tặng; nằm trong danh sách Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2014 theo công bố của Vietnam Report; Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất ở Việt Nam 2015 do Tạp chí Forbes bình chọn; Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2015; là 1 trong 10 Doanh nghiệp niêm yết có uy tín nhất trên truyền thông 2015... Với việc là doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam được chọn vào Cộng đồng Doanh nghiệp tăng trưởng toàn cầu Global Growth Companies (GGCs) 2015, Tập đoàn Hoa Sen sẽ có cơ hội cùng với 400 doanh nghiệp khác trên khắp thế giới thúc đẩy phát triển kinh tế toàn khu vực, dẫn đầu nền kinh tế toàn cầu.



QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Dựa trên nền tảng là giá trị cốt lõi và triết lý kinh doanh, các quy tắc đạo đức kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen điều chỉnh các mối quan hệ đối nội và đối ngoại của doanh nghiệp, trong đó tập trung vào 05 mối quan hệ cơ bản giữa doanh nghiệp với:



PHÁP LUẬT

Tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.



KHÁCH HÀNG

Luôn nỗ lực làm hài lòng khách hàng bằng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi chu đáo.



CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa lợi ích của cổ đông trong khuôn khổ quy định của pháp luật và đảm bảo sự công bằng về quyền lợi giữa các cổ đông.



NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tạo môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng và cùng phát triển giữa các cán bộ nhân viên; đảm bảo quyền lợi người lao động đúng theo quy định của pháp luật.



CỘNG ĐỒNG

Quan tâm thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển hơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần Hội đồng Quản trị

Tính đến cuối NĐTC 2014 – 2015, cơ cấu thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen gồm:

STT	Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Ông Trần Quốc Trí	Thành viên HĐQT	
4	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	
5	Ông Lý Văn Xuân	Thành viên HĐQT độc lập	Ông Lý Văn Xuân được bầu bổ sung vào HĐQT để thay thế cho ông Jean-Eric Jacquemin (đã từ nhiệm trong NĐTC 2014 – 2015). Tại Hội nghị thường niên ĐHCĐ NĐTC 2015 – 2016, HĐQT sẽ trình ĐHCĐ xem xét, phê chuẩn chức danh Thành viên HĐQT cho ông Lý Văn Xuân.

Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

Nhằm chuyên môn hóa chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên, Hội đồng Quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

- » **Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông:** Do các ông Phạm Gia Tuấn – TV. HĐQT độc lập làm Trưởng Tiểu ban và ông Jean-Eric Jacquemin – TV. HĐQT không điều hành phụ trách (ngày 31/07/2015, ông Jean-Eric Jacquemin từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị).
- » **Tiểu ban Đầu tư dự án:** Ông Lê Phước Vũ – CT. HĐQT làm Trưởng Tiểu ban phụ trách.
- » **Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng:** Hiện tại ông Lê Phước Vũ – CT. HĐQT phụ trách Tiểu ban này.

Hỗ trợ cho các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị là các phòng ban, bộ phận nghiệp vụ liên quan. Các phòng ban, bộ phận này sẽ trực tiếp xử lý công việc của Tiểu ban và báo cáo cho Tiểu ban về kết quả thực hiện.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Trong NĐTC 2014 – 2015 (từ 01/10/2014 đến 30/09/2015), Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã tổ chức 84 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Số lượng và tỷ lệ tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị của từng thành viên được thống kê chi tiết như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	81	96,4%	
2	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	84	100%	
3	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	84	100%	
4	Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	84	100%	
5	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên	61	91%	Từ nhiệm từ ngày 30/07/2015
6	Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	17	100%	Bỏ nhiệm từ ngày 31/07/2015

Dưới đây là bảng tóm tắt nội dung một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng Quản trị trong NĐTC 2014 – 2015:

STT	Nghị quyết	Phiên họp ngày	Các nội dung được thông qua
1	Số 02/NQ/HĐQT/2015	20/01/2015	Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An của Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An.
2	Số 09/NQ/HĐQT/2015	03/03/2015	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 3 của NĐTC 2012 – 2013 bằng tiền mặt.
3	Số 10/NQ/HĐQT/2015	10/03/2015	Thông qua giao dịch giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, các Công ty con trực thuộc Tập đoàn Hoa Sen và Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen.
4	Số 12/NQ/HĐQT/2015	10/03/2015	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, các công ty con trong NĐTC 2014 – 2015.
5	Số 24/NQ/HĐQT/2015	12/05/2015	Chi trả cổ tức đợt 1 của NĐTC 2013 – 2014 bằng tiền mặt.
6	Số 26/NQ/HĐQT/2015	08/06/2015	Thay đổi tên Công ty TNHH MTV Ống thép Hoa Sen Bình Định.
7	Số 31/NQ/HĐQT/2015	10/06/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An (Công ty con trực thuộc Tập đoàn Hoa Sen).
8	Số 34/NQ/HĐQT/2015	23/06/2015	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định.
9	Số 36/NQ/HĐQT/2015	29/06/2015	Thông qua chủ trương bán cổ phiếu quỹ nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
10	Số 39/NQ/HĐQT/2015	13/07/2015	Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương đầu tư Dự án bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
11	Số 44/NQ/HĐQT/2015	31/07/2015	Thông qua chủ trương xét duyệt lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phiếu quỹ.
12	Số 45/NQ/HĐQT/2015	31/07/2015	Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị (ông Lý Văn Xuân).
13	Số 50/NQ/HĐQT/2015	27/08/2015	Đầu tư Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An của Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An.
14	Số 54/NQ/HĐQT/2015	07/09/2015	Bổ sung phương án bán cổ phiếu quỹ.
15	Số 55/NQ/HĐQT/2015	15/09/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen.
16	Số 57/NQ/HĐQT/2015	22/09/2015	Thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Hà Nội.
17	Số 59/NQ/HĐQT/2015	28/09/2015	Thay đổi tên Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An thành Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cấm – Nghệ An.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Hàng tháng tại các phiên họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, các Tiểu ban đều báo cáo chi tiết tình hình hoạt động trong tháng và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương, định hướng đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng Quản trị, trong NĐTC 2014 – 2015 các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị đã tiến hành các hoạt động như sau:

Hoạt động của Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng

Công tác Tái cấu trúc và Nhân sự

- » Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động;
- » Nghiên cứu soạn thảo quy chế hoạt động của các đơn vị trong Tập đoàn: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Quy định về phân cấp, phân quyền các cấp quản trị, quản lý của Tập Đoàn; Quy chế hoạt động các khối chức năng thuộc Tập Đoàn;
- » Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức về nhân sự: xây dựng tiêu chuẩn về đánh giá cán bộ quản lý, quản trị viên dự nguồn; Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của Tập đoàn; Chính sách quy hoạch, luân chuyển, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- » Nghiên cứu, đề xuất phương án tái cấu trúc mô hình quản trị của Tập đoàn trong thời gian tới.

Vấn đề Lương thưởng, phúc lợi

- » Nghiên cứu, xây dựng và đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện chính sách về lương thưởng, phúc lợi, khen thưởng – kỷ luật của Tập đoàn.

Xử lý một số vấn đề khác liên quan đến công tác tái cấu trúc và nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn.

Hoạt động của Tiểu ban Đầu tư dự án

Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trong và ngoài nước của Tập đoàn Hoa Sen đã được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Quản trị phê duyệt, bao gồm:

Dự án Nhà máy Hoa Sen Nam Cấm – Nghệ An (tên cũ: “Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An”);

Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa Hoa Sen Bình Định. Đồng thời, tiến hành các công việc cần thiết để triển khai thực hiện Dự án Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại KCN Đông Hồi; Dự án Nhà máy Hoa Sen Hà Nam.

Nghiên cứu, tham mưu và đề xuất Hội đồng Quản trị các phương án đầu tư triển vọng để Hội đồng Quản trị quyết định triển khai hoặc đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Triển khai, giám sát các hoạt động đầu tư khác của Tập đoàn.

Hoạt động của Tiểu Ban Tài chính và Quan hệ cổ đông

Công tác Giám sát tài chính

- » Định kỳ soát xét các báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong các số liệu tài chính khi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và nhà đầu tư;
- » Thẩm tra các báo cáo thực hiện chi phí tài chính hàng tháng do Ban Tổng Giám đốc thực hiện, từ đó đề xuất Hội đồng Quản trị về các định hướng liên quan đến công tác quản trị tài chính;
- » Tiến hành kiểm tra đối với các số liệu tài chính của Công ty nhằm đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn trong trạng thái lành mạnh.

Hoạt động Công bố thông tin

- » Thực hiện thủ tục công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- » Chủ động công bố thông tin đối với những thông tin quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi cũng như các quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

Hoạt động Chi trả cổ tức

- » Đưa ra ý kiến tham mưu cho Hội đồng Quản trị về tỷ lệ, hình thức và thời điểm chi trả cổ tức phù hợp nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty;
- » Hướng dẫn, giúp cổ đông giải quyết các thắc mắc, yêu cầu về cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và các yêu cầu khác liên quan.



Các hoạt động khác

- » Tham gia các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông; chủ trì soạn thảo tài liệu họp và công bố đầy đủ tài liệu trên website để các cổ đông tham khảo, làm cơ sở để cổ đông thảo luận và biểu quyết tại hội nghị đúng theo quy định của pháp luật; trả lời đầy đủ, chu đáo tất cả các câu hỏi do cổ đông đặt ra tại hội nghị trong thời hạn hợp lý;
- » Tổ chức các buổi hội nghị khách hàng nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư;
- » Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trình bày, giải đáp các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm, tạo sự tin tưởng nơi nhà đầu tư.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong HĐQT 2014 – 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương bổ nhiệm ông Phan Duy Quang đảm nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu theo Nghị Quyết số 43/NQ/HĐQT/2015 ngày 29/07/2015. Cơ cấu nhân sự hiện tại của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- » Ông **Trần Ngọc Chu** : Tổng Giám đốc
- » Ông **Trần Quốc Trí** : Phó Tổng Giám đốc Trực
- » Ông **Hoàng Đức Huy** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát
- » Ông **Nguyễn Minh Khoa** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất – Cung ứng
- » Ông **Nguyễn Văn Quý** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và Dự án
- » Ông **Vũ Văn Thanh** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính & Marketing
- » Ông **Hồ Thanh Hiếu** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh
- » Ông **Phan Duy Quang** : Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu

Nhằm sâu sát tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tại các phiên họp định kỳ hàng tháng Hội đồng Quản trị đều yêu cầu sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc và một số cán bộ quản lý chủ chốt để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng cho Hội đồng Quản trị và tình hình thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, đồng thời trình bày kế hoạch kinh doanh của tháng tiếp theo và phương hướng để hoàn thành kế hoạch đề ra.

Ngoài ra các cuộc họp giao ban hàng tuần cùng Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối chức năng và Giám đốc các Công ty con cũng đều có sự tham gia của Chủ

tịch Hội đồng Quản trị và các Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành nhằm giám sát, theo dõi công tác quản lý điều hành và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị.

Niên độ tài chính 2014 – 2015, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chủ trương, chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra cũng được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP

Môi trường kiểm soát nội bộ chặt chẽ

Công tác kiểm soát là một trong những nghiệp vụ quan trọng tại Tập đoàn Hoa Sen và là công cụ giám sát hiệu quả của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo vệ tối đa tài sản của doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông.

Theo đó, Tập đoàn Hoa Sen duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ chuyên nghiệp tham gia giám sát, kiểm soát chặt chẽ tất cả các mảng hoạt động của doanh nghiệp nhằm

đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ đều tuân thủ đúng quy trình đã ban hành, hạn chế tối đa các vấn đề tiêu cực có thể phát sinh.

Ngoài hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, Tập đoàn còn thành lập các bộ phận chuyên trách thực hiện các công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh, kiểm soát giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

Môi trường kiểm toán minh bạch

Tập đoàn Hoa Sen luôn chủ trương tạo một môi trường kiểm toán minh bạch, thuận lợi nhất để các tổ chức kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, khi có yêu cầu, có thể dễ dàng tiếp cận. Hệ thống hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ khoa học cho phép dễ dàng tra cứu, trích lục và thu thập. Các số liệu trong báo cáo tài chính

của doanh nghiệp đều sát với thực tế hoạt động, phản ánh trung thực, đầy đủ tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán và quy định của pháp luật.

THÙ LAO, THU NHẬP KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(theo quy định tại Phụ lục II về Báo cáo thường niên ban hành kèm Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.)

Thù lao của Hội đồng Quản trị trong HĐQT 2014 – 2015

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	20.000.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	13.000.000
3	Thành viên Hội đồng Quản trị	11.000.000

Các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp của Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao (đồng/tháng)
1	Lê Phước Vũ	Trưởng Ban quản lý dự án	100.000.000
		Trưởng Ban Tái cấu trúc	7.000.000
		Tổng Giám đốc	100.000.000
2	Trần Ngọc Chu	CT. HĐQT Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	8.000.000
		Phó Ban Tái cấu trúc	5.000.000
		Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	5.000.000
		Phó Tổng Giám đốc Trực	80.000.000
3	Trần Quốc Trí	Phó Ban Tái cấu trúc	5.000.000
		Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	8.000.000
		Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cấm – Nghệ An	5.000.000

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong niên độ tài chính 2014 - 2015, Ban Kiểm soát tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ trong việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Cụ thể trong niên độ vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- » Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị, đặt câu hỏi chất vấn, đề nghị giải trình đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, đồng thời đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất kịp thời, phù hợp nhằm giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định, đạt hiệu quả cao, qua đó quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư luôn được đảm bảo.
- » Xem xét, thẩm tra các báo cáo tài chính của Tập đoàn bao gồm các Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên, hợp nhất cả niên độ, Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty thành viên; các khoản công nợ, hàng tồn kho, chứng từ thu - chi, xuất nhập khẩu hàng hóa, v.v...
- » Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông như cập nhật thông tin cổ đông; các vấn đề liên quan đến cổ phần - cổ phiếu; công bố thông tin; v.v...
- » Phối hợp cùng Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện các đợt kiểm tra hoạt động của các chi nhánh, công ty con của Tập đoàn. Thẩm định và tham gia xác nhận các chứng từ hoàn công, thanh toán của các dự án, đồng thời giám sát việc triển khai cũng như tính hiệu quả của các dự án để có kiến nghị điều chỉnh kịp thời, phù hợp.



THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

Thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000

Các khoản thu nhập khác của Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao (đồng/tháng)
		Giám đốc Khối Kiểm soát	30.000.000
1	Lê Đình Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	3.000.000

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

- » Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông HĐQT 2014 - 2015.
- » Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.
- » Thực hiện Bản tin Tập đoàn Hoa Sen định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.
- » Thực hiện chi trả cổ tức của HĐQT 2013 - 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/01/2015.
- » Tổ chức các buổi gặp gỡ nhà đầu tư nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư.



QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG



Bên cạnh việc nỗ lực trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh, Tập đoàn Hoa Sen còn được biết đến như một doanh nghiệp luôn tích cực trong các hoạt động xã hội bằng việc hàng năm đều trích 3% lợi nhuận sau thuế dành cho các chương trình tài trợ, từ thiện đa dạng và thiết thực như xây cầu, xây trường học, nhà tình thương; tặng tôn, hỗ trợ người dân vùng thiên tai (hỗ trợ 12 nạn nhân và lực lượng cứu hộ vụ sập hầm thủy điện Đa Dâng - Lâm Đồng, tặng tôn cho đồng bào vùng lũ Quảng Ninh, Quảng Trị)...



Nhiều năm qua, kiên trì với định hướng xây dựng thương hiệu thân thiện, Tập đoàn Hoa Sen đã đồng hành cùng những chương trình truyền hình nhân ái, lan tỏa các giá trị tốt đẹp về mọi miền quê, đến với những người lao động nghèo như "Vượt lên chính mình", "Lục Lạc Vàng", "Yêu thương cuộc sống", "Trái tim nhân ái", "Danh ngôn cuộc sống"... Bằng chính sự gần gũi, gắn bó với những người dân nghèo và những mảnh đời bất hạnh, Hoa Sen đã trở thành thương hiệu nhận được nhiều cảm tình của xã hội, đồng thời làm thay đổi và đem đến cuộc sống mới tốt đẹp hơn cho hàng trăm hộ gia đình.



Liên tục trong những năm gần đây, Hoa Sen là nhà đồng tổ chức và tài trợ cho chuỗi chương trình của diễn giả không tay không chân Nick Vujicic qua các sự kiện "Nick đến Việt Nam 2013", "Tòa sáng nghị lực Việt 2014", "Tòa sáng nghị lực Việt 2015". Điểm đặc biệt của chương trình "Tòa sáng nghị lực Việt 2015 - Nick, bạn & tôi" là chuỗi 6 sự kiện với những chủ đề cụ thể và riêng biệt cho nhiều đối tượng được thực hiện ở nhiều địa điểm khác nhau: Hồ Chí Minh, Nghệ An và Lâm Đồng, nhằm tiếp tục chia sẻ những câu chuyện về cuộc đời, những góc nhìn về cuộc sống, hạnh phúc đích thực, những giá trị tốt đẹp mà mỗi con người đã và đang hướng tới.

THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN, TÀI TRỢ ĐA DẠNG VÀ THIẾT THỰC, TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐÃ GÂY DỰNG ĐƯỢC HÌNH ẢNH MỘT DOANH NGHIỆP CÓ Ý THỨC, TRÁCH NHIỆM CAO ĐỐI VỚI XÃ HỘI, MANG LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT NHẤT CHO CỘNG ĐỒNG.

Tháng 04/2015, nhân kỷ niệm 40 năm ngày thống nhất đất nước, Tập đoàn Hoa Sen đã tài trợ chính cho Giải đua xe đạp toàn quốc tranh Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 27 với chủ đề "Non sông liền một dải" và trao 190 chiếc xe đạp cho trẻ em nghèo hiếu học tại mỗi điểm đích trong hành trình đua từ Bắc vào Nam. Vượt ra khỏi ý nghĩa của một hoạt động thể thao đơn thuần, giải đua đã trở thành một hoạt động mang tính chính trị - nhân văn sâu sắc, là dịp để nhìn lại chặng đường phát triển của đất nước sau 40 năm đổi mới. Tiếp nối thành công đó, nhằm chào mừng kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 02/09/2015, Tập đoàn Hoa Sen đã tài trợ Cuộc đua xe đạp truyền thống TP. HCM lần thứ 3 - 2015 với mong muốn đề cao tinh thần thể thao, đồng thời tạo ra một sân chơi ý nghĩa cho các vận động viên đua xe đạp.



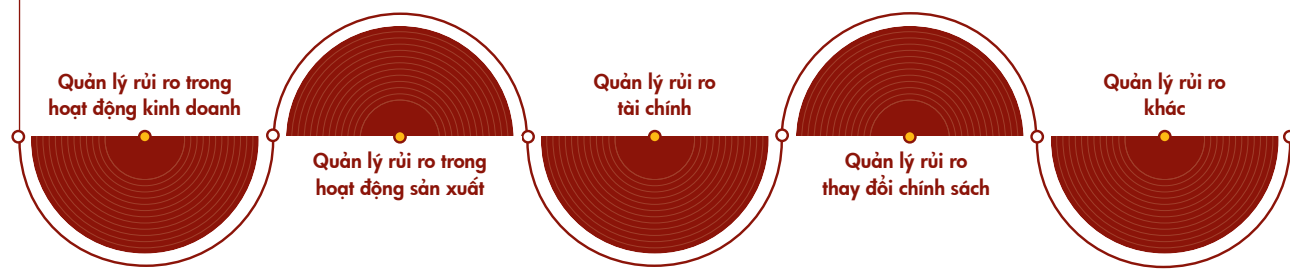
Ngày 19/06, trong buổi lễ động thổ Nhà máy Hoa Sen Nghệ An tại Khu công nghiệp Đông Hồi, Tập đoàn Hoa Sen đã trao tặng 50 chiếc xe đạp và ủng hộ 222 triệu đồng cho những hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Quan tâm đặc biệt đến đối tượng các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, Tập đoàn Hoa Sen đã tài trợ nhiều chương trình từ thiện thiết thực để lan tỏa giá trị tốt đẹp đến cộng đồng như: nhiều năm liền tài trợ Giải bóng đá Futsal dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tặng máy vi tính cho trẻ em các làng SOS;... Trong đợt khai giảng năm học mới 2015 - 2016, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện phong trào "Tôn Hoa Sen cùng em đến trường" tại 48 trường tiểu học vùng sâu - vùng xa trên cả nước, trao tặng 1.070 chiếc cặp và 10.700 quyển vở cho các em có hoàn cảnh khó khăn, hiếu học nơi đây.

Luôn ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, bằng việc định vị và phát triển thương hiệu theo triết lý kinh doanh "Mang hạnh phúc sẽ chia cùng cộng đồng", nhiều năm liền, Tập đoàn Hoa Sen đã tổ chức chương trình Mái ấm Gia đình Việt dịp Tết Nguyên đán và dịp Tết Trung thu cho hàng nghìn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến từ các mái ấm, nhà mồ, trường giáo dưỡng tại TP. HCM và các tỉnh lân cận. Điểm đặc biệt của chương trình Đêm hội Trung thu 2015 là sự đổi mới các hoạt động thiện nguyện tại các mái ấm, nhà mồ nhiều tỉnh thành dành cho các em không có cơ hội đến tham dự chương trình tại sân khấu Lan Anh, TP. Hồ Chí Minh như Lâm Đồng, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Nội, Nam Định, Phú Thọ. Tổng kết chuỗi hoạt động của chương trình Mái ấm Gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2015, Ban tổ chức đã trao tặng tổng cộng 4.200 phần quà và hơn 1.000 chiếc lồng đèn cho các em nhỏ, tạo được sự lan tỏa trên diện rộng hơn bao giờ hết.



“ ĐỂ GIẢM THIỂU CÁC RỦI RO CÓ THỂ GẶP, TẬP ĐOÀN ĐÃ XÂY DỰNG MỘT CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ ĐẢM BẢO MỤC TIÊU KINH DOANH, TẠO RA LỢI THẾ CẠNH TRANH NHẪM ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ NHẤT. VIỆC THÀNH LẬP CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG: KIỂM SOÁT NỘI BỘ, PHÁP CHẾ, THẨM ĐỊNH GIÁ, BAN VẬT TƯ ĐỂ KIỂM SOÁT NHỮNG RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA ĐÃ ĐEM LẠI NHỮNG KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KIỂM SOÁT TOÀN BỘ TẬP ĐOÀN. ”



QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng, trong đó có các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen cũng sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng cũng sẽ sụt giảm. Do đó, Tập đoàn luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Tập đoàn nhập khẩu phần lớn thép cán nóng (nguyên liệu chính) từ nước ngoài, nên việc cập nhật, phân tích giá thép cán nóng trong và ngoài nước, chọn lựa thời điểm thích hợp để mua với giá tốt nhất, hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm.



QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Trong hoạt động sản xuất, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Bộ phận Thẩm định giá và Bộ phận Vật tư phối hợp xem xét, lựa chọn những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp, giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên nhiên vật liệu. Đồng thời, Bộ phận Kiểm soát Nội

bộ sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch.

Tập đoàn luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, bảo đảm vận hành an toàn và hiệu quả.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu xuất khẩu, Ban Tổng Giám đốc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để đảm bảo có lãi suất vay bình quân thấp nhất nhưng vẫn có đủ nguồn USD trả nợ vay ngoại tệ để giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trình Hội đồng Quản trị xem xét và đưa ra định hướng cơ cấu vay hàng tháng.

Đối với các khách hàng mới, Tập đoàn yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng thì mới giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính,

tài sản bảo đảm, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Tập đoàn cấp hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc xem xét lại các hạn mức nợ này. Các đơn vị bán hàng chịu trách nhiệm thu hồi công nợ đúng hạn. Bộ phận Kiểm soát Nội bộ giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban Tổng Giám đốc tình hình nợ phải thu hàng ngày. Nếu phát sinh nợ phải thu khó đòi, Bộ phận Pháp chế sẽ thực hiện các biện pháp thu hồi nợ kể cả đưa vụ việc ra cơ quan pháp luật giải quyết.

Bộ phận Tài chính lập và báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, đảm bảo không có khoản phải trả quá hạn.

QUẢN LÝ RỦI RO THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của Tập

đoàn Hoa Sen. Ban Tr� lý giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO KHÁC

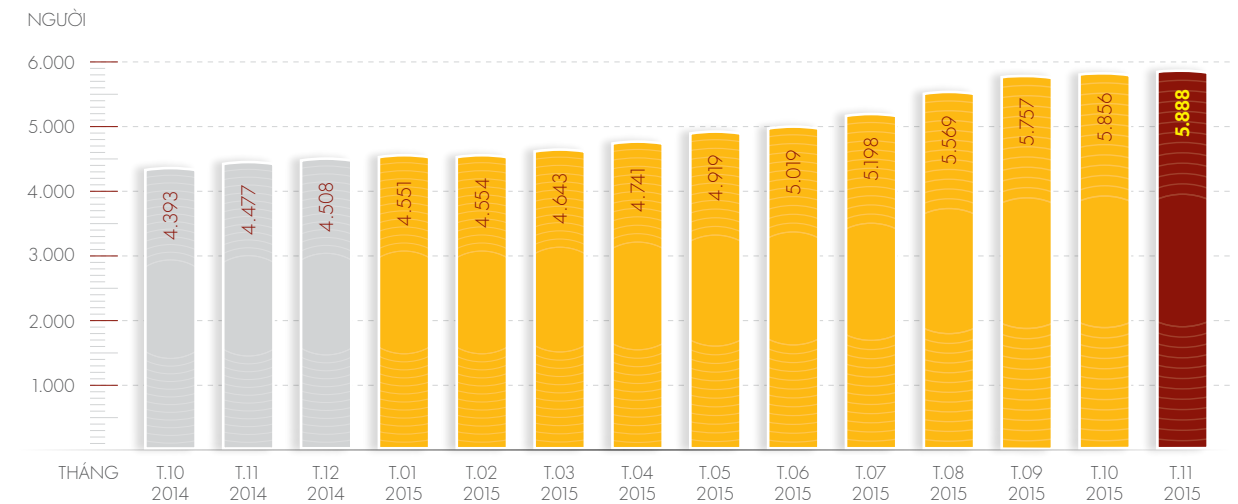
Để giảm thiểu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn,...Tập đoàn luôn dành một khoản chi phí không nhỏ cho việc mua bảo hiểm mọi rủi ro tai nạn

24/24 giờ cho mọi CBCNV và bảo hiểm cho mọi rủi ro tài sản của Tập đoàn.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

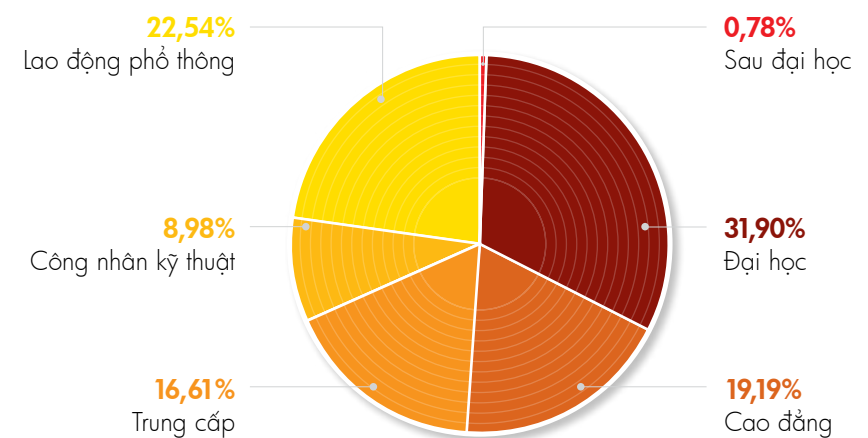


NHÂN SỰ TẬP ĐOÀN HOA SEN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015



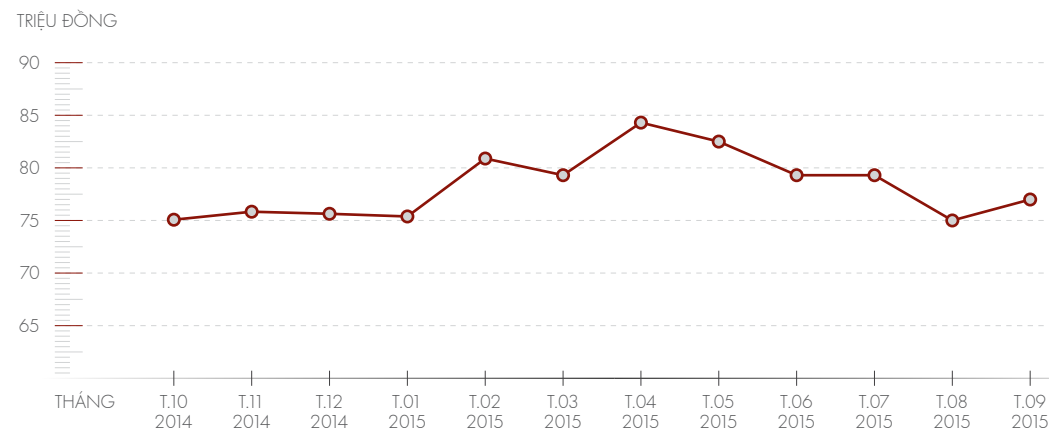
Biểu đồ nhân sự Tập đoàn Hoa Sen tính đến ngày 12/11/2015

CO CẤU TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 - 2015



Biểu đồ cơ cấu trình độ nhân sự Tập đoàn Hoa Sen niên độ 2014 - 2015.

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

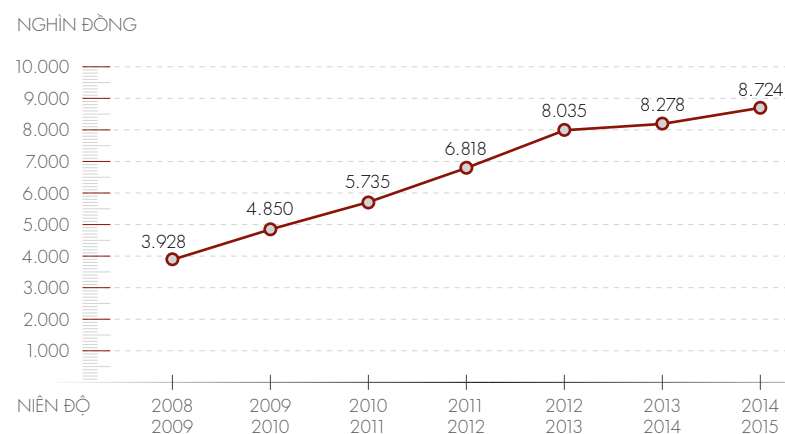


Ghi chú:
Thu nhập tháng 02, 4, 5/2015 tăng so với các tháng khác do có tiền tăng ca làm Tết, tăng ca Lễ.



THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CBCNV QUA CÁC NIÊN ĐỘ

Niên độ Tài chính	Thu nhập đồng/người/tháng
2008 - 2009	3.928.000
2009 - 2010	4.850.000
2010 - 2011	5.735.000
2011 - 2012	6.818.000
2012 - 2013	8.035.000
2013 - 2014	8.278.000
2014 - 2015	8.724.000



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong niên độ 2014 - 2015, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thông qua các hoạt động nổi bật sau:

- » Tiếp tục phát triển hơn nữa chương trình “Quản trị viên Dự nguồn”, tuyển dụng các sinh viên khá giỏi, năng động từ các trường đại học lớn, uy tín như Đại học Bách khoa TP. HCM, Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM, Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP. HCM... Đặc biệt, trong niên độ 2014 - 2015, Hoa Sen đã tuyển thêm 60 du học sinh từ nhiều quốc gia như: Anh, Mỹ, Úc, Nga, Singapore, New Zealand... đưa vào chương trình đào tạo, theo dõi, định hướng và phát triển thành những cán bộ quản lý nòng cốt trong tương lai.
- » Hoa Sen tiếp tục là đối tác chiến lược của Đại học Quốc gia TP. HCM nói chung và các trường thành viên Đại học Quốc gia TP. HCM nói riêng, tài trợ học bổng cho các sinh viên nghèo vượt khó học giỏi, đẩy mạnh mối quan hệ giữa Doanh nghiệp và Nhà trường trong sự nghiệp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- » Việc phát triển nguồn nhân lực của Hoa Sen được gắn kết chặt chẽ với các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo liên kết với các đơn vị bên ngoài. Trong niên độ này, Hoa Sen đã tổ chức 64 khóa học đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các khóa đào tạo tại Hoa Sen được diễn ra xuyên suốt bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc như đào tạo hội nhập, sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC, sơ cấp cứu...; các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, năng lực như kỹ năng lãnh đạo, phát triển thị trường và quản lý kinh doanh, kỹ năng giao tiếp bán hàng chuyên nghiệp... Nội dung các khóa học theo sát nhu cầu của CBCNV Tập đoàn, được triển khai theo hướng hiện đại, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, mang tính ứng dụng thực tiễn cao, các học viên có cơ hội thâm nhập thực tế qua những chia sẻ của cả giảng viên và góp ý của các học viên.
- » Đặc biệt, Tập đoàn đã triển khai khóa học nâng cao ngoại ngữ dành cho cán bộ quản lý của Tập đoàn - đây có thể coi là một trong những chương trình đào tạo trọng điểm nhằm hoàn thiện hơn nữa các kỹ năng cũng như kiến thức cho các cán bộ quản lý.



CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lương và phụ cấp

Song song với mục tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận thì thu nhập của CBCNV luôn là vấn đề được Ban Lãnh đạo công ty quan tâm hàng đầu. Cũng như những niên độ trước, niên độ 2014 - 2015, Công ty điều chỉnh lại chính sách lương khoán và lương kinh doanh để phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh hiện tại nhưng vẫn đảm bảo thu nhập cho CBCNV tăng trưởng theo sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tạo nên tính linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo sự phù hợp với mặt bằng lương trong cùng ngành nghề.

Các khoản phụ cấp vẫn được duy trì như niên độ trước bao gồm: phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp dự nguồn, phụ cấp điện thoại, phụ cấp công tác, phụ cấp thâm niên... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, tạo động lực, giúp người lao động yên tâm làm việc.

Chế độ bảo hiểm

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn Hoa Sen thực hiện theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty (nhân viên chính thức và cả nhân viên thu việc). Trong NĐTC 2014 - 2015, Tập đoàn có điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 01/2015.

Chính sách khen thưởng

Ngoài tiền lương, các chế độ khen thưởng cũng là vấn đề được Tập đoàn Hoa Sen đặc biệt quan tâm nhằm tạo động lực cho CBCNV phát huy hết tài năng, trí tuệ, sức lao động, sự sáng tạo trong công việc để nâng cao mức độ hoàn thành công việc và chất lượng công việc phục vụ cho sự phát triển của Công ty.

Qua các năm, Tập đoàn luôn duy trì áp dụng các hình thức khen thưởng cho CBCNV có thành tích xuất sắc trong công việc cũng như có đóng góp to lớn cho sự phát triển của Tập đoàn. Các chính sách thưởng được áp dụng trong NĐTC 2014 - 2015 như: thưởng lương tháng 13, thưởng theo hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng sáng kiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng CBCNV có thành tích xuất sắc cuối năm, thưởng các dịp Lễ, Tết và kỷ niệm thành lập Công ty...

Chế độ chính sách phúc lợi khác

Ngoài việc các chính sách lương, khen thưởng linh hoạt, các chế độ bảo hiểm theo quy định của Pháp luật, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì áp dụng các chế độ phúc lợi khác như: tổ chức các chuyến tham quan nghỉ mát hàng năm, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên vào các dịp lễ, có nhà ăn tập thể phục vụ các bữa ăn hàng ngày cho cán bộ công nhân viên, cấp phát đồng phục cho nhân viên, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ đúng theo quy định Pháp luật; xe đưa đón cán bộ công nhân viên, hỗ trợ nhân viên nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, mừng kết hôn, sinh con, hỗ trợ CBCNV khi có tang chế....

Với tất cả những chính sách lương, thưởng, phúc lợi như trên, môi trường làm việc thoải mái, thân thiện nhưng cũng rất năng động, trong hai năm liền, năm 2014, 2015, Tập đoàn Hoa Sen đều đứng trong Top 5 trong ngành vật liệu xây dựng và trong danh sách 100 Công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam qua kết quả khảo sát "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" do Công ty Anphabe và Nielsen tổ chức.

Các hoạt động cho CBCNV

Trong NĐTC 2014 - 2015, Công đoàn cơ sở phối hợp với Tập đoàn đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, thể thao sôi nổi chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên như sau:

VỚI TẤT CẢ NHỮNG CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THOẢI MÁI, THÂN THIỆN NHUNG CŨNG RẤT NĂNG ĐỘNG, TRONG HAI NĂM LIỀN, NĂM 2014, 2015, TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐỀU ĐỨNG TRONG TOP 5 TRONG NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRONG DANH SÁCH 100 CÔNG TY CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM QUA KẾT QUẢ KHẢO SÁT "100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM" DO CÔNG TY ANPHABE VÀ NIELSEN TỔ CHỨC.



01. Tổ chức hội thi nấu ăn nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3.
02. Tổ chức giải bóng đá Mini Nam - Hội thao Hoa Sen khỏe nhằm chào mừng kỷ niệm 14 năm thành lập Tập đoàn Hoa Sen (08/8/2001 - 08/8/2015), tạo sân chơi thiết thực, bổ ích, cơ hội rèn luyện sức khỏe cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn, đồng thời đây cũng là nơi gặp gỡ, giao lưu giữa các thành viên đến từ các đơn vị trong mái nhà chung Hoa Sen.
03. Hội thi "Tiếng hát Sen Vàng 2015" nhằm tìm kiếm và tôn vinh các giọng ca xuất sắc của Tập đoàn, trình diễn trong ngày kỷ niệm thành lập Tập đoàn 08/8/2015.
04. Phát động chương trình Nuôi heo đất, tổ chức sự kiện "Mái ấm Gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2015" dành cho các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng thời kết hợp tổ chức đón trung thu cho con CBCNV.
05. Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi, tổ chức lễ tuyên dương con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc trong năm học 2014 - 2015.
06. Tổ chức cuộc thi ảnh "Nụ cười Hoa Sen" nhằm tạo một sân chơi bổ ích thiết thực, khơi dậy tinh thần đoàn kết, niềm đam mê chụp ảnh và sáng tạo của CBCNV Tập đoàn Hoa Sen.

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Đồ thị giá cổ phiếu HSG trong NĐTC 2014 - 2015



Nguồn: vndirect.com.vn

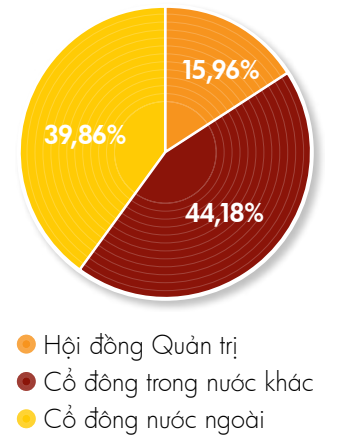
THÔNG TIN VỀ CỔ TÚC

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại hội nghị thường niên ngày 19/01/2015, trong niên độ tài chính 2014 - 2015, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện 03 đợt chi trả cổ tức, trong đó có 01 đợt chi trả cổ tức cho NĐTC 2012 - 2013 và 02 đợt chi trả cổ tức cho NĐTC 2013 - 2014, chi tiết như sau:

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ thực hiện	Hình thức chi trả	Ngày thanh toán
1	Chi trả cổ tức đợt 03 NĐTC 2012 - 2013	5% mệnh giá (Mỗi cổ phiếu được nhận 500 đồng)	Tiền mặt	27/03/2015
2	Chi trả cổ tức đợt 01 NĐTC 2013 - 2014	10% mệnh giá (Mỗi cổ phiếu được nhận 1000 đồng)	Tiền mặt	01/07/2015
3	Chi trả cổ tức đợt 02 NĐTC 2013 - 2014	30% mệnh giá (Tỷ lệ phân bổ 10:3)	Cổ phiếu	Niêm yết vào ngày 24/12/2015

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Thành phần cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Hội đồng Quản trị	16.089.960	15,96%
2	Cổ đông trong nước khác	44.525.873	44,18%
	» Cá nhân trong nước khác	16.680.335	16,55%
	» Tổ chức trong nước	27.845.538	27,63%
3	Cổ đông nước ngoài	40.174.957	39,86%
	Tổng cộng	100.790.790	100%



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Tam Hỷ	3702257523	Số 9, Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	13.239.576	13,14%
2	Lê Phước Vũ	023327821	19 Giang Văn Minh, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh.	15.917.152	15,79%
3	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tâm Thiện Tâm	3702259048	Số 9, Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	7.760.424	7,70%
4	Red River Holding	CA1288	Số 9A Tú Xương, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh	6.625.789	6,57%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	15.917.152	15,79%
2	Hồ Văn Hoàng	648.459	0,64%
3	Hoàng Đức Huy	6.400	0,006%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	Chủ tịch HĐQT	15.917.152	15,792%
2	Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch HĐQT	86.400	0,086%
3	Phạm Gia Tuấn	Thành viên HĐQT	-	-
4	Trần Quốc Trí	Thành viên HĐQT	8	-
5	Lý Văn Xuân	Thành viên HĐQT	86.400	0,086%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	86.400	0,086%
2	Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc trực	8	-
3	Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	6.400	0,006%
4	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	2.000	0,002%
5	Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	15.552	0,015%
6	Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	6.100	0,006%
7	Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	-	-
8	Phan Duy Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc	-	-
9	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Trưởng	3.184	0,003%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Vũ Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000	0,009%
2	Lê Đình Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	2.138	0,002%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TẠI NGÀY 25/11/2015

STT	Họ tên	Tên cổ đông có liên quan	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Phước Vũ	Công ty TNHH MTV Tam Hỷ	Công ty do ông Lê Phước Vũ làm chủ sở hữu	13.239.576	13,140%
		Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Công ty do ông Lê Phước Vũ làm chủ sở hữu	4.634.132	4,600%
2	Lý Văn Xuân	Võ Thị Sơn Ca	Vợ	18.000	0,018%
		Lý Khánh Vân	Con	9.000	0,009%
3	Hoàng Đức Huy	Hoàng Đức Hoàng	Em	2	-
		Hoàng Đức Cảnh	Em	4	-
4	Nguyễn Minh Khoa	Nguyễn Thị Minh Thu	Em	9	-



NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ



QUY MÔ
SẢN XUẤT TÔN
LỚN NHẤT
ĐÔNG NAM Á

TỔNG CÔNG SUẤT THIẾT KẾ
NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ

1.200.000
TẤN/NĂM



Địa chỉ	Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại	(064) 3 924 790 – Fax: (064) 3 924 795
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 3700381324-095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19/7/2010.
Người đứng đầu	Ông NGUYỄN MINH KHOA.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác. Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn, sản xuất thép cán nóng dạng cuộn.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ được thành lập vào ngày 19/07/2010 với diện tích 16,7 ha bao gồm: 87.542 m² nhà xưởng, 690 m² văn phòng làm việc, trạm biến thế 110kV, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống sản xuất tôn khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam, được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

Tháng 04/2014, đưa vào hoạt động Trạm xử lý nước thải số 2 với công suất 100 m³/giờ.

Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ là Nhà máy có quy mô sản xuất tôn lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại với tổng công suất thiết kế là 1.200.000 tấn/năm.

CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN



Địa chỉ trụ sở	Số 09 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	(0650) 3 737 200 Fax: (0650) 3 737 904
Vốn điều lệ	280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng)
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/12/2012
Người đại diện pháp luật	Ông NGUYỄN MINH KHOA – Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Giám đốc điều hành	Ông HOÀNG ĐỨC HOÀNG
Ngành nghề kinh doanh	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất tấm lợp và các loại thép tấm mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại kim loại và hợp kim khác; sản xuất các sản phẩm từ sắt: sắt oxit, sắt cacbon, sắt hợp kim và các sản phẩm khác từ sắt.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Trong NĐTC 2014 - 2015, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen đã có những sáng kiến làm tiết kiệm chi phí, mang lại lợi nhuận cho Tập đoàn. Cụ thể như sau:

- » Cải tiến dây chuyền tẩy rỉ: CPC đầu xả cuộn, dao cắt 2 cạnh đầu tôn, máy đập sau dao cắt xả cuộn, nâng công suất dây chuyền đáp ứng sản lượng 30.000 - 35.000 tấn/tháng khi có kế hoạch...

- » Cải tiến dây chuyền cán nguội: khắc phục lỗi mất Driver đột ngột, đứt tôn không tìm được nguyên nhân, lắp bảng điện tử theo dõi số m vận hành.

- » Dây chuyền mạ màu: thiết kế, lắp đặt máy sơn hoa văn đưa vào hoạt động sản xuất ổn định (tạo sản phẩm mới tôn vân gỗ)...

Về những sáng kiến trên, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen đã được Ban Tổng Giám đốc ký quyết định khen thưởng, số tiền 150.000.000 đồng.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2013 – 2014	KQKD NĐTC 2014 – 2015	So sánh KQKD NĐTC 2014 – 2015 với KQKD NĐTC 2013 – 2014	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D-1)*100
1	Sản lượng	Tấn	879.977	1.018.090	138.113	16%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.900	11.296	(604)	(5%)
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140	111	(29)	(21%)

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2015 – 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2014 – 2015	KHKD NĐTC 2015 – 2016	So sánh KHKD NĐTC 2015 - 2016 với KQKD NĐTC 2014 – 2015	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D-1)*100
1	Sản lượng	Tấn	1.018.090	1.287.011	268.921	26%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.296	10.940	(356)	(3%)
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	111	137	26	23%

CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN



Địa chỉ trụ sở	Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại	(064) 3 923 231 Fax: (064) 3 923 230
Vốn điều lệ	150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2007
Người đại diện pháp luật	Ông TRẦN NGỌC CHU – Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Giám đốc điều hành	Ông NGUYỄN MINH KHOA
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm VLXD bao gồm: ống thép, ống thép mạ kẽm; ống nhựa và phụ kiện ống nhựa Hoa Sen.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Tháng 12/2015, Công ty tiếp tục đưa vào hoạt động 03 dây chuyền ống thép, công suất 33.600 tấn/năm, sẵn sàng đáp ứng kịp thời và linh hoạt đối với nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Đến nay, Công ty đã có 02 Nhà máy ống thép trực thuộc với 28 dây chuyền sản xuất, tổng công suất 411.000 tấn/năm (trong đó có 22 dây chuyền tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh BR - VT và 06 dây chuyền tại tỉnh Hải Dương). Bên cạnh đó, Nhà máy Ống nhựa Hoa Sen ứng dụng công nghệ Châu Âu, với 16 dây chuyền ống nhựa và 07 dây chuyền phụ kiện ống nhựa uPVC, tổng

công suất 36.600 tấn/năm (trong đó tổng công suất ống nhựa 36.000 tấn/năm), vận hành tự động theo quy trình sản xuất khép kín và được quản lý nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Với những thành quả đã đạt được, Công ty quyết tâm sẽ không ngừng nỗ lực hơn nữa để mang đến cho khách hàng sự hài lòng về chất lượng sản phẩm. Đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các yêu cầu của khách hàng về sản lượng. Phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất, cung ứng của Tập đoàn dẫn đầu thị phần trong nước và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2013 – 2014	KQKD NĐTC 2014 – 2015	So sánh KQKD NĐTC 2014 – 2015 với KQKD NĐTC 2013 – 2014	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D-1)*100
1	Sản lượng	Tấn	201.300	306.516	105.216	52%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.358	4.568	1.210	36%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	53	185	132	250%

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2015 – 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2014 – 2015	KHKD NĐTC 2015 – 2016	So sánh KHKD NĐTC 2015 – 2016 với KQKD NĐTC 2014 – 2015	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D-1)*100
1	Sản lượng	Tấn	306.516	372.091	65.575	21%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.568	4.849	281	6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	185	215	30	16%

CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN



Địa chỉ	Số 09 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại	(0650) 3 737 999 – Fax: (0650) 3 737 999
Vốn điều lệ	16.276.000.000 đồng (Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007.
Người đại diện theo pháp luật	Ông VŨ VĂN THANH – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành	Ông VŨ MINH TƯỜNG .
Ngành nghề kinh doanh	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê phương tiện vận tải, sửa chữa xe ô tô, mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Trong NĐTC 2014 – 2015, Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen đã vận chuyển 1.120.420 tấn, doanh thu đạt 72,8 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần doanh thu NĐTC 2013 – 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 14,7 tỷ đồng. Ước tính sản lượng vận chuyển đạt 1.232.000 tấn.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 - 2015 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2015 - 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2014 – 2015	KHKD NĐTC 2015 – 2016	So sánh KHKD NĐTC 2015 – 2016 với KQKD NĐTC 2014 – 2015	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D)*100
1	Sản lượng	Tấn	1.120.420	1.232.000	111.580	10%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	72,8	81,8	9	12%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,7	16,4	1,7	12%

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH



Địa chỉ	Khu A1.1 và TT 6.2 & 7, KCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Vốn điều lệ	55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 14/5/2014, thay đổi lần hai vào ngày 26/06/2015.
Người đại diện theo pháp luật	Ông TRẦN NGỌC CHU – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành	Ông LÊ XUÂN PHONG.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất ống thép mạ kẽm, ống nhựa và phụ kiện ống nhựa.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%.

Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Hoa Sen thành lập ngày 14/05/2014, với vốn điều lệ 55 tỷ đồng, hoạt động dưới sự chi phối của Tập đoàn Hoa Sen về vốn, thương hiệu, hệ thống phân phối và các lợi thế kinh doanh.

Được đầu tư xây dựng trên diện tích 8,3 hecta, tại KCN Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với dây chuyền sản xuất và trang thiết bị hiện đại, công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định đóng vai trò như một mắt xích quan trọng trong việc nâng cao khả năng cung ứng các sản phẩm ống thép, ống nhựa tại thị trường miền Trung và xuất khẩu qua thị trường Lào, Thái Lan...

Nhằm thực hiện kế hoạch mở rộng hệ thống cung ứng hàng hóa, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng về sản phẩm ống thép của thị trường miền Trung, tháng 12/2014, Công ty đã đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 của Nhà máy ống thép, gồm 09 dây chuyền cán ống thép với công nghệ tiên tiến nhất.

Tháng 07/2015, Giai đoạn 1 của Dự án Nhà máy sản xuất ống nhựa uPVC và phụ kiện ống nhựa đã chính thức khởi công. Với công suất khoảng 10.000 tấn/năm, dự kiến vào đầu năm 2016, nhà máy sẽ đi vào hoạt động và cung cấp những sản phẩm nhựa chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường miền Trung và Tây Nguyên.

Bằng việc áp dụng công nghệ kỹ thuật cao, quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt cùng với tinh thần không ngừng học hỏi, cầu thị, Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định cam kết mang đến khách hàng những sản phẩm chất lượng cao, xứng tầm thương hiệu quốc gia.

VỐN ĐIỀU LỆ

55 TỶ ĐỒNG

**GIẢI ĐOẠN 1
CỦA NHÀ MÁY ỐNG THÉP**

09 DÂY CHUYỀN
CÁN ỐNG THÉP VỚI CÔNG
NGHỆ TIÊN TIẾN NHẤT

CÔNG SUẤT

10.000
TẤN/NĂM

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 - 2015 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2015 - 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2014 - 2015	KHKD NĐTC 2015 - 2016	So sánh KHKD NĐTC 2015 - 2016 với KQKD NĐTC 2014 - 2015	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D)*100
1	Sản lượng	Tấn	27.909	50.000	22.091	79%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	381	606	255	59%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9	16	7	78%

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NAM CẨM - NGHỆ AN



Địa chỉ	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.
Điện thoại	(038) 379 8668 – Fax: (038) 379 8669
Vốn điều lệ	30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 2901722597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/09/2015.
Người đại diện theo pháp luật	Ông TRẦN QUỐC TRÍ – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành	Ông TRẦN ANH VŨ.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm - Nghệ An là một trong những công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, được thành lập ngày 28/05/2014 với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An. Trụ sở và nhà máy chính tọa lạc tại Khu C, KCN Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tháng 04/2015, Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm - Nghệ An đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động O6 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất thiết kế 50.000 tấn/năm, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường các tỉnh miền Trung và miền Bắc theo định hướng phát triển của Tập đoàn Hoa Sen.

Với công nghệ, máy móc, thiết bị hiện đại, quy trình sản xuất khép kín, kiểm tra nghiêm ngặt từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, sản phẩm Ống thép Hoa Sen đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường cũng như các tiêu chuẩn chất lượng như: ASTM A500 (Tiêu chuẩn Mỹ), JIS G 3466:2006; JIS 3444:2010 (Tiêu chuẩn Nhật Bản).



KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2015 – 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2014 – 2015	KHKD NĐTC 2015 – 2016	So sánh KHKD NĐTC 2015 – 2016 với KQKD NĐTC 2014 – 2015	
					Tuyệt đối	Tương đối
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)=E-D	(G)=(E/D)*100
1	Sản lượng	Tấn	15.500	44.000	28.500	184%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	188	500	312	166%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8	22	14	175%

Ghi chú: NĐTC 2014 - 2015, Nhà máy hoạt động từ tháng 04/2015.

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN



Địa chỉ	Lô CN 1-8, KCN Đông Hội, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.
Vốn điều lệ	80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/06/2015.
Người đại diện theo pháp luật	Ông TRẦN QUỐC TRÍ – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành	Ông NGUYỄN TẤN HÒA .
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác, sản xuất thép cán nguội dạng cuộn.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Theo kế hoạch dự kiến, đến cuối tháng 05/2016, Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An sẽ chính thức ra sản phẩm đầu tiên tại KCN Đông Hội, xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng sản phẩm cho thị trường Bắc Trung Bộ cũng như xuất khẩu qua các nước khác.

CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN HÀ NAM

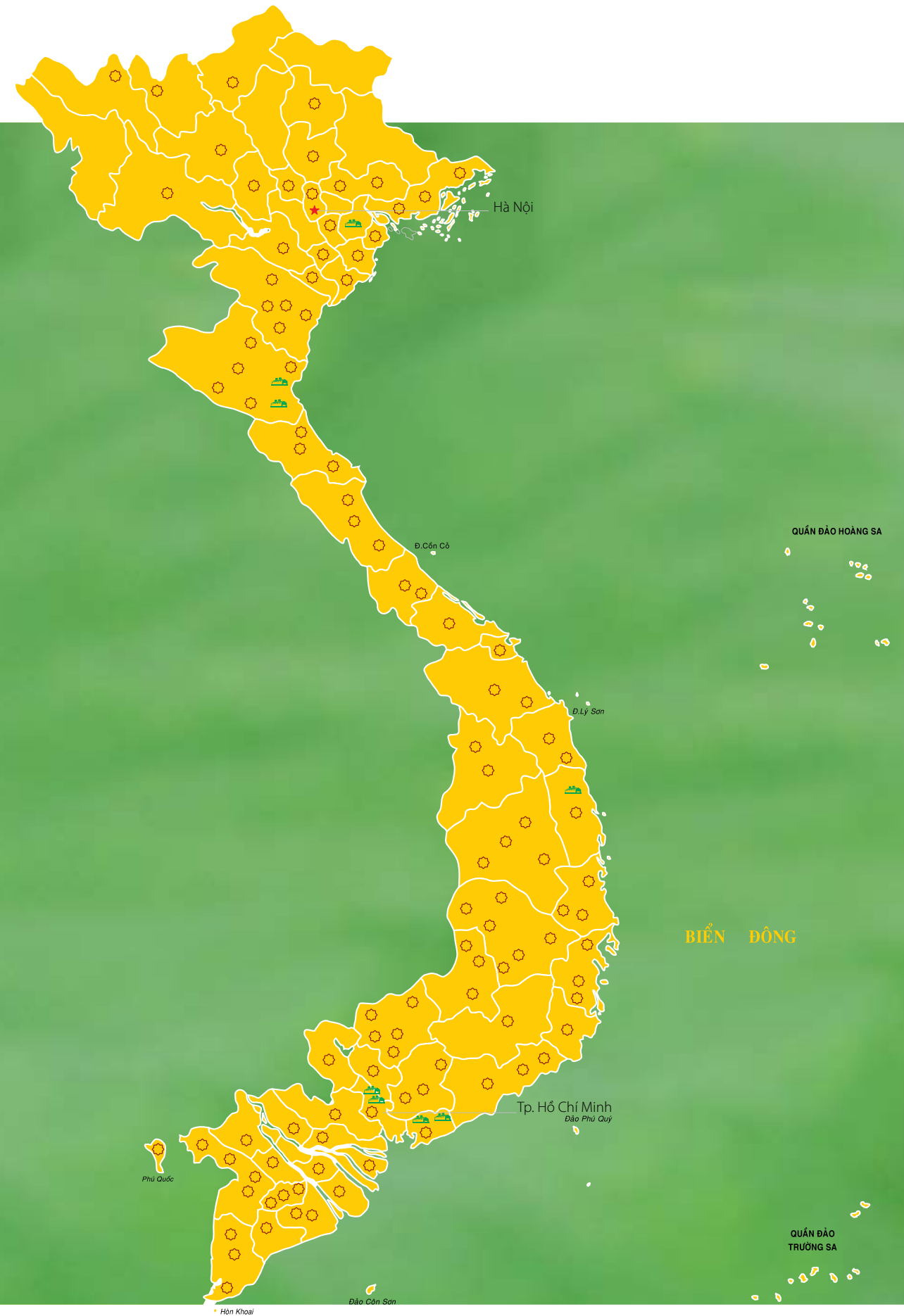


Địa chỉ	KCN Đồng Văn III, Xã Yên Bắc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 15/9/2015.
Người đại diện theo pháp luật	Ông VŨ VĂN THANH – Chủ tịch Công ty.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vật liệu phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp và dân dụng bao gồm: ống thép, ống nhựa, xà băng.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu	100%

Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, hiện đang thực hiện triển khai các giai đoạn khác của dự án.

190
CHI NHÁNH

TRONG ĐÓ CÓ 06 TỔNG KHO
TRÊN TOÀN QUỐC



Mang *Hạnh phúc*
sẻ chia cùng cộng đồng



4

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoàn thiện hệ thống sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm	118
Phát triển nguồn nhân lực	120
Tạo dựng niềm tin nơi cổ đông, nhà đầu tư	122
Xây dựng thương hiệu mạnh và thân thiện	124
Phụ lục ảnh: hướng đến cộng đồng	126



Hoàn thiện
hệ thống sản xuất,
nâng cao
chất lượng sản phẩm



Phát triển
nguồn nhân lực



Tạo dựng niềm tin
với cổ đông,
nhà đầu tư



Xây dựng
thương hiệu mạnh
và thân thiện

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ CƠ SỞ ĐỂ CÁC DOANH NGHIỆP VẠCH RA ĐƯỢC LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN RÕ RÀNG, CỤ THỂ, QUA ĐÓ ĐỀ RA CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH HOẠT ĐỘNG PHÙ HỢP TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN, ĐỒNG THỜI LÀ NỀN TẢNG CHO VIỆC XÂY DỰNG CÁC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP.

Ý thức được tầm quan trọng đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững lên hàng đầu trong hoạt động của Doanh nghiệp và cụ thể hóa thành cam kết của Tập đoàn Hoa Sen với cộng đồng, nhân viên và khách hàng thông qua triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi của Tập đoàn.

Với đặc thù là một Doanh nghiệp hoạt động sản xuất – kinh doanh, các lĩnh vực trọng yếu mà Tập đoàn Hoa Sen ưu tiên xây dựng và hoàn thiện nhằm cụ thể hóa mục tiêu phát triển bền vững bao gồm:



HOÀN THIỆN HỆ THỐNG SẢN XUẤT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

NHẪM MANG ĐẾN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG NHỮNG SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG NHẤT, DỰA VÀO CHẤT LƯỢNG ĐỂ CẠNH TRANH VÀ KHẲNG ĐỊNH CHỖ ĐÚNG TRÊN THỊ TRƯỜNG, TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN QUAN TÂM ĐẦU TƯ HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI VÀ ĐI TIÊN PHONG TRONG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀO SẢN XUẤT.

Diễn hình như:

- » Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm/tôn lạnh với công nghệ lò nung không oxy (NOF) tại Việt Nam.
- » Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên tại Đông Nam Á đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm dày/tôn lạnh dày với công nghệ lò nung không oxy (NOF).
- » Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld - Cincinnati theo công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.
- » Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen hoàn thành Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là Nhà máy sản xuất tôn với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.

Được đầu tư hiện đại và không ngừng được nghiên cứu cải tiến, hệ thống dây chuyền sản xuất của Tập đoàn Hoa Sen đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế như: bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng, bộ tiêu chuẩn ISO 14001:2004 về Hệ thống quản lý môi trường và tiêu chuẩn OHSAS 18000:2007 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đạt chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe tại những thị trường khó tính nhất như Mỹ, Nhật, Châu Âu, v.v... Song song đó, Tập đoàn cũng định kỳ tiến hành việc rà soát lại quy trình sản xuất và định mức sản xuất, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu tiêu hao nguyên - nhiên liệu, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Hoa Sen cũng không ngừng nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng:

- » Năm 2012, Tập đoàn Hoa Sen đã giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm tôn Metallic với đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim mang tính thẩm mỹ cao.



- » Tháng 07/2014, dòng sản phẩm tôn vân gỗ của Tập đoàn Hoa Sen được đưa ra thị trường. Với bề mặt màu vân gỗ, sản phẩm này mang tính thẩm mỹ cao, có thể ứng dụng trong rất nhiều các sản phẩm cả ngoài trời lẫn đồ nội thất mang lại sự tinh tế, sang trọng cho ngôi nhà. Đây là một sản phẩm hội tụ nhiều ưu điểm như: tính thẩm mỹ cao, chống nóng tốt, độ bền cao, không ảm mốc, dễ lau chùi, chịu được nhiệt độ cao, dễ dàng thi công lắp đặt... Với độ bền vượt trội, sản phẩm tôn vân gỗ có thể sử dụng được trên 20 năm.
- » Tháng 08/2014, Tập đoàn tiếp tục giới thiệu sản phẩm tôn màu nhám (Wrinkle), là sản phẩm tôn kẽm và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn với hệ sơn wrinkle độc đáo, đặc điểm nổi bật của sản phẩm là mang tính thẩm mỹ rất cao, độ bền cao, chống nóng, chống ảm mốc, dễ dàng thi công lắp đặt. Sản phẩm được ứng dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: trần, mái lợp, vách ngăn, v.v...
- » Tháng 03/2015, Tập đoàn Hoa Sen đã chính thức cho ra mắt sản phẩm Ống thép Hoa Sen bên cạnh các sản phẩm tôn nổi tiếng. Được sản xuất bằng hệ

thống dây chuyền hiện đại theo một quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt, Ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn: JIS G 3444 (Nhật Bản), JIS G 3466 (Nhật Bản), ASTM A500M (Hoa Kỳ).

- » Sản phẩm Ống nhựa Hoa Sen cũng được Tập đoàn chính thức giới thiệu vào thị trường. Ống nhựa Hoa Sen được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo công nghệ Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm, cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn: BS 3505:1968/BS EN 1452-2:2009 (Anh); AS/NZS 1477:2006 (Úc); ISO 4422:1996; TCVN 6151-2:2002 (Việt Nam), TCVN 8699:2011 (Việt Nam). Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp, các tòa nhà cao tầng, các công trình viễn thông...

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Ý THỨC ĐƯỢC YẾU TỐ CON NGƯỜI CHÍNH LÀ TRUNG TÂM, LÀ CỐT LÕI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN, BÊN CẠNH VIỆC ĐẦU TƯ HỆ THỐNG MÁY MÓC CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI, TẬP ĐOÀN HOA SEN CŨNG RẤT QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC QUA VIỆC ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ XỨNG ĐÁNG, TẠO ĐỘNG LỰC PHẤN ĐẤU CHO NHÂN VIÊN CŨNG NHU XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, ĐOÀN KẾT, CÙNG PHÁT TRIỂN.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ LƯƠNG THƯỜNG, PHÚC LỢI

Hướng tới việc xây dựng đội ngũ nhân viên “giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn”, Tập đoàn Hoa Sen chủ trương thực hiện một số chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực như sau:

Chính sách đánh giá, sàng lọc và tuyển dụng, đào tạo

Từ năm 2013, Tập đoàn đã triển khai áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI nhằm đánh giá một cách chi tiết, toàn diện hiệu quả hoạt động của từng đơn vị và cá nhân để có hướng điều chỉnh, sàng lọc nhân sự hợp lý.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng từng bước nâng cao các tiêu chuẩn, chuẩn mực trong tuyển dụng và tăng cường công tác đào tạo ban đầu nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa chất lượng.

Ngoài ra, Tập đoàn luôn duy trì mối quan hệ hợp tác với các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín thông qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, v.v... nhằm thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, là kênh tuyển dụng thường xuyên và chất lượng cho Tập đoàn.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Tập đoàn luôn nghiên cứu điều chỉnh để duy trì mức thu nhập của cán bộ công nhân viên luôn cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường lao động và phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương kinh doanh và phụ cấp nhằm từng bước gắn thu nhập với hiệu quả công việc, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ nhân viên. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế v.v... được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi người lao động.

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định pháp luật, Hoa Sen còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ lớn: Ngày giải phóng miền Nam, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, nghỉ mát hàng năm...; vẫn duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: tổ chức ăn giữa ca cho các đơn vị sản xuất, nhà máy trực thuộc hệ thống Tập đoàn Hoa Sen, cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ... Ngoài ra, CBNV nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản.



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, CÙNG PHÁT TRIỂN

Môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết cùng phát triển là điều mà mỗi cán bộ công nhân viên luôn ý thức đề cao xây dựng tại Tập đoàn Hoa Sen. Thấm nhuần “Văn hóa 10 chữ T” của Tập đoàn, trong mối quan hệ đồng nghiệp cũng như mối quan hệ cấp trên - cấp dưới, cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen luôn giữ thái độ cởi mở, cầu thị và tôn trọng lẫn nhau. Môi trường làm việc luôn duy trì được sự thân thiện, đoàn kết.

Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào của Tập đoàn Hoa Sen cũng được tổ chức thường xuyên và diễn ra hết sức sôi nổi. Qua đó, các thành viên Tập đoàn Hoa Sen có cơ hội giao lưu học hỏi lẫn nhau, tình đồng nghiệp được thắt chặt.





**TẠO DỰNG NIỀM TIN
NƠI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ**

CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ LÀ NHỮNG NGƯỜI CHỦ, NGƯỜI ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, DO ĐÓ TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN NỖ LỰC ĐỂ TẠO NIỀM TIN VÀ BẢO VỆ TỐI ĐA LỢI ÍCH CHO CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ CỦA MÌNH.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú ý thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính (hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán).

Ngoài việc công bố các thông tin theo quy định, Tập đoàn Hoa Sen cũng chủ động thực hiện công bố thông tin đối với những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi cũng như các quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời cập nhật, theo sát diễn biến hoạt động của doanh nghiệp.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Hoa Sen cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển trong các giai đoạn tiếp theo của doanh nghiệp, như:

- » Thực hiện Bản tin Hoa Sen Group định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo nhà đầu tư có đầy đủ thông tin qua đó đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.
- » Tổ chức các buổi hội nghị khách hàng nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư.
- » Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trình bày, giải đáp các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm, tạo sự tin tưởng nơi nhà đầu tư.
- » Tổ chức thành công các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông: bố trí thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị thuận lợi để các cổ đông có thể tham dự; công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website để các cổ đông tham khảo, làm cơ sở thảo luận và biểu quyết tại hội nghị; trả lời đầy đủ, chu đáo tất cả các câu hỏi do cổ đông đặt ra tại hội nghị.





**XÂY DỰNG
THƯƠNG HIỆU MẠNH VÀ THÂN THIỆN**



TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG, TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN ĐẶT MỤC TIÊU XÂY DỰNG MỘT THƯƠNG HIỆU VỮNG MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN. ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC MỤC TIÊU NÀY, TRONG NHỮNG NĂM QUA, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN LUÔN PHẤN ĐẤU HẾT MÌNH NHẪM HOÀN THIỆN MỌI MẶT TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NỘI BỘ.

Với những nỗ lực đó, trong niên độ 2014 – 2015, Tập đoàn Hoa Sen đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đem lại ấn tượng đặc biệt trong mắt đối tác và người tiêu dùng như: được bình chọn vào Top “50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Forbes Việt Nam tổ chức; tiếp tục đạt danh hiệu “Thương Hiệu Quốc Gia” cho cả 3 dòng sản phẩm: Tôn Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen, Ống nhựa Hoa Sen; là Doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam chính thức trở thành “Thành viên Cộng đồng Doanh nghiệp tăng trưởng toàn cầu 2015” do Diễn đàn Kinh tế Thế giới bình chọn...

Bên cạnh đó, với mục đích xây dựng hình ảnh một thương hiệu Hoa Sen thân thiện, và trên hết là mong muốn được chung tay góp sức cho sự phát triển của cộng đồng, trong những năm qua Tập đoàn Hoa Sen đã rất quan tâm thực hiện các sự kiện cộng đồng và các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm phát triển cộng đồng, thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Một trong những sự kiện rất được cộng đồng quan tâm trong năm 2015 của Tập đoàn Hoa Sen là chương trình

“Tỏa sáng nghị lực Việt – Nick, bạn & tôi” diễn ra vào ngày 22/03/2015. Chương trình do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Báo Công An Thành phố Hồ Chí Minh và Tập đoàn Hoa Sen, Báo Thanh Niên phối hợp tổ chức nhằm mang đến cộng đồng thanh thiếu niên Việt Nam thông điệp về một lý tưởng sống tốt đẹp hơn qua những câu chuyện có thật, đầy cảm động của những tấm gương giàu nghị lực đã vượt qua nghịch cảnh, vươn lên trở thành những tấm gương điển hình trong xã hội. Chương trình có sự tham gia của vị khách mời vô cùng đặc biệt: diễn giả nổi tiếng thế giới và là tấm gương về nghị lực sống phi thường - Nick Vujicic.

Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen cũng tham gia tài trợ và tổ chức một số chương trình, sự kiện thường niên giàu tính cộng đồng, tính nhân văn như: chương trình Mái ấm Gia đình Việt - Xuân Ất Mùi 2015 năm thứ sáu liên tiếp, Tài trợ Giải bóng đá U19 Quốc gia – Cúp Tôn Hoa Sen, Tài trợ Giải đua xe đạp truyền thống Thành phố Hồ Chí Minh lần 3 – 2015 và Giải đua xe đạp Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần 27 – 2015 “Non sông nối liền một dải”.





Nick, bạn & tôi

CHƯƠNG TRÌNH TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT 2015

LẦN THỨ 3 DIỄN GIẢ NICK VUJICIC ĐẾN THĂM VIỆT NAM ĐỂ TRÒ CHUYỆN VÀ KHƠI DẬY NGUỒN CẢM HỨNG MẠNH MẼ VỀ NGHỊ LỰC SỐNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM.

Điểm đặc biệt của chương trình là chuỗi sự kiện được thực hiện ở nhiều địa điểm với nhiều đối tượng khác nhau: TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An và Lâm Đồng.

Với những chủ đề cụ thể và riêng biệt cho từng đối tượng, chuỗi chương trình "Tỏa sáng nghị lực Việt 2015 - Nick, bạn & tôi" mang đến những buổi trò chuyện thú vị, hấp dẫn và sâu sắc.

1. Chương trình với chủ đề "Các em tuyệt đẹp như chính con người của các em" tại Nhà hát Đài truyền hình TP. HCM với sự tham dự của hơn 500 em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt, truyền hình trực tiếp trên Đài truyền hình TP. HCM.
2. Chương trình với chủ đề "Hãy là một tấm gương" tại trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai với sự tham dự của khoảng 2.000 học sinh.

3. Chương trình với chủ đề "Mục đích sống và con đường dẫn đến hạnh phúc đích thực" tại TP. Đà Lạt với sự tham dự của gần 2.000 người.

4. Chương trình với chủ đề "Tinh thần phục vụ người khác sẽ xây dựng một xã hội đoàn kết và một quốc gia hùng cường" tại Nghệ An với sự tham dự của khoảng 2.000 người, truyền hình trực tiếp trên 7 đài truyền hình địa phương.

5. Chương trình với chủ đề "Vấp ngã, đứng dậy và vững bước với niềm tin vào chính giá trị bản thân" tại trường THCS và THPT Hoa Sen cho gần 1.400 học sinh.

6. Chương trình với chủ đề "Dám ước mơ lớn và dám sống mạo hiểm" tại Đại học Quốc gia TP. HCM với sự tham dự của gần 2.000 sinh viên.



CHƯƠNG TRÌNH *Mái ấm* GIA ĐÌNH VIỆT

Chương trình thường niên “Mái ấm Gia đình Việt” được tổ chức nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho các em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt. Chương trình không những giúp cho gần 2.000 em có hoàn cảnh đặc biệt đến từ các mái ấm, nhà mồ, các trường giáo dưỡng tại TP. HCM và các tỉnh lân cận đón Tết cổ truyền Việt Nam (Tết Nguyên đán, Tết Trung thu) đầy ý nghĩa, lưu lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ, mà còn giúp các em có cơ hội được vui chơi, ăn uống và nhận quà Tết.



TẾT NGUYÊN ĐÁN



TẾT TRUNG THU





CHƯƠNG TRÌNH

Vượt lên chính mình

"Vượt lên chính mình" phát sóng trên Đài truyền hình TP. HCM - kênh HTV7 và 14 đài PT - TH địa phương khác trong cả nước cùng phát sóng chương trình. Chương trình đến với những hộ gia đình có nghề, nhưng vẫn còn khó khăn phải vay nợ ngân hàng. Chương trình sẽ tạo cơ hội cho các gia đình này xóa nợ và cấp vốn bằng chính cuộc thi về nghề mà gia đình đang mưu sinh. Với những tiêu chí đó Chương trình đã đi qua chặng đường 10 năm đồng hành cùng 532 hộ gia đình (từ 9/2005 – hiện nay) vượt lên gian khó trong cuộc sống để bắt đầu một tương lai mới. Đến hiện tại, tổng số vốn Chương trình cấp cho các hộ gia đình là 15.960 tỷ đồng.



CHƯƠNG TRÌNH

Lục lạc vàng

"Lục Lạc Vàng" phát sóng trên đài truyền hình Việt Nam - kênh VTV1, 20h50 tối chủ nhật hàng tuần và 12 đài PT - TH địa phương khác trong cả nước cùng phát sóng chương trình: Với phương châm "Cho cần câu chứ không cho con cá". Chương trình có 12 tiêu chí để chọn hộ dân và phối hợp UBND xã, chọn 6 hộ/xã (mỗi chương trình/xã). Sau 03 năm phát sóng, Lục Lạc Vàng đã trao niềm tin, hy vọng cho hơn 1.056 hộ dân với mỗi hộ 2 con bò cái, đồng thời cộng đồng kết nối, chung tay tặng thêm cho 634 hộ dân - mỗi hộ 1 con.



CHƯƠNG TRÌNH
Trái tim NHÂN ÁI



Chương trình “Trái tim nhân ái” phát sóng trên Đài truyền hình Vĩnh Long - THVL 1, đồng hành cùng bệnh nhân tim trong cuộc hành trình tìm lại sự sống, trả lại người mẹ cho những đứa con thơ, mang lại trái tim mạnh mẽ cho những em nhỏ.



Tập đoàn Hoa Sen đến thăm, tặng quà cho 12 công nhân gặp nạn và lực lượng chức năng có thành tích trong công tác cứu hộ tại Lâm Đồng.



CUỘC ĐUA XE ĐẠP TOÀN QUỐC
TRANH CÚP TRUYỀN HÌNH TP. HỒ CHÍ MINH
LẦN THỨ 27 - 2015

Non sông liền một dải

Tập đoàn Hoa Sen tài trợ chính cho Cuộc đua xe đạp toàn quốc tranh Cúp Truyền hình TP. Hồ Chí Minh lần thứ 27 - 2015 “Non sông liền một dải”. Hướng ứng chương trình Lễ Quốc gia kỷ niệm 40 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chương trình do Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh tổ chức được diễn ra từ ngày 11/04 đến 30/04/2015 với chủ đề “Non sông liền một dải”.



Lấy *Trung thực*
làm mục tiêu xuyên suốt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015

Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B01-DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B02-DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B03-DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B09-DN)	10

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vỹ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban	
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vỹ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vỹ ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 49/UQ/CT-HĐQT/2013 ngày 11 tháng 11 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 12 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 8 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.189.362.855.705	6.494.253.273.944
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	233.828.787.007	138.001.647.603
111	1. Tiền		233.688.787.007	121.301.647.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000	16.700.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.178.164.656.081	2.049.767.900.951
131	1. Phải thu khách hàng	5	1.657.213.337.129	1.721.171.369.702
132	2. Trả trước cho người bán	6	25.367.450.024	63.663.399.940
135	3. Các khoản phải thu khác	7	498.630.282.005	266.216.185.092
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.046.413.077)	(1.283.053.783)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.281.126.058.437	3.710.663.638.443
141	1. Hàng tồn kho		2.293.735.295.317	3.711.696.909.201
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.609.236.880)	(1.033.270.758)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		496.243.354.180	595.820.086.947
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	55.062.184.992	49.779.479.489
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		430.850.361.115	541.948.513.679
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	85.557.805
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	10.330.808.073	4.006.535.974
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.758.038.912.478	3.597.395.807.319
210	I. Phải thu dài hạn		25.000.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	25.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		2.977.177.327.038	3.006.737.368.454
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.597.141.283.226	2.660.458.487.298
222	Nguyên giá		3.959.400.818.348	3.666.617.736.204
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.362.259.535.122)	(1.006.159.248.906)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	99.643.625.564	89.590.148.900
225	Nguyên giá		135.252.035.604	111.830.901.311
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.608.410.040)	(22.240.752.411)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	268.045.806.871	205.560.432.449
228	Nguyên giá		286.043.112.706	221.029.378.600
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.997.305.835)	(15.468.946.151)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	12.346.611.377	51.128.299.807
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	649.628.640.301	513.200.232.017
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	611.276.000.000	467.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	51.952.178.134	44.456.331.634
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16.3	4.367.000.000	8.640.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	16.2	(17.966.537.833)	(7.172.099.617)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		106.232.945.139	77.458.206.848
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	64.337.078.607	55.134.596.953
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	39.883.316.631	20.311.059.994
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	2.012.549.901
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.947.401.768.183	10.091.649.081.263

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.958.058.900.796	7.669.014.734.697
310	I. Nợ ngắn hạn		5.302.767.036.632	6.761.688.243.129
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	4.400.210.324.546	4.749.052.198.420
312	2. Phải trả người bán	19	555.161.842.884	1.825.290.959.556
313	3. Người mua trả tiền trước	20	132.056.212.298	58.831.484.853
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	54.523.520.743	33.584.282.621
315	5. Phải trả người lao động		28.300.012.321	31.366.190.372
316	6. Chi phí phải trả	22	81.556.360.439	37.809.893.447
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	42.596.139.795	16.505.717.402
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.362.623.606	9.247.516.458
330	II. Nợ dài hạn		655.291.864.164	907.326.491.568
334	1. Vay và nợ dài hạn	24	651.348.629.164	902.755.730.318
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		3.943.235.000	4.570.761.250
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.989.342.867.387	2.422.634.346.566
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	2.989.342.867.387	2.422.634.346.566
411	1. Vốn cổ phần		1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		487.290.470.363	451.543.290.363
414	3. Cổ phiếu quỹ		(52.113.695.510)	(81.038.848.436)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.525.313.060	8.525.313.060
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.605.155.369	13.278.012.117
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.531.127.724.105	1.022.418.679.462
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.947.401.768.183	10.091.649.081.263

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	3.128.657,09	1.887.802,73
- Euro (EUR)	228,42	226,09
- Đô la Úc (AUD)	306,85	306,85

Trần Công Tiên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

B02-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	31.133.878.040.825	27.965.738.124.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(36.219.065.104)	(15.606.362.602)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	31.097.658.975.721	27.950.131.762.250
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(29.074.021.762.754)	(26.543.957.391.845)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.023.637.212.967	1.406.174.370.405
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	304.851.891.320	189.955.101.097
22	7. Chi phí tài chính	28	(379.883.551.601)	(251.034.907.307)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(180.561.247.510)	(178.732.189.603)
24	8. Chi phí bán hàng		(727.052.217.691)	(602.674.781.415)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(417.829.755.541)	(329.681.909.965)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		803.723.579.454	412.737.872.815
31	11. Thu nhập khác	29	109.991.563.846	140.129.321.530
32	12. Chi phí khác	29	(87.953.216.935)	(76.960.835.550)
40	13. Lợi nhuận khác	29	22.038.346.911	63.168.485.980
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		825.761.926.365	475.906.358.795
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(157.276.390.231)	(91.658.631.969)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	19.572.256.637	11.862.602.563
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		688.057.792.771	396.110.329.389

Trần Công Tiên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		825.761.926.365	475.906.358.795
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn	12,13,14	373.077.021.625	283.038.111.139
03	Các khoản dự phòng		24.133.763.632	6.949.713.768
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	28	38.895.143.213	8.427.796.677
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(275.290.397.527)	(158.164.478.164)
06	Chi phí lãi vay		206.026.054.089	198.308.677.546
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.192.603.511.397	814.466.179.761
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		163.799.373.505	(495.765.754.652)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.417.961.613.884	(1.585.126.810.861)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.122.480.272.291)	531.113.193.354
12	Tăng chi phí trả trước		(2.592.658.493)	(2.318.187.593)
13	Tiền lãi vay đã trả		(205.180.180.696)	(197.681.089.060)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(148.083.149.484)	(78.836.554.680)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.436.850.728)	(44.167.732.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.253.591.387.094	(1.058.316.756.022)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(344.821.955.435)	(1.064.209.108.441)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		71.470.321.057	65.210.566.718
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(151.495.846.500)	(21.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.273.000.000	6.360.000.000
27	Tiền lãi đã nhận	26.2	3.792.978.396	1.864.144.549
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(416.781.502.482)	(1.011.774.397.174)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		64.721.580.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(49.247.074)	(3.301.938)
33	Tiền vay nhận được		12.912.074.325.312	12.554.276.636.973
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.530.135.977.447)	(10.296.325.989.274)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(33.306.639.607)	(18.039.524.067)
36	Tiền chi trả cổ tức		(144.058.665.375)	(192.498.472.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(730.754.624.191)	2.047.409.349.394

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

B03-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho tài chính năm kết thúc cùng ngày

B09-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		106.055.260.421	(22.681.803.802)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		138.001.647.603	163.502.687.316
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.228.121.017)	(2.819.235.911)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	233.828.787.007	138.001.647.603

Trần Công Tiến
Người lập

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 3.966 (30 tháng 9 năm 2014: 3.168).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)***Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu hao theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không khấu hao.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản vay được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)***Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ và quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.17 Thuế (tiếp theo)****Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu và trình bày****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản nợ và vay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.462.200.677	18.919.893.997
Tiền gửi ngân hàng	221.226.586.330	102.381.753.606
Các khoản tương đương tiền	140.000.000	16.700.000.000
TỔNG CỘNG	233.828.787.007	138.001.647.603

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.214.432.479.886	1.124.726.248.293
Phải thu các bên khác	442.780.857.243	596.445.121.409
TỔNG CỘNG	1.657.213.337.129	1.721.171.369.702
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.306.413.077)	(1.283.053.783)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.654.906.924.052	1.719.888.315.919

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.283.053.783)	(1.647.820.574)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.023.359.294)	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	364.766.791
Số cuối năm	(2.306.413.077)	(1.283.053.783)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	18.908.589.088	59.717.511.940
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.458.860.936	3.945.888.000
TỔNG CỘNG	25.367.450.024	63.663.399.940

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	464.880.867.523	253.691.581.754
Phải thu các bên khác	33.749.414.482	12.524.603.338
TỔNG CỘNG	498.630.282.005	266.216.185.092

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.209.216.110.982	1.617.607.372.114
Nguyên vật liệu	346.651.367.414	207.712.164.971
Hàng mua đang đi đường	334.139.481.536	1.492.842.901.982
Hàng hóa	211.504.360.904	221.892.689.755
Công cụ, dụng cụ	192.223.974.481	171.641.780.379
TỔNG CỘNG	2.293.735.295.317	3.711.696.909.201
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.609.236.880)	(1.033.270.758)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.281.126.058.437	3.710.663.638.443

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 1.402.715.774.241 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.033.270.758)	(890.889.816)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(11.575.966.122)	(142.380.942)
Số cuối năm	(12.609.236.880)	(1.033.270.758)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	24.210.259.090	25.434.658.241
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.307.348.223	11.082.237.639
Chi phí thuê nhà xưởng	8.372.683.765	6.061.440.131
Chi phí tư vấn	1.408.729.769	1.602.791.960
Chi phí bảo hiểm	1.310.876.033	679.821.306
Chi phí sửa chữa	1.665.640.996	546.477.585
Khác	7.786.647.116	4.372.052.627
TỔNG CỘNG	55.062.184.992	49.779.479.489

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	6.177.558.073	3.931.443.962
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	4.153.250.000	75.092.012
TỔNG CỘNG	10.330.808.073	4.006.535.974
Dự phòng tài sản ngắn hạn khác	(740.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	9.590.808.073	4.006.535.974

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hồi, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	604.561.707.949	2.944.158.448.120	87.775.075.027	11.469.809.617	18.652.695.491	3.666.617.736.204
Mua mới trong năm	681.936.012	75.731.510.325	8.382.275.169	904.788.000	168.002.350	85.868.511.856
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.417.175.177	116.857.426.429	146.056.141.089	-	-	279.330.742.695
Thanh lý, nhượng bán	-	(72.416.172.407)	-	-	-	(72.416.172.407)
Số cuối năm	621.660.819.138	3.064.331.212.467	242.213.491.285	12.374.597.617	18.820.697.841	3.959.400.818.348
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	657.546.419	106.640.644.448	17.749.446.819	1.170.977.398	179.918.238	126.398.533.322
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(145.279.994.340)	(815.486.703.367)	(35.731.449.549)	(1.665.562.545)	(7.995.539.105)	(1.006.159.248.906)
Khấu hao trong năm	(35.544.575.884)	(300.139.075.516)	(16.657.828.371)	(2.064.111.809)	(2.775.412.732)	(357.181.004.312)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.080.718.096	-	-	-	1.080.718.096
Số cuối năm	(180.824.570.224)	(1.114.545.060.787)	(52.389.277.920)	(3.729.674.354)	(10.770.951.837)	(1.362.259.535.122)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	459.281.713.609	2.128.671.744.753	52.043.625.478	9.804.247.072	10.657.156.386	2.660.458.487.298
Số cuối năm	440.836.248.914	1.949.786.151.680	189.824.213.365	8.644.923.263	8.049.746.004	2.597.141.283.226

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 lần lượt là 138.380.847.841 VNĐ, 1.655.268.829.910 VNĐ và 116.756.876.513 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	101.664.537.676	10.166.363.635	111.830.901.311
Tăng trong năm	13.254.770.658	10.166.363.635	23.421.134.293
Số cuối năm	114.919.308.334	20.332.727.270	135.252.035.604
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(22.141.910.569)	(98.841.842)	(22.240.752.411)
Khấu hao trong năm	(11.397.631.570)	(1.970.026.059)	(13.367.657.629)
Số cuối năm	(33.539.542.139)	(2.068.867.901)	(35.608.410.040)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	79.522.627.107	10.067.521.793	89.590.148.900
Số cuối năm	81.379.766.195	18.263.859.369	99.643.625.564

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	219.684.620.889	1.344.757.711	221.029.378.600
Tăng trong năm	65.013.734.106	-	65.013.734.106
Số cuối năm	284.698.354.995	1.344.757.711	286.043.112.706
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(14.124.188.440)	(1.344.757.711)	(15.468.946.151)
Hao mòn trong năm	(2.528.359.684)	-	(2.528.359.684)
Số cuối năm	(16.652.548.124)	(1.344.757.711)	(17.997.305.835)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	205.560.432.449	-	205.560.432.449
Số cuối năm	268.045.806.871	-	268.045.806.871

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 199.822.919.969 VNĐ để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	6.853.861.204	46.270.410.089
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.036.803.273	2.373.686.871
Chi phí khác	1.455.946.900	2.484.202.847
TỔNG CỘNG	12.346.611.377	51.128.299.807

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	611.276.000.000	467.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	51.952.178.134	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	4.367.000.000	8.640.000.000
TỔNG CỘNG	667.595.178.134	520.372.331.634
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.966.537.833)	(7.172.099.617)
GIÁ TRỊ THUẦN	649.628.640.301	513.200.232.017

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

Dưới đây là bảng tóm tắt những khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	100	80.000.000.000	-	-	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	21.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	100	30.000.000.000	-	-	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	100	-	-	-	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
TỔNG CỘNG		611.276.000.000		467.276.000.000		

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep	45	51.952.178.134	45	44.456.331.634	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.966.537.833)		(7.172.099.617)		
GIÁ TRỊ THUẦN		33.985.640.301		37.284.232.017		

16.3 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	3	8.640.000.000	3

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	45.000.996.782	35.442.417.092
Chi phí sửa chữa	12.505.051.016	14.136.510.311
Chi phí thuê nhà xưởng	5.895.995.809	3.597.639.959
Khác	935.035.000	1.958.029.591
TỔNG CỘNG	64.337.078.607	55.134.596.953

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	4.056.943.675.919	4.545.014.751.312
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	302.800.960.695	162.472.223.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	21.036.343.932	14.146.926.948
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	9.969.344.000	16.018.296.560
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 32) (ii)	9.460.000.000	11.400.000.000
TỔNG CỘNG	4.400.210.324.546	4.749.052.198.420

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	1.112.257.168.458	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	4,30	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	19.880.237.511	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2015 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015	1,60	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	1.039.042.431.699	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	Từ 4,30 đến 4,40	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	221.235.957.923	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2015 đến ngày 4 tháng 1 năm 2016	Từ 1,55 đến 1,60	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	35.287.334.785	Ngày 12 tháng 2 năm 2016	4,50	Quyền sử dụng đất
Vay USD	47.137.019.580	Ngày 31 tháng 1 năm 2016	1,65	Quyền sử dụng đất

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	163.310.313.435	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2016 đến ngày 1 tháng 2 năm 2016	4,30	Hàng tồn kho
Vay USD	78.079.847.463	Ngày 7 tháng 11 năm 2015	1,40	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	74.405.100.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2015	4,70	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Vay USD	84.308.680.464	Ngày 10 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VNĐ	8.210.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2015	4,10	Quyền sử dụng đất
Vay USD	164.542.994.571	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2015 đến ngày 10 tháng 12 năm 2015	Từ 1,40 đến 1,50	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	769.695.120.702	Từ ngày 2 tháng 11 năm 2015 đến ngày 21 tháng 2 năm 2016	4,30	Tín chấp
Vay USD	53.904.505.890	Ngày 20 tháng 11 năm 2015	1,60	Tín chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VNĐ	108.864.000.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 22 tháng 1 năm 2016	4,10	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay USD	76.782.963.438	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2015 đến ngày 9 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho, quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	4.056.943.675.919			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	9.460.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2016	6,00	Tín chấp

Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	482.031.569.234	1.817.764.944.149
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	73.130.273.650	7.526.015.407
TỔNG CỘNG	555.161.842.884	1.825.290.959.556

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ các bên khác	130.555.900.033	58.827.634.876
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.500.312.265	3.849.977
TỔNG CỘNG	132.056.212.298	58.831.484.853

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	39.779.435.531	30.586.194.784
Thuế giá trị gia tăng	13.754.684.828	2.200.406.997
Thuế thu nhập cá nhân	987.443.384	796.784.040
Các loại thuế khác	1.957.000	896.800
TỔNG CỘNG	54.523.520.743	33.584.282.621

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	48.819.296.000	13.605.575.000
Chi phí điện	11.090.213.768	8.669.896.200
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.597.518.971	10.317.543.485
Chi phí lãi vay	3.700.752.155	2.854.878.762
Khác	10.348.579.545	2.362.000.000
TỔNG CỘNG	81.556.360.439	37.809.893.447

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	29.719.800.000	-
Phải trả cổ tức	3.892.652.525	3.481.670.900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.853.893.928	1.703.448.900
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.233.267.935	74.361.249
Nhận đặt cọc dự thầu	1.490.000.000	3.370.000.330
Các khoản phải trả khác	2.406.525.407	7.876.236.023
TỔNG CỘNG	42.596.139.795	16.505.717.402

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	925.564.507.711	1.013.296.693.623
Nợ dài hạn thuê tài chính (ii)	49.621.426.080	55.326.179.963
Nợ dài hạn khác	9.969.344.000	26.770.303.840
TỔNG CỘNG	985.155.277.791	1.095.393.177.426
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	302.800.960.695	162.472.223.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	21.036.343.932	14.146.926.948
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	9.969.344.000	16.018.296.560
Vay và nợ dài hạn	651.348.629.164	902.755.730.318

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	89.601.636.695	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đến ngày 15 tháng 8 năm 2016	8,50	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VNĐ	65.894.660.000	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	Từ 7,60 đến 8,50	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu				
Vay VNĐ	54.911.590.000	Từ ngày 6 tháng 11 năm 2015 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	Từ 7,80 đến 8,50	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	561.924.771.861	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2019	8,50	Quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
Vay USD	48.181.849.155	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2015 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,70	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	105.050.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,00	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	925.564.507.711			

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn				
Dưới 1 năm	24.477.641.416	3.441.297.484	17.997.474.657	3.850.547.709
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Từ 1 - 5 năm	31.093.925.619	2.508.843.471	47.621.513.354	6.442.260.339
TỔNG CỘNG	55.571.567.035	5.950.140.955	65.618.988.011	10.292.808.048
				55.326.179.963

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.007.734.351	879.156.291.073	2.268.104.982.349
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	396.110.329.389	396.110.329.389
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(192.626.196.000)	(192.626.196.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.301.938)	-	-	-	(3.301.938)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.233.584.000)	(23.233.584.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	36.988.161.000	(36.988.161.000)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(25.717.883.234)	-	(25.717.883.234)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
Năm nay							
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	688.057.792.771	688.057.792.771
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(144.469.647.000)	(144.469.647.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(49.247.074)	-	-	-	(49.247.074)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	35.747.180.000	28.974.400.000	-	-	-	64.721.580.000
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.413.694.648)	(16.413.694.648)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	18.465.406.480	(18.465.406.480)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(25.138.263.228)	-	(25.138.263.228)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387

(*) Trong năm, Công ty đã tái phát hành 1.600.000 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	144.469.647.000	192.626.196.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	144.058.665.375	192.498.472.300

25.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	100.790.790	100.790.790
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.877.692)	(4.477.692)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	97.913.098	96.313.098

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	31.133.878.040.825	27.965.738.124.852
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	16.293.231.194.980	14.273.844.186.822
Hàng hóa	14.661.767.800.386	13.577.645.192.570
Hoạt động khác	178.879.045.459	114.248.745.460
Các khoản giảm trừ doanh thu	(36.219.065.104)	(15.606.362.602)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(21.522.581.327)	(12.622.297.775)
Giảm giá hàng bán	(5.924.601.756)	(1.914.216.114)
Chiết khấu thương mại	(8.533.133.954)	(1.069.848.713)
Thuế xuất khẩu	(238.748.067)	-
DOANH THU THUẦN	31.097.658.975.721	27.950.131.762.250

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	273.424.302.385	159.658.835.575
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	27.634.610.539	28.432.120.973
Thu nhập từ đầu tư tài chính	2.104.398.889	1.139.560.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.688.579.507	724.584.549
TỔNG CỘNG	304.851.891.320	189.955.101.097

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thành phẩm	14.508.854.195.691	13.188.447.373.691
Hàng hóa	14.394.939.388.754	13.243.596.865.030
Hoạt động khác	170.228.178.309	111.913.153.124
TỔNG CỘNG	29.074.021.762.754	26.543.957.391.845

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	180.561.247.510	178.732.189.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	149.632.722.662	56.702.821.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	38.895.143.213	8.427.796.677
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10.794.438.216	7.172.099.617
TỔNG CỘNG	379.883.551.601	251.034.907.307

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	109.991.563.846	140.129.321.530
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	71.470.321.057	65.210.566.718
Thu từ bán phế liệu	23.436.297.537	63.079.616.145
Thu tiền bồi thường	12.362.037.500	6.173.806.778
Thu nhập khác	2.722.907.752	5.665.331.889
Chi phí khác	(87.953.216.935)	(76.960.835.550)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(71.335.454.311)	(68.412.910.970)
Chi phí khác	(16.617.762.624)	(8.547.924.580)
LỢI NHUẬN KHÁC	22.038.346.911	63.168.485.980

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	12.937.726.814.892	13.329.512.973.369
Chi phí nhân công	482.362.995.143	368.464.398.879
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	373.077.021.625	184.537.661.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	884.644.942.196	771.146.234.367
Chi phí khác	578.528.959.461	495.180.000.201
TỔNG CỘNG	15.256.340.733.317	15.148.841.268.621

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	157.276.375.729	91.648.631.969
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	14.502	10.000.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(19.572.256.637)	(11.862.602.563)
TỔNG CỘNG	137.704.133.594	79.796.029.406

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	825.761.926.365	475.906.358.795
Các điều chỉnh:		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	(273.424.302.385)	(159.658.835.575)
Chi phí không được trừ	56.088.999.786	61.464.043.283
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	32.542.601.776	11.725.557.952
Thay đổi các khoản dự phòng	23.506.237.382	7.353.936.268
Thay đổi chi phí trích trước	46.466.491.506	9.648.510.989
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.588.906.387	(950.262.055)
Khác	(2.638.243.869)	(2.638.180.123)
Thu nhập chịu thuế ước tính	714.892.616.948	402.851.129.534
Thuế TNDN phải nộp ước tính	157.276.375.729	91.648.631.969
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	14.502	10.000.000
Thuế TNDN phải nộp ước tính	157.276.390.231	91.658.631.969
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	30.586.194.784	17.764.117.495
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(148.083.149.484)	(78.836.554.680)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	39.779.435.531	30.586.194.784

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán riêng			
	Số cuối năm	Số đầu năm		
			Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
			Năm nay	
			Năm trước	
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.232.615.587	8.496.504.755	5.736.110.832	5.134.639.979
Chi phí trích trước	14.379.368.294	5.594.676.992	8.784.691.302	3.621.947.120
Các khoản dự phòng	6.724.437.558	2.087.453.315	4.636.984.243	1.770.114.516
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.910.474.749	651.962.818	1.258.511.931	162.746.642
Khác	2.636.420.443	3.480.462.114	(844.041.671)	1.173.154.306
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	39.883.316.631	20.311.059.994		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			19.572.256.637	11.862.602.563

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Chi phí chi hộ Mua khí đốt	11.234.332.056.248 10.844.160.516.428 166.467.000.000 159.806.750.565 8.672.040.000	11.831.109.338.240 10.993.429.364.000 110.510.200.000 122.719.057.015 8.195.360.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Bán tài sản cố định Hàng bán bị trả lại	3.437.005.655.887 3.222.009.427.842 65.609.370.516 14.279.444.060	3.019.078.642.465 2.251.208.073.031 44.774.872.862 1.045.538.628
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản Hoàn trả vay ngắn hạn Vay ngắn hạn	72.580.671.496 9.925.000.000 1.940.000.000 -	10.852.504.423 84.000.000 1.300.000.000 4.200.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Vay ngắn hạn Hoàn trả vay ngắn hạn Cho vay Thu tiền cho vay	183.215.681.661 114.496.402.408 30.000.000.000 19.500.000.000 19.500.000.000 11.000.000.000 11.000.000.000	- - - - - - -
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Cho vay Thu tiền cho vay	369.443.407.507 295.606.474.461 34.000.000.000 6.000.000.000 6.000.000.000	- 2.173.587.234 21.000.000.000 - -

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay Góp vốn	100.000.000.000 80.000.000.000	- -
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng Mua hàng Nhận dịch vụ	1.161.329.951.726 184.654.533.072 3.948.581.818	268.778.547.419 3.595.178.458 3.057.072.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	7.495.846.500	-
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	4.273.000.000	6.360.000.000
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng	60.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	741.762.003.581	413.269.247.273
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	390.228.663.563	709.027.555.064
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	63.828.794.580	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	10.917.500.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Bán hàng	7.523.066.192	2.390.945.956
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	172.451.970	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	-	38.500.000
			1.214.432.479.886	1.124.726.248.293

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	6.458.860.936	3.945.888.000
Phải thu khác				
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	166.481.143.413	46.126.688.336
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay	100.000.000.000	-
		Chi hộ	408.316.578	-
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	86.686.768.532	111.590.513.050
		Chi hộ	864.322.260	3.849.519.179
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	11.487.160.126	1.941.634.189
		Chi hộ	699.300	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	8.769.230.314	-
			464.880.867.523	253.691.581.754

VND

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán				
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	34.196.348.287	3.405.308.388
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	27.695.981.378	-
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	11.100.000.000	4.100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	137.943.985	20.707.019
			73.130.273.650	7.526.015.407
Người mua trả tiền trước				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	1.500.312.265	3.849.977
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	1.194.618.735	22.969.400
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	31.799.200	49.291.849
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Chi hộ	6.850.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	-	2.100.000
			2.233.267.935	74.361.249
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Vay ngắn hạn	9.460.000.000	11.400.000.000

VND

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	8.118.957.415	8.110.590.009
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.050.000.000	5.540.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.054.000.000	1.145.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	10.850.378.000
TỔNG CỘNG	10.222.957.415	25.645.968.009

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	34.785.802.868	28.345.347.738
Từ 1 tới 5 năm	102.023.130.333	80.415.983.201
Trên 5 năm	119.122.043.000	98.678.363.000
TỔNG CỘNG	255.930.976.201	207.439.693.939

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	186.136.854.548	165.985.145.460
Từ 1 tới 5 năm	740.241.077.276	655.060.050.000
Trên 5 năm	754.538.300.000	794.889.300.000
TỔNG CỘNG	1.680.916.231.824	1.615.934.495.460

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có khoản cam kết 18.302.951.124 VNĐ (Ngày 30 tháng 9 năm 2014: 61.885.954.624 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có thể phải đối mặt với các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	VNĐ	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
USD	+50	(15.502.726.948)
VNĐ	+100	(19.864.310.444)
USD	-50	15.502.726.948
VNĐ	-100	19.864.310.444
Năm trước		
USD	+50	(15.876.483.184)
VNĐ	+100	(12.246.596.342)
USD	-50	15.876.483.184
VNĐ	-100	12.246.596.342

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện vay, mua nguyên liệu và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD và EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	VNĐ		
	Thay đổi tỷ giá USD	Thay đổi tỷ giá EUR	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay			
	+1%	+1%	(6.810.550.451)
	-1%	-1%	6.810.550.451
Năm trước			
	+1%	+1%	(55.402.070.500)
	-1%	-1%	55.402.070.500

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách và thủ tục của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Ngoài ra, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ độc lập trong rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	4.400.210.324.546	651.348.629.164	5.051.558.953.710
Phải trả người bán	555.161.842.884	-	555.161.842.884
Chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác	68.586.657.781	-	68.586.657.781
	5.023.958.825.211	651.348.629.164	5.675.307.454.375
Số đầu năm			
Vay và nợ	4.749.052.198.420	902.755.730.318	5.651.807.928.738
Phải trả người bán	1.825.290.959.556	-	1.825.290.959.556
Chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác	35.524.916.049	-	35.524.916.049
	6.609.868.074.025	902.755.730.318	7.512.623.804.343

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18 và 24).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng				
Tài sản tài chính								
Phải thu khách hàng	442.780.857.243	(2.306.413.077)	596.445.121.409	(1.283.053.783)	440.474.444.166	595.162.067.626	1.378.417.830.047	1.378.417.830.047
Phải thu bên liên quan	1.679.313.347.409	-	1.378.417.830.047	-	1.679.313.347.409	1.378.417.830.047	-	-
Phải thu khác	37.902.664.482	-	12.599.695.350	-	37.902.664.482	12.599.695.350	-	-
Tài sản tài chính dài hạn khác	27.012.549.901	-	2.012.549.901	-	27.012.549.901	2.012.549.901	-	-
Đầu tư dài hạn khác	4.367.000.000	-	8.640.000.000	-	4.367.000.000	8.640.000.000	-	-
Tiền và tương đương tiền	233.828.787.007	-	138.001.647.603	-	233.828.787.007	138.001.647.603	-	-
TỔNG CỘNG	2.425.205.206.042	(2.306.413.077)	2.136.116.844.310	(1.283.053.783)	2.422.898.792.965	2.134.833.790.527		
Nợ phải trả tài chính								
Vay và nợ	5.051.558.953.710		5.651.807.928.738		5.051.558.953.710	5.651.807.928.738		
Phải trả người bán	482.031.569.234		1.817.764.944.149		482.031.569.234	1.817.764.944.149		
Phải trả bên liên quan	75.363.541.585		7.600.376.656		75.363.541.585	7.600.376.656		
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	66.353.389.846		35.450.554.800		66.353.389.846	35.450.554.800		
TỔNG CỘNG	5.675.307.454.375		7.512.623.804.343		5.675.307.454.375	7.512.623.804.343		

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- Giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Các khoản phải thu khác	153.846.626.940	(90.183.227.000)	63.663.399.940
Trả trước cho người bán	176.032.958.092	90.183.227.000	266.216.185.092

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tái phát hành 2.877.692 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2015, Công ty cũng đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:3 (phát hành 3 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ), theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/NQ/HĐQT/2015 ngày 16 tháng 10 năm 2015. Theo đó, số cổ phiếu đã được phát hành là 30.236.277, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ.

Ngoài các sự kiện được trình bày ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.



Trần Công Tiên
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015

Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B01-DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B02-DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B03-DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B09-DN/HN)	10

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban	
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 49/UQ/CT-HĐQT/2013 ngày 11 tháng 11 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 12 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 16 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.169.208.246.510	6.399.611.833.585
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	276.693.474.303	155.963.095.793
111	1. Tiền		276.553.474.303	139.263.095.793
112	2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000	16.700.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		755.197.646.602	823.122.365.399
131	1. Phải thu khách hàng	5	463.585.455.917	639.992.051.617
132	2. Trả trước cho người bán	6	167.828.872.721	79.367.648.892
135	3. Các khoản phải thu khác	7	128.763.462.383	106.945.169.226
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.980.144.419)	(3.182.504.336)
140	III. Hàng tồn kho	8	3.543.824.680.642	4.746.911.757.910
141	1. Hàng tồn kho		3.556.893.515.074	4.747.945.028.668
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.068.834.432)	(1.033.270.758)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		593.492.444.963	673.614.614.483
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	70.777.061.388	63.446.522.228
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		505.938.992.914	605.808.775.598
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	106.928.841
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	16.776.390.661	4.252.387.816
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.271.405.772.353	3.806.028.656.750
210	I. Phải thu dài hạn		25.000.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	25.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		4.034.358.380.733	3.654.010.184.217
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.403.033.912.877	3.189.284.149.072
222	Nguyên giá		5.246.748.844.976	4.589.465.633.409
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.843.714.932.099)	(1.400.181.484.337)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	225.651.722.500	165.181.799.071
225	Nguyên giá		283.930.508.092	197.947.748.863
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(58.278.785.592)	(32.765.949.792)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	294.658.947.373	233.117.465.014
228	Nguyên giá		320.750.579.776	255.736.845.670
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.091.632.403)	(22.619.380.656)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	111.013.797.983	66.426.771.060
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	38.352.640.301	45.924.232.017
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	33.985.640.301	37.284.232.017
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16.2	4.367.000.000	8.640.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		173.694.751.319	106.094.240.516
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	110.638.707.574	70.471.118.888
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	59.470.493.844	31.207.571.727
268	3. Tài sản dài hạn khác		3.585.549.901	4.415.549.901
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.440.614.018.863	10.205.640.490.335

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.529.891.553.340	7.826.443.294.669
310	I. Nợ ngắn hạn		5.554.945.442.317	6.867.040.020.620
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	4.521.419.411.847	4.756.010.502.749
312	2. Phải trả người bán	19	626.270.248.080	1.885.979.467.059
313	3. Người mua trả tiền trước	20	134.061.742.054	61.287.438.660
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	71.263.611.531	47.193.566.120
315	5. Phải trả người lao động		40.673.027.547	41.256.129.506
316	6. Chi phí phải trả	22	104.040.657.497	42.578.494.225
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	48.854.120.155	23.486.905.843
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.362.623.606	9.247.516.458
330	II. Nợ dài hạn		974.946.111.023	959.403.274.049
334	1. Vay và nợ dài hạn	24	969.894.221.023	953.820.775.299
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		5.051.890.000	5.582.498.750
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.910.722.465.523	2.379.197.195.666
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	2.910.722.465.523	2.379.197.195.666
411	1. Vốn cổ phần		1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		487.290.470.363	451.543.290.363
414	3. Cổ phiếu quỹ		(52.113.695.510)	(81.038.848.436)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.525.313.060	8.525.313.060
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.605.155.369	13.278.012.117
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.452.507.322.241	978.981.528.562
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.440.614.018.863	10.205.640.490.335

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	3.130.927,61	1.890.293,59
- Euro (EUR)	228,42	226,09
- Đô la Úc (AUD)	306,85	306,85



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	17.469.894.530.725	15.005.074.576.304
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(23.022.952.903)	(14.713.596.230)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	17.446.871.577.822	14.990.360.980.074
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(14.869.355.353.248)	(13.240.125.281.029)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.577.516.224.574	1.750.235.699.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	31.594.688.388	30.490.606.576
22	7. Chi phí tài chính	28	(424.655.641.040)	(256.363.406.116)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(224.013.370.890)	(183.558.980.466)
24	8. Chi phí bán hàng		(864.210.788.876)	(672.774.723.079)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(511.797.744.891)	(393.176.046.163)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		808.446.738.155	458.412.130.263
31	11. Thu nhập khác	29	64.879.565.362	96.439.652.562
32	12. Chi phí khác	29	(41.011.033.124)	(31.462.908.658)
40	13. Lợi nhuận khác	29	23.868.532.238	64.976.743.904
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		832.315.270.393	523.388.874.167
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(207.703.650.703)	(128.234.861.960)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	28.262.922.117	15.188.354.027
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		652.874.541.807	410.342.366.234
70	18. Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	25.4		
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.211	3.277
	- Lãi suy giảm trên cổ phiếu		5.211	3.277

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		832.315.270.393	523.388.874.167
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12,13,14	481.865.483.538	353.992.992.730
03	Các khoản dự phòng		24.627.641.973	7.492.859.415
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28	39.200.387.990	8.461.111.522
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.831.119.281)	2.131.230.144
06	Chi phí lãi vay	28	224.013.370.890	183.558.980.466
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.600.191.035.503	1.079.026.048.444
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		70.085.534.668	(501.431.627.983)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.191.051.513.594	(1.727.480.492.245)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.092.412.971.892)	561.129.436.385
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(26.873.180.734)	9.913.139.325
13	Tiền lãi vay đã trả		(222.444.620.537)	(182.868.316.481)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(196.935.049.387)	(109.496.100.262)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.436.850.728)	(44.167.732.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.280.225.410.487	(915.375.645.108)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(735.065.118.851)	(1.192.558.723.263)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		27.911.515.269	20.653.245.183
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.495.846.500)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.273.000.000	6.360.000.000
27	Tiền lãi đã nhận		3.679.594.871	2.019.860.610
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(706.696.855.211)	(1.163.525.617.470)



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		64.721.580.000	-
32	Tiền chi mua cổ phiếu đã phát hành		(49.247.074)	(3.301.938)
33	Tiền vay nhận được		13.314.828.925.538	12.580.815.674.804
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.606.183.791.767)	(10.295.025.989.274)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(71.830.837.088)	(33.198.199.870)
36	Chi trả cổ tức		(144.058.665.375)	(192.217.558.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(442.572.035.766)	2.060.370.625.422
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		130.956.519.510	(18.530.637.156)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		155.963.095.793	177.312.594.189
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.226.141.000)	(2.818.861.240)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	276.693.474.303	155.963.095.793



Trần Công Tiến
Người lập

Ngày 25 tháng 12 năm 2015



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 5.757 (30 tháng 9 năm 2014: 4.269).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen (“HSS”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSS.

Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen (“HSBM”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSBM.

Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen (“HTME”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HTME.

1. THÔNG TIN CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định (“HSBD”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSBD.

Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An (“HSNC”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901722597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 28 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSNC tọa lạc tại Lô C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNC trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSNC.

Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An (“HSDH”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSDH tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hồi, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSDH trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSDH.

Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam (“HSHN”) là công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Khu Công nghiệp Đồng Văn III, Xã Yên Bắc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu trong HSHN.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.1 **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu hao theo thời hạn thuê trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản vay được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian năm (5) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ và quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.20 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.935.643.278	19.964.286.190
Tiền gửi ngân hàng	263.617.831.025	119.298.809.603
Các khoản tương đương tiền	140.000.000	16.700.000.000
TỔNG CỘNG	276.693.474.303	155.963.095.793

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	462.253.669.867	639.941.451.617
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.331.786.050	50.600.000
TỔNG CỘNG	463.585.455.917	639.992.051.617
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.240.144.419)	(3.182.504.336)
GIÁ TRỊ THUẦN	459.345.311.498	636.809.547.281

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.182.504.336)	(3.004.125.480)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.057.640.083)	(543.145.647)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	364.766.791
Số cuối năm	(4.240.144.419)	(3.182.504.336)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	159.535.893.785	75.421.760.892
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	8.292.978.936	3.945.888.000
TỔNG CỘNG	167.828.872.721	79.367.648.892

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	90.183.227.000	90.183.227.000
Phải thu các bên khác	38.580.235.383	16.761.942.226
TỔNG CỘNG	128.763.462.383	106.945.169.226

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.476.736.000.611	1.923.425.222.895
Nguyên vật liệu	1.211.706.536.815	795.263.809.305
Hàng mua đang đi đường	333.244.047.678	1.541.887.466.350
Công cụ, dụng cụ	336.834.222.083	264.784.363.942
Hàng hóa	198.372.707.887	222.293.345.220
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	290.820.956
TỔNG CỘNG	3.556.893.515.074	4.747.945.028.668
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.068.834.432)	(1.033.270.758)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.543.824.680.642	4.746.911.757.910

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18, Tập đoàn đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 1.402.715.774.241 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

8. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.033.270.758)	(890.889.816)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(12.035.563.674)	(142.380.942)
Số cuối năm	(13.068.834.432)	(1.033.270.758)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	25.002.327.467	26.583.286.264
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.121.636.138	20.991.017.687
Chi phí thuê nhà xưởng	9.708.434.406	7.410.851.938
Chi phí sửa chữa	2.974.271.924	1.388.505.556
Chi phí bảo hiểm	1.987.968.179	854.233.494
Chi phí tư vấn	1.408.729.769	1.663.750.316
Khác	9.573.693.505	4.554.876.973
TỔNG CỘNG	70.777.061.388	63.446.522.228

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	6.884.731.461	4.177.295.804
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.891.659.200	75.092.012
TỔNG CỘNG	16.776.390.661	4.252.387.816
Dự phòng tài sản ngắn hạn khác	(740.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	16.036.390.661	4.252.387.816

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hồi, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	834.824.965.463	3.594.243.176.066	125.150.162.661	13.936.436.106	21.310.893.113	4.589.465.633.409
Mua mới trong năm	998.040.558	99.594.536.039	23.259.231.169	1.724.367.329	168.002.350	125.744.177.445
Đầu tư XDCB hoàn thành	137.547.471.947	242.115.159.879	157.769.111.259	-	165.363.636	537.597.106.721
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	30.987.116.489	-	-	-	30.987.116.489
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.877.387.379)	(439.992.849)	(620.105.021)	(107.703.839)	(37.045.189.088)
Số cuối năm	973.370.477.968	3.931.062.601.094	305.738.512.240	15.040.698.414	21.536.555.260	5.246.748.844.976
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	795.024.319	111.855.338.812	19.059.320.917	1.389.919.877	1.023.547.654	134.123.151.579
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(191.470.656.501)	(1.142.887.903.550)	(53.090.555.906)	(3.360.014.257)	(9.372.354.123)	(1.400.181.484.337)
Khấu hao trong năm	(48.418.462.322)	(369.752.195.332)	(21.720.932.140)	(2.741.144.644)	(3.108.415.828)	(445.741.150.266)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(7.139.245.725)	-	-	-	(7.139.245.725)
Thanh lý, nhượng bán	-	8.412.833.614	213.039.113	620.105.021	100.970.481	9.346.948.229
Số cuối năm	(239.889.118.823)	(1.511.366.510.993)	(74.598.448.933)	(5.481.053.880)	(12.379.799.470)	(1.843.714.932.099)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	643.354.308.962	2.451.355.272.516	72.059.606.755	10.576.421.849	11.938.538.990	3.189.284.149.072
Số cuối năm	733.481.359.145	2.419.696.090.101	231.140.063.307	9.559.644.534	9.156.755.790	3.403.033.912.877

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Tập đoàn đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản hữu hình khác với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 lần lượt là 298.881.672.734 VNĐ; 1.935.802.621.673 VNĐ; 131.421.966.095 VNĐ; 3.045.767.261 VNĐ và 671.248.286 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	187.781.385.228	10.166.363.635	197.947.748.863
Tăng trong năm	106.803.512.083	10.166.363.635	116.969.875.718
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(30.987.116.489)	-	(30.987.116.489)
Số cuối năm	263.597.780.822	20.332.727.270	283.930.508.092
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(32.206.272.413)	(559.677.379)	(32.765.949.792)
Khấu hao trong năm	(31.142.891.003)	(1.509.190.522)	(32.652.081.525)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	7.139.245.725	-	7.139.245.725
Số cuối năm	(56.209.917.691)	(2.068.867.901)	(58.278.785.592)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	155.575.112.815	9.606.686.256	165.181.799.071
Số cuối năm	207.387.863.131	18.263.859.369	225.651.722.500

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	253.918.620.889	1.818.224.781	255.736.845.670
Tăng trong năm	65.013.734.106	-	65.013.734.106
Số cuối năm	318.932.354.995	1.818.224.781	320.750.579.776
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.669.584.781	2.125.980.925
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(20.880.898.936)	(1.738.481.720)	(22.619.380.656)
Hao mòn trong năm	(3.429.254.416)	(42.997.331)	(3.472.251.747)
Số cuối năm	(24.310.153.352)	(1.781.479.051)	(26.091.632.403)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	233.037.721.953	79.743.061	233.117.465.014
Số cuối năm	294.622.201.643	36.745.730	294.658.947.373

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 226.399.314.741 VNĐ để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng nhà máy	70.263.136.487	8.468.144.143
Mua sắm tài sản cố định	34.779.434.350	54.270.761.854
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.454.470.560	2.373.686.871
Khác	1.516.756.586	1.314.178.192
TỔNG CỘNG	111.013.797.983	66.426.771.060

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	33.985.640.301	37.284.232.017
Đầu tư tài chính dài hạn khác (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	4.367.000.000	8.640.000.000
TỔNG CỘNG	38.352.640.301	45.924.232.017

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep	45	33.985.640.301	45	37.284.232.017	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển

16.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	3	8.640.000.000	3

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	64.635.313.493	45.248.342.863
Chi phí thuê nhà xưởng	24.100.752.551	6.536.180.136
Chi phí sửa chữa	19.177.548.798	15.691.417.489
Khác	2.725.092.732	2.995.178.400
TỔNG CỘNG	110.638.707.574	70.471.118.888

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	4.113.021.943.841	4.545.014.751.312
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	352.373.244.022	168.014.723.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	46.054.879.984	26.962.731.277
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	9.969.344.000	16.018.296.560
TỔNG CỘNG	4.521.419.411.847	4.756.010.502.749

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	1.112.257.168.458	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	4,30	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	19.880.237.511	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2015 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015	1,60	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	1.039.042.431.699	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	Từ 4,30 đến 4,40	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	221.235.957.923	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2015 đến ngày 4 tháng 1 năm 2016	Từ 1,55 đến 1,60	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	35.287.334.785	Ngày 12 tháng 2 năm 2016	4,50	Quyền sử dụng đất
Vay USD	47.137.019.580	Ngày 31 tháng 1 năm 2016	1,65	Quyền sử dụng đất

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài				
Vay VNĐ	56.078.267.922	Từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 14 tháng 2 năm 2016	4,30	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	163.310.313.435	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2016 đến ngày 1 tháng 2 năm 2016	4,30	Hàng tồn kho
Vay USD	78.079.847.463	Ngày 7 tháng 11 năm 2015	1,40	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	74.405.100.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2015	4,70	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Vay USD	84.308.680.464	Ngày 10 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VNĐ	8.210.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2015	4,10	Quyền sử dụng đất
Vay USD	164.542.994.571	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2015 đến ngày 10 tháng 12 năm 2015	Từ 1,40 đến 1,50	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	769.695.120.702	Từ ngày 2 tháng 11 năm 2015 đến ngày 21 tháng 2 năm 2016	4,30	Tín chấp
Vay USD	53.904.505.890	Ngày 20 tháng 11 năm 2015	1,60	Tín chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VNĐ	108.864.000.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 22 tháng 1 năm 2016	4,10	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay USD	76.782.963.438	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2015 đến ngày 9 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho, quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	4.113.021.943.841			

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	626.132.304.095	1.885.958.760.040
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	137.943.985	20.707.019
TỔNG CỘNG	626.270.248.080	1.885.979.467.059

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ các bên khác	131.643.165.514	61.283.588.683
Trả trước từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	2.418.576.540	3.849.977
TỔNG CỘNG	134.061.742.054	61.287.438.660

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 31.2</i>)	54.612.287.183	43.843.685.867
Thuế giá trị gia tăng	15.399.013.086	2.488.344.659
Thuế thu nhập cá nhân	1.174.732.989	860.638.794
Các loại thuế khác	77.578.273	896.800
TỔNG CỘNG	71.263.611.531	47.193.566.120

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	65.064.286.000	16.229.395.000
Chi phí điện	11.691.391.739	9.362.335.924
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.662.678.218	10.317.543.485
Chi phí lãi vay	4.486.704.614	2.917.954.261
Khác	15.135.596.926	3.751.265.555
TỔNG CỘNG	104.040.657.497	42.578.494.225

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	29.719.800.000	-
Phải trả cổ tức	4.173.566.525	3.762.584.900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	3.169.672.863	2.316.381.763
Nhận đặt cọc dự thầu	1.490.000.000	3.370.000.330
Phải trả khác cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	9.301.080.767	14.037.938.850
TỔNG CỘNG	48.854.120.155	23.486.905.843

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	1.223.388.652.292	1.041.736.693.623
Nợ dài hạn thuê tài chính (ii)	144.933.692.737	96.309.529.273
Nợ dài hạn khác	9.969.344.000	26.770.303.840
TỔNG CỘNG	1.378.291.689.029	1.164.816.526.736
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 18</i>)	352.373.244.022	168.014.723.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 18</i>)	46.054.879.984	26.962.731.277
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 18</i>)	9.969.344.000	16.018.296.560
Vay và nợ dài hạn	969.894.221.023	953.820.775.299

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	186.121.636.695	Từ ngày 6 tháng 11 năm 2015 đến ngày 13 tháng 5 năm 2019	Từ 8,20 đến 9,50	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VNĐ	65.894.660.000	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	Từ 7,60 đến 8,50	Phương tiện vận tải

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Á Châu				
Vay VNĐ	54.911.590.000	Từ ngày 6 tháng 11 năm 2015 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	Từ 7,80 đến 8,50	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	658.369.516.442	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đến ngày 24 tháng 1 năm 2024	Từ 7,80 đến 8,50	Quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài				
Vay VNĐ	4.859.400.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 4 năm 2019	8,00	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
Vay USD	48.181.849.155	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2015 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,70	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	105.050.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,00	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	100.000.000.000	Từ ngày 9 tháng 11 năm 2015 đến ngày 9 tháng 10 năm 2019	Từ 5,70 đến 8,06	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	1.223.388.652.292			

Tập đoàn sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính như sau:

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Nợ gốc	Tổng các khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Dưới 1 năm	56.474.403.722	10.419.523.738	34.431.379.642	7.468.648.365
Nợ thuê tài chính dài hạn				
Từ 1 - 5 năm	110.179.398.375	11.300.585.622	80.624.142.102	11.277.344.106
TỔNG CỘNG	166.653.802.097	21.720.109.360	115.055.521.744	18.745.992.471

VNĐ

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.007.734.351	821.487.103.328	2.210.435.794.604
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	410.342.366.234	410.342.366.234
Cổ tức công bố	-	-	(3.301.938)	-	-	(192.626.196.000)	(192.626.196.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.301.938)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.233.584.000)	(23.233.584.000)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	36.988.161.000	(36.988.161.000)	-
Sử dụng quỹ khác	-	-	-	-	(25.717.883.234)	-	(25.717.883.234)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	978.981.528.562	2.379.197.195.666
Năm nay							
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	978.981.528.562	2.379.197.195.666
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	652.874.541.807	652.874.541.807
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(144.469.647.000)	(144.469.647.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	35.747.180.000	-	28.974.400.000	-	-	-	64.721.580.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(49.247.074)	-	-	-	(49.247.074)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.413.694.648)	(16.413.694.648)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	18.465.406.480	(18.465.406.480)	-
Sử dụng quỹ khác	-	-	-	-	(25.138.263.228)	-	(25.138.263.228)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	6.605.155.369	1.452.507.322.241	2.910.722.465.523

(*) Trong năm, Tập đoàn đã tái phát hành 1.600.000 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	144.469.647.000	192.626.196.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	144.058.665.375	192.217.558.300

25.3 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.790.790	100.790.790
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.877.692)	(4.477.692)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.913.098	96.313.098

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	652.874.541.807	410.342.366.234
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (*)	125.298.205	125.207.027
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	5.211	3.277
Lãi suy giảm	5.211	3.277

(*) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm nay và năm trước được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Tập đoàn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	17.469.894.530.725	15.005.074.576.304
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	13.780.568.305.421	12.515.189.659.910
Hàng hóa	3.686.752.977.336	2.488.094.369.488
Hoạt động khác	2.573.247.968	1.790.546.906
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(23.022.952.903)	(14.713.596.230)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(9.174.845.515)	(1.072.761.848)
Hàng bán bị trả lại	(7.671.981.524)	(11.726.618.268)
Giảm giá hàng bán	(5.937.377.797)	(1.914.216.114)
Thuế xuất khẩu	(238.748.067)	-
DOANH THU THUẦN	17.446.871.577.822	14.990.360.980.074

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	27.915.093.517	28.470.745.966
Thu nhập từ đầu tư tài chính	1.727.000.000	1.139.560.000
Thu nhập lãi tiền gửi	1.952.594.871	880.300.610
TỔNG CỘNG	31.594.688.388	30.490.606.576

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thành phẩm	11.455.050.521.672	11.090.002.610.791
Hàng hóa	3.414.011.508.400	2.149.668.822.482
Hoạt động khác	293.323.176	453.847.756
TỔNG CỘNG	14.869.355.353.248	13.240.125.281.029

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	224.013.370.890	183.558.980.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	150.647.443.944	57.171.214.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	39.200.387.990	8.461.111.522
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10.794.438.216	7.172.099.617
TỔNG CỘNG	424.655.641.040	256.363.406.116

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	64.879.565.362	96.439.652.562
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	27.911.515.269	20.653.245.183
Thu từ bán phế liệu	21.104.688.084	63.406.009.216
Thu tiền bồi thường	12.362.037.500	6.173.806.778
Thu nhập khác	3.501.324.509	6.206.591.385
Chi phí khác	(41.011.033.124)	(31.462.908.658)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(27.698.240.859)	(24.619.874.992)
Chi phí khác	(13.312.792.265)	(6.843.033.666)
LỢI NHUẬN KHÁC	23.868.532.238	64.976.743.904

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	12.876.638.971.133	13.047.737.366.791
Chi phí nhân công	657.035.704.773	492.472.692.820
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	481.865.483.538	255.898.067.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.491.493.342.227	1.140.070.851.867
Chi phí khác	750.448.046.376	652.049.041.026
TỔNG CỘNG	16.257.481.548.047	15.588.228.019.858

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Tập đoàn là 22% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HTME trong năm nay là 20% thu nhập chịu thuế và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSBM là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi HSBM bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. HSBM được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 5 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSNC là 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi HSNC bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. HSNC được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSDH là 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi HSDH bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. HSDH được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- HSBD được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	207.702.023.401	127.862.436.485
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.627.302	372.425.475
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(28.262.922.117)	(15.188.354.027)
TỔNG CỘNG	179.440.728.586	113.046.507.933

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

31.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	832.315.270.393	523.388.874.167
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	61.320.749.471	65.599.877.425
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	68.889.166.364	689.074.589
Thay đổi chi phí trích trước	61.789.316.001	12.036.818.306
Thay đổi các khoản dự phòng	24.011.800.723	8.020.721.915
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.588.906.387	(950.262.055)
Lỗi tính thuế của các công ty con	743.828.162	104.249.982
Khác	(2.638.243.869)	(2.638.180.123)
Lợi nhuận đã điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	1.053.020.793.632	606.251.174.206
Lỗ năm trước chuyển sang	(104.249.982)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.052.916.543.650	606.251.174.206
Thuế TNDN phải nộp ước tính	231.291.948.544	137.842.097.231
Thuế TNDN được miễn, giảm	(23.589.925.143)	(9.979.660.746)
Thuế TNDN phải nộp ước tính sau miễn, giảm	207.702.023.401	127.862.436.485
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	1.627.302	372.425.475
Thuế TNDN ước tính sau điều chỉnh	207.703.650.703	128.234.861.960
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	43.843.685.867	25.104.924.169
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(196.935.049.387)	(109.496.100.262)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	54.612.287.183	43.843.685.867

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	30.030.570.812	19.393.016.488	10.637.554.324	8.460.391.443
Chi phí trích trước	17.689.924.504	5.594.676.992	12.095.247.512	3.621.947.120
Các khoản dự phòng	7.203.103.336	2.087.453.315	5.115.650.021	1.770.114.516
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.910.474.749	651.962.818	1.258.511.931	162.746.642
Khác	2.636.420.443	3.480.462.114	(844.041.671)	1.173.154.306
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	59.470.493.844	31.207.571.727		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			28.262.922.117	15.188.354.027

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Nhận dịch vụ Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.301.241.868.031 184.654.533.072 3.948.581.818 1.329.682.333	385.043.155.535 3.595.178.458 3.057.072.818 56.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	7.495.846.500	-
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	4.273.000.000	6.360.000.000
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng	60.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	1.331.786.050	50.600.000
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	8.292.978.936	3.945.888.000
Phải thu khác				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	137.943.985	20.707.019
Người mua trả tiền trước				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.418.576.540	3.849.977
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	-

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	8.118.957.415	8.110.590.009
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.050.000.000	5.540.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.054.000.000	1.145.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	10.850.378.000
TỔNG CỘNG	10.222.957.415	25.645.968.009

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	42.332.637.447	35.342.143.903
Từ 1 tới 5 năm	124.191.468.650	103.819.767.860
Trên 5 năm	268.627.842.340	204.775.855.609
TỔNG CỘNG	435.151.948.437	343.937.767.372

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Tập đoàn có khoản cam kết trị giá 836.113.556.098 VNĐ (30 tháng 9 năm 2014: 81.753.325.170 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Tập đoàn có thể phải đối mặt với các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	VNĐ	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
USD	+50	(15.502.726.948)
VNĐ	+100	(22.210.677.763)
USD	-50	15.502.726.948
VNĐ	-100	22.210.677.763
Năm trước		
USD	+50	(15.876.483.184)
VNĐ	+100	(12.853.892.608)
USD	-50	15.876.483.184
VNĐ	-100	12.853.892.608

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện vay, mua nguyên liệu và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD và EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	VNĐ		
	Thay đổi tỷ giá USD	Thay đổi tỷ giá EUR	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay			
	+1%	+1%	(5.562.121.009)
	-1%	-1%	5.562.121.009
Năm trước			
	+1%	+1%	(55.532.435.807)
	-1%	-1%	55.532.435.807

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách và thủ tục của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Ngoài ra, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ độc lập trong rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Tập đoàn đã lập dự phòng, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính khác đều trong hạn và không bị suy giảm.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	4.521.014.461.847	970.299.171.023	5.491.313.632.870
Phải trả người bán	626.270.248.080	-	626.270.248.080
Chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác	80.487.252.264	-	80.487.252.264
	5.227.771.962.191	970.299.171.023	6.198.071.133.214
Số đầu năm			
Vay và nợ	4.756.010.502.749	953.820.775.299	5.709.831.278.048
Phải trả người bán	1.885.979.467.059	-	1.885.979.467.059
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	43.757.038.405	-	43.757.038.405
	6.685.747.008.213	953.820.775.299	7.639.567.783.512

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18 và 24).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	462.253.669.867	(4.240.144.419)	639.941.451.617	458.013.525.448	636.758.947.281	
Phải thu bên liên quan	91.515.013.050	-	90.233.827.000	91.515.013.050	90.233.827.000	
Phải thu khác	48.471.894.583	-	16.837.034.238	48.471.894.583	16.837.034.238	
Tài sản tài chính dài hạn khác	28.585.549.901	-	4.415.549.901	28.585.549.901	4.415.549.901	
Đầu tư dài hạn khác	4.367.000.000	-	8.640.000.000	4.367.000.000	8.640.000.000	
Tiền và tương đương tiền	276.693.474.303	-	155.963.095.793	276.693.474.303	155.963.095.793	
TỔNG CỘNG	911.886.601.704	(4.240.144.419)	916.030.958.549	907.646.457.285	912.848.454.213	
						VNĐ
Nợ phải trả tài chính						
Vay	5.491.313.632.870	5.709.831.278.048	5.491.313.632.870	5.491.313.632.870	5.709.831.278.048	
Phải trả người bán	626.132.304.095	1.885.958.760.040	626.132.304.095	1.885.958.760.040	1.885.958.760.040	
Phải trả bên liên quan	1.137.943.985	20.707.019	1.137.943.985	1.137.943.985	20.707.019	
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	79.487.252.264	43.757.038.405	79.487.252.264	79.487.252.264	43.757.038.405	
TỔNG CỘNG	6.198.071.133.214	7.639.567.783.512	6.198.071.133.214	6.198.071.133.214	7.639.567.783.512	
						VNĐ

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- Giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	10.665.252.958.805	9.042.506.962.551	6.781.618.619.017	5.947.854.017.523	17.446.871.577.822	14.990.360.980.074
Giá vốn	(8.547.682.145.156)	(7.662.704.741.381)	(6.321.673.208.092)	(5.577.420.539.648)	(14.869.355.353.248)	(13.240.125.281.029)
Lợi nhuận gộp	2.117.570.813.649	1.379.802.221.170	459.945.410.925	370.433.477.875	2.577.516.224.574	1.750.235.699.045
						VNĐ

37. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Trả trước cho người bán	169.550.875.892	(90.183.227.000)	79.367.648.892
Các khoản phải thu khác	16.761.942.226	90.183.227.000	106.945.169.226
Đầu tư vào công ty liên kết	44.456.331.634	(7.172.099.617)	37.284.232.017
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.172.099.617)	7.172.099.617	-
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Tăng các khoản phải trả khác	553.788.629.711	7.340.806.674	561.129.436.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(102.155.293.588)	(7.340.806.674)	(109.496.100.262)

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn thành việc tái phát hành 2.877.692 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn cũng đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:3 (phát hành 3 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ), theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/NQ/HĐQT/2015 ngày 16 tháng 10 năm 2015. Theo đó, số cổ phiếu đã được phát hành là 30.236.277, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ.

Ngoài các sự kiện được trình bày ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2015



TẬP ĐOÀN HOA SEN

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2,
P. Dĩ An, Tx. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT : (0650) 3790 955
Fax : (0650) 3790 888
www.hoasengroup.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

183 Nguyễn Văn Trỗi, P. 10,
Q. Phú Nhuận, Tp.HCM, Việt Nam
ĐT : (08) 3999 0111
Fax : (08) 3999 0222